

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập 300 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hoặc trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi tuần theo thứ tự họ hoặc tên qua mẫu tự *A, B, C...* Xin thành thực cảm ơn những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngô Không Phí Ngọc Hùng.

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Văn Thọ

Tiểu sử

Sinh năm 1948 tại Thái Bình, trú quán ở Hà Nội. Hiện đang sinh sống tại Đức.

Tác phẩm

Tập thơ: *Mảnh vỡ, Cửa sổ, Bên kia trái đất.*

Tập truyện ngắn: *Gió lạnh, và Vàng xưa.*



Hàng Bè – tranh Bùi Xuân Phái (1920 – 1988)

Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Làng bên sông – 2

Quyên – 8

Nhà ba hộ - 20

Một người Đức - 32

Phụ đính :

Vườn Maria - Phố cũ - Vết sẹo

Xuân, tháng hai Hà Nội - Âm ảnh

Người Hà Nội - Theo dấu chân Khoa ở Đức

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Nhà văn Nguyễn Văn Thọ hiện nay kiếm sống tại Cộng Hòa Đức. Ông đã từng tham gia 12 năm chiến tranh tại Việt Nam, với cương vị trực tiếp trên mặt trận. Sau giải ngũ ông làm nhiều nghề kiếm sống. Tốt nghiệp kĩ sư kinh tế ngành thương mại tại Việt Nam.

Có tác phẩm giới thiệu trên báo chí văn chương trong nước từ năm 1985. Ông tham gia viết nhiều thể loại văn học, bám sát cuộc sống và phản ánh cuộc chiến tại Việt Nam, cuộc sống của những người lao động tại Châu Âu- Đức

Những tác phẩm chính là:

- Tập truyện ngắn Gió Lạnh.
- Tập truyện ngắn Vàng Xưa.
- Ba tập thơ: Mnh Vỡ- Cửa Sổ- Bên kia trái đất.

Giải thưởng:

- Giải của tuần báo văn nghệ- Hội nhà Văn VN cuộc thi truyện ngắn 2000-2001 - Giải tư. Vườn Maria
- Giải nhì(không có giải nhất) trong cuộc thi truyện ngắn hai năm tạp chí Văn Nghệ Quân Đội tại Việt Nam 2001-2002

Làng bên sông

Cách có con sông, bên kia làng tôi là thành phố. Tôi đã nhiều lần sang bờ bên kia bằng đò ngang, ấy vậy mà rất lạ là cứ mỗi lần bước chân xuống đò đi tới giữa sông, tôi có cảm giác như chính nơi đó có bức tường vô hình ngăn cách, chia đôi toàn bộ không gian và dờng như cả thời gian. Tất nhiên, nhìn vào thành phố đêm đêm, tôi thấy đẹp và yên tĩnh hơn, nhất là vào những buổi chiều, tôi với mẹ ra bãi làm cỏ ngô về muộn. Gió rì rào, rì rào thổi... không khí chùng xuống, nắng nhạt đi, ngai ngái hoa cỏ, khô cong thơm dễ chịu. Bạn hãy tưởng tượng đi, về tới ven làng tôi thì tối. Từ mặt đê, cái làng chìm xuống một màu đen, còn bên kia, tôi ngoảnh sang, lấp la lấp lánh như trăm ngàn ngôi sao tỏa sáng. Khi ấy, tôi được sống trong một vùng đất mà thuở ấu thơ, khi những ước mơ khát khao, chưa bị tuổi đời, sự nếm trải làm rạn nứt thì mọi thứ đều thanh bình và êm ả.

Có buổi, dạo ấy tôi mới chín tuổi, theo cha tôi đi bắt ếch nằm mà, ngồi chờ cha tôi dùng thuổng, móc, tìm và tận diệt, tóm từng chú ếch vàng ươm định ngủ đông, tôi chợt nghe thấy tiếng ì oầm và rất lạ như có một con thú gì rất lớn kêu oầm oầm bên sông vọng lên. Tôi hoảng sợ, gọi thất thanh bố tôi và chỉ ra bờ sông. Có gì đâu, đó là tiếng sóng vỗ mạnh vào đầu một con phà đang neo. Đêm vắng quá, lặng quá, tiếng vỗ dội vào không gian một âm thanh ma quái. Chuyện ấy gây ấn tượng với tôi mãi.

Nếu tôi không nhớ lầm thì mùa hè năm ấy nắng rõ nắng. Tôi nhìn rõ những con cóc cụ, miệng đớp đớp trong bóng râm ở bụi tre gai. Dưới gốc gạo chỗ quanh ra bãi, cạnh lò gạch, còn thấy bốn con chuồn chuồn đuôi bầu vào nhau miệng hớp nắng. Tôi ở nắng bãi. Những hàng ngô khi ấy xanh và thẳng căng. Bẹ xanh và ức vươn ra rõ óng, bóng. Đòng phoi phoi ứa nhựa. Tôi nhìn thấy chú châu chấu ngô to. Tôi hò lũ trẻ đuổi theo và tóm được nó. Hai cái càng choanh choách cố đạp. Nó giãy giụa hồng thoát khỏi ngón cái kẹp trong ngón trỏ của bàn tay búp hồng.

Tôi bóp nó trong tay. Này Lý ơi! Tôi gọi đứa em gái, tới mà xem lớp phấn hồng trong bộ cánh mỏng. Những hai lớp cánh cố đập, như múa như vờn. Bãi sông gió từ sớm tới tận khuya. Tôi chạy giữa hai luống ngô. Đất bãi mịn và ướt, lối đi đầy cỏ xước mọc chơì và đám gai xấu hổ chạy xô ra đâm nát gót chân tôi, cỏ may vương đầy hai ống quần. Tóc bết sượng như mưa, nước đọng trên đầu ngô rớt xuống. Tôi về muộn, bị cảm.

Đêm đó, tôi sốt hầm hập và không ai biết. Mẹ tôi cũng không hay rằng sốt như thế là nguy hiểm. Tôi co giật động kinh. Tôi toát mồ hôi hột tới sáng thì đỡ. Từ đó, cứ một tháng tôi bị co giật một lần. Nhưng tôi vẫn ảo mộng với những điều chỉ tôi biết về con sông, đất bãi, cánh đồng với bờ gió quen thuộc về tiếng ì oàm mỗi khi gió cuộn lên, vỗ sóng vào cái hốc đầu con phà đang neo ngoài bến đậu.

Bãi giữa sông những đêm mưa lớn, nước dềnh lên tận đầu bãi và đưa ngàu bọt vào tận chân đê. Bọt cũng hồng hồng. Từng dòng cuốn, cuộn lên là phù sa đỏ ngàu, tôi vớt nước vào lòng tay, cát li ti vẩy chói lên lấp lánh. Tôi khi ấy mơ hồ và cá tin. Chúng tôi nghe tiếng mưa, rào rào đổ, lộp bộp gõ tàu lá chuối tơi tướp. Bà tôi già lắm, lưng gập xuống, bà nhai trầu thuốc, giã vỏ, nát toét trong cái cối nhỏ với cái xiên ba chạc chìa ra như ba cái răng. Cối bằng bạc. Vườn nhà tôi trồng sắn dây cho bà lấy bã nhai thêm độn trầu thuốc. Vị ngọt, lành. Bà tôi già quá rồi, nên cả ngày chỉ từ nhà ra vườn và từ vườn vào nhà với đủ việc lặt vặt. Mắt bà kém, chân tay chậm chạp. Thế nhưng vào mỗi đêm, khi bà kể những câu chuyện cũ, bà linh hoạt hẳn lên. Những câu chuyện thời bà con gái và cả những câu chuyện huyền hoặc không ai có thể bịa ra.

Câu chuyện đêm bà kể rõ khuya làm bọn tôi rùng mình. Bên bãi đất kia là con nước chảy. Những mô đất nhóe ra, tiếng lội bì bõm. Hàng tre bên bờ sông phát phơ run rẩy. Bà tôi thì thào: “Tổ cha chúng mày! Có mắt mà không thấy. Bên bãi đất ấy có hai con ếch vàng. Trời mưa, đứa nào trông thấy đi theo, không cho chúng nó biết, tìm thấy được một nắp hầm, dưới đó có vàng. Vàng giá trị lắm, biến nghèo thành giàu, biến đất thành ruộng, thành ao cá, nhà to cửa rộng”. Tôi nằm nghe. Tiếng bà tôi giàu âm vực. Thấp tha thấp thỏm gọi dậy từ bờ vực trí nhớ mỏng manh của tôi về một miền xa lắc, nơi ấy không phải là làng tôi.

Nhưng bố tôi đi suốt đêm mà không tóm được chú ếch nào. Mưa suốt, nặng hạt lắm và con sông rộng ra nữa. Nhìn trong đêm không biết đâu là bến là bờ. Ông lại kể khác đi, lâu rồi, xưa lắm, nơi chỗ ấy là cái gò hôm nay ấy, có một đứa ăn mày chết dụi chết đập. Ai đi qua cũng ném xuống đó một nắm đất. Đây là mả Ông Đống. Thiêng vì người ta chết bờ chết bụi, chết bất đắc kỳ tử. Đào lên là thấy xương chứ cóc khô gì. ừ lâu rồi, mưa có xối vào đó thực và thấy nhô ra một khúc xương trắng. Tôi nhặt về, bà tôi thì thào: xương trâu, xương chó đấy, vứt quách đi. Nhưng ở chính chỗ có khúc xương trắng ấy, tôi còn nhìn thấy tòi ra lưới lê gì hoen nữa. Tôi không sao phân biệt được các loại xương. Sao lại có lưới lê ở đó? Có người đồn, năm đói, cũng dài cả trăm năm và xưa lắm rồi, Tây nó cứ giết người là quăng xác xuống, tiện tay thăng Tây quăng luôn lưới lê ngập máu.

Tháng tư rồi tháng năm, tới tháng tám nước sông trong vắt lại. Tháng bảy người hai bên vớt cá bọt. Những cái lưới ngâm trong dòng xiết. Cá li ti bằng đầu tăm thế mà dân làm cá biết đục và cái, cá chép và cá mè. Đòng đòng cân cân thì là loại không ai nuôi.

Năm ấy, tôi không nhớ là tháng mấy. Tiếng súng âm ì xa tấp vọng về. Những chiếc máy bay lạ, màu trắng, bay vắt qua đám mây xám và thả xuống tí tạt tận bờ biển những tờ truyền đơn của người Mỹ. Bố tôi đi trận lần thứ hai. Tháng tết. Mẹ tôi ra đầu ngô, tay cầm gói bánh ướt nhũn. Mưa vẫn rào rào gõ trên những tàu lá chuối. Bấy giờ hàng duối cạnh mả Ông Đống bắt đầu khoe ra quả vàng vàng cho chúng tôi hái ăn. Có đứa làng bên dọa, trên cây quả duối có rắn. Đứa nào ăn phải quả có vết cắn, nọc độc ngấm vào là chết. Tôi không sợ rắn. Nhưng hãi nọc

rắn, vì thế khi tới gần cây duối tôi thường hát hay nói thật to. Quả thực là nghe tiếng động rắn sẽ bỏ đi, có lần tôi trông thấy có con rắn hổ bò ngang.

Tôi lớn phổng không ngờ. Tôi biến thành người chèo đò ngang. Con sông từ khi ấy dường như thu nhỏ lại. Chừng hai trăm sải là sang bờ bên kia. Đêm đêm tiếng gọi đò ứa đầy mặt sông, không cho tôi ngủ yên. Đò ơi, ơi đò. Tiếng gọi tha thiết, vắng vắng như có người nhại lại. Còn tiếng mưa gào trên mặt sông bị gió ném ngược con đò chèo ngang thì tôi nghe rõ vắng sang.

Tôi không biết mẹ tôi mất khi nào. Bấy giờ là mùa nóng. Mẹ tôi trong buồng tắm. Tắm xong đầu chưa khô, ướt nhoẹt, bà bước không qua nổi bậc lên xuống nơi cửa nhà tắm. Mẹ tôi đuối là mà đi tắm. Bà gục xuống cầm khâu ngay. Xác bà được đưa cháu con chị tôi kéo ra. Khi đó là năm 1968, Hà Nội không có ai. Chiến tranh loang ra và sơ tán như đèn cù, khi chạy nơi này, lúc chạy chỗ kia, rồi lại quay về làng. Chị tôi kể lại, mẹ chia gạo ra ba hũ, phần nuôi con, phần gửi cho bố, cho tiết kiệm mặt trận, phần sa sảy, rơi vãi. Nhà nợ nần, bởi nuôi chúng tôi ba phương bốn hướng sống nên bà là con nợ, vay dặt gạo khắp làng. Sau đám tang mẹ tôi nhiều người cho vay tới đôi nợ. Tôi ra mặt sông. Sông vắng quá. Chẳng có ai gọi đò mà qua kiếm ít bạc lẻ chạy chợ cho bà tôi đỡ bữa. Khốn nạn, bà tôi hu hu khóc. Bốn miệng ăn đồ thì vay nợ là phải. Tứ tung thất tán. Tôi viết thư cho cha tôi. Ông ân hận lắm, viết thư về đạo ấy. Ông nói, ông chủ quan, nào biết nuôi người tốn bao nhiêu. Mẹ tôi ngậm cầm chín tuổi. Bà bắt đắc kỳ tử trong buồng tắm nên cái sọ bị nhà thương cưa đôi. Họ nghi ngờ cái chết không xác định. Mãi gần đây, sau này, khi anh tôi rời cốt bà từ Bát Bạt lên nghĩa trang Thanh Tước, anh tôi reo lên, bà đây rồi, cái sọ bỏ đôi! Khốn nạn, năm trước, đưa hài cốt bà lên Bát Bạt, xe phải đưa chung hơn chục bộ cốt nữa. Anh tôi sợ người nhà táng phân phối đưa cốt mẹ tôi nhầm.

Tôi không biết được là khi ấy bố tôi đang lội trong con suối chảy màn màn giữa một cánh rừng đại ngàn. Nước xâm xấp. Dưới lòng suối, lá rụng chàn chặt một nửa thước chứ chả chơi. Vực mặt xuống uống thứ nước đen quánh. Hàng vạn con nòng nọc cung quăng bơi tóa ra. Tôi từ mặt sông nhìn thấy, ở trong đó, ông khuyệnh khoảng bước. Bàn tay thực xuống khóa nước. Bàn chân ông dẫm phải cái gì cứng cứng. Ông lồi lên. Cái quai ba lô, nhấc lên theo cả rong rêu. Nhấc cao tay nữa, xương trắng rơi xuống. Những đoạn xương ống vàng xám. Cái mảnh áo mực. Ông thọc tay vào cái túi cóc, trong đó có nhét cái bật lửa Zippo. Bố tôi thử bật. Cái xác bị bán chìm lâu rồi giữa lòng suối, mực hết cả thịt, ruồng hết da, tới vải bạt lính cũng tữa ra thế mà cái nắp bật lửa còn kín lăm và ngọn lửa Zippo bùng cháy. Lửa vàng sáng trắng cả góc rừng. Bố tôi gìn giữ nó, chiếc bật lửa ấy như một báu vật. Ông cho nó vào túi áo, khâu giữa hai làn vải Tô Châu. ở chiến trường, bố tôi bảo, có được ngọn lửa là quý và hiếm. Một tiểu đội giờ có thêm một cái bật lửa làm ông cao hứng đọc một câu như thơ: trời xanh bỏ giữa rừng ông có lửa. Quả thực, về sau cũng phải sống trong cảnh ngủ rừng tôi mới thấm thía vì sao ông quý cái bật lửa thế. Lửa cho ông bớt lạnh, bớt cô quạnh trong rừng già. Khốn nạn. Ngọn lửa màu vàng ệch. Khi bấy giờ ngọn lửa không có khói. Năm sau về nhà ông tra vào thứ săng lấy từ xe máy Simson. Lửa lên và khói muội bay đen.

Tôi hàng ngày vẫn chèo đò, kiếm đủ mua gạo, mắm, cá khô cho hai chúng tôi. Bà tôi là ba. Cô tôi là bốn có thu nhập từ đất bãi. Tôi và con Lý tạm đủ ăn và đi học. Thành phố bên kia vẫn ánh đèn đêm đêm và tôi vẫn chờ hai con ếch vàng từng đêm. Tiếng kêu cọt nhả vôi vãi. Đây là giọng kể của bà tôi. Năm sau nữa, bà tôi mất. Không ai nghe được câu chuyện về đôi con ếch vàng ấy nữa.

Năm 1970 bố tôi bị thương trở về. Ông lặng lẽ nghe kể về cái chết của mẹ tôi. Người đi vôi vãi, biên biệt, công nợ thế mà chưa hết buồng tha cái nỗi nhục của một người đàn ông. Mang về ít tiền, mua cái quạt trần, suy nghĩ một đêm, bố tôi gán nợ, tám chục bạc là giá bên kia phố. Bố tôi gọi người làng tới, bán quạt trừ hết nợ. Sớm sau, bố tôi bảo, thế là xong, tới lượt thầy, thầy

nhất quyết không để các con lo mãi.

Dưới bờ đê con sông là bờ sâu. Rồi bãi cát và đến bờ, lại sông và bãi giữa. Có ai đo hết lòng sông? Tháng ấy phà qua lại nhiều. Có con phà neo ở bãi giữa đêm đêm vọng về tiếng ì oàm. Tôi doạ bọn trẻ mới lớn. Ma đấy... thủy quái đấy. Nhiều đứa tin lắm, ra mặt sông trôn trôn nhìn sóng, chúng có nghe thấy gì đâu. Chỉ tôi nghe thấy. Tôi nhìn thấy trên bãi giữa có ánh lửa bập bùng. Hình như mẹ tôi đang còn sống ngoài đấy. Cô tôi soi gì ngoài đấy và tháng bảy bố tôi quyết thay vì trồng rau là khai phá đất bãi mà trồng cà. Cà tím hẳn hoi.

Thời bấy giờ người ta bắt đầu bắc con cầu nổi qua sông. Cầu phao, ghép bằng những cái phà, xích, và những tấm ván. Một đêm, buổi sớm thì đúng hơn, bên làng tôi có cái xưởng chượp sản xuất nước mắm. Chị là bác sĩ của trạm y tế coi sóc tình trạng sức khỏe hơn ba trăm nông nhân gánh chuyển nước mắm. Hai mẹ con chị đêm ấy không đi đò của tôi, lần theo cầu phao, dưới ánh điện nhập nhoạng. Rồi công nhân cầu làm ẩu, họ dồn cầu mà chừa ra một cái hố rồi về ăn tối. Đưa con gái mới mười ba tuổi sa xuống hố. Chị tên là Nam. Con ơi, cái hố ấy sâu quá, giữa cầu phao biết đâu mà tìm? Sóng. Bóng đêm nuốt chửng đứa trẻ. Bóng tối sâu thẳm và gió nuốt chửng tiếng gào, theo gió làm tắt lịm. Không, tôi có nghe thấy tiếng kêu của người mẹ ấy khi tôi đang ở giữa sông. Gió xoáy hát ngược tiếng cầu cứu lên cao. Tiếng sóng vỗ vào những phao ngang làm cầu át đi tiếng kêu cứu. Tôi chèo ngược sóng. Tôi nhìn xuống dòng xoáy, gọi ma lam ma làm.

Bố tôi không tin chuyện đó. Thuê ba bốn thợ quăng lưới, thả câu, móc, xiên. Bố tôi làm việc đó không phải nghĩa cử gì đâu. Ai chịu cái chết vô trách nhiệm của người khác? Nhưng ông tìm xác cô bé để chứng tỏ ở đây có người còn có trách nhiệm với khúc sông này. Xác cô bé mười ba tuổi chìm ba ngày. Ngày thứ tư nổi lên tóc phật phờ. Con gái nên nổi lên là nằm ngửa. Chị Nam khóc lên khóc xuống. Tháng bảy nước con sông ngầu bọt. Mầu tươi nâu. Phù sa đấy. Tôi ngó xuống, nhìn tận đáy là nước sông tháng tám, tháng chín mùa cốm hoa vàng.

Thực ra chỉ còn tôi và bà tôi, ở trong cái ngôi nhà nhỏ bé khi mẹ tôi chết. Còn khi bố tôi về, thì con Lý đã đi B được ba năm. Em bỏ dở lớp 10 vào miền Nam. Nó đi. Tôi đưa qua bãi giữa. Nó bảo đi khi nào thống nhất thì về. Con Lý có giọng hát tuyệt vời. Nó vào đội văn công của Tổng cục Chính trị.

Tôi từ đó hàng ngày chờ nó về. Tháng bảy nước sông Hồng năm ấy lên cao lắm. Bố tôi gầy mõi, ông đêm làm bảo vệ canh chượp, ngày vẫn xuống đồng bãi. Phù sa đỏ quạch bám vào ống chân của ông, những sợi lông chuyển sang màu gạch. Ông bước trên mặt đất. Đất bãi in hình bàn chân đất. Tôi chua xót nhìn. Mùa hạ, thi thoảng tôi vẫn lên kinh giặt, và vẫn dội về tiếng ì oàm từ cái vục xoáy neo một con phà.

Năm 1971 thì phải, con Lý viết thư từ Tây Nguyên về, nó bảo sốt rét được đưa ra Bắc điều trị. Nó đi hết hai tám ngày đường thì tới Quảng Bình.

Tôi thường thức khuya nhận thư, đọc thư Lý. Bây giờ tôi đã lớn rồi. Tôi bắt đầu mọc ria mép. Nhìn khuôn mặt tôi thấy cũng ra dáng đàn ông. Đàn ông phải ra trận. Nhưng nhà tôi đã có con Lý ra trận, anh tôi đi thanh niên xung phong tức là nhà có người ra trận. Nhưng anh tôi nhất quyết bảo, mày phải lên huyện khám. Tôi đi khám sức khỏe loại A3 vì răng lệch lạc hai hàm, lại quá nhẹ cân. Ai biết tôi đỡ chứng động kinh mỗi tháng? Thế là tôi vào đội quân dự bị. Đóng ở xã nhà, chèo đò và đêm đêm vác gậy đi tuần. Tuần từ điểm tới bờ sông thì dừng lại và đi ngược về làng. Cứ thế, tôi đi hết một ngàn phiên tuần tra thì bố tôi về, con Lý về.

Tôi kể tiếp về những lá thư kỳ lạ của em tôi. Thư con Lý nó viết.

Thư nó lem nhem viết dưới mưa thì phải. Nó kể hát trong rừng ra sao, mưa thế nào, những cánh rừng đen thẫm. Thư nó viết, trong Trường Sơn lắm người quen quá, qua rừng nào cũng gặp không người làng, người xã, thì người bãi giữa, người huyện. Gọi nhau ơi ơi. Nó đi qua mười sáu trạm. Người quen gặp ở trạm, đứa nào cũng giấu đồng đội, thương nó đàn bà, con gái, dúm cho nó một lon thịt, lương khô, cá sấy phơi. Thế là đầy sức khỏe. Vì mắng hết, nó thấy rau gì cũng hái nhét vào bụng, cho có sức mà xanh lướt vẫn hát, đi, bươn ra khỏi cánh rừng. Tổ nó, bốn đứa con gái thì phải, muối đốt lấm vào, sốt phù thũng. Gan cứng ra, gan chính là ổ chứa vi trùng, xác của vi trùng thải qua máu vì sốt rét, lách sa xuống quá rồn! Nó kể, đi ngoài cũng sợ muỗi cắn. Trời ơi, ngó xuống vo ve, vo ve, lầy lầy chùi lại nhằm lá han, gãi tứa máu không hết ngứa.

May cái Lý nhà tôi có duyên. Nó gặp một anh chàng cùng huyện. Thằng đó bây giờ là em rể tôi. Tết rồi, hai đứa vênh vang mũ áo về làng. Con Lý cười. Thắm thoát đã hai mươi năm năm chả ít. Nhưng chuyến ấy, con Lý không gặp được thằng người yêu nó trên đường từ binh trạm cùng đi ra. Nó tên là Ý, cũng dân bãi, ở làng trên. Thằng cha ấy đi sau nó một trạm đường. Trên Boloven, nó đạp phải mìn cháy phốt pho khi nhìn rõ giữa hàng rào giây thép bùng bùng có quả bí đỏ. Nó đã nhìn trước nhìn sau, bàn chân nhón nhén đi giữa chỗ trống thế mà đụng, cái râu mìn chôn khéo quá, cái râu mìn phốt pho. Lửa trùn lên. Cháy lem nhem từ bẹn tới nửa mặt. Chỗ ấy cao lắm, sau này thằng người yêu con Lý kể: Cả tiểu đội cáng nó thay nhau uống nước cho đẩy đống đá vào thân mình nó. Nước đá có chất làm phốt pho tắt. Gay go lắm, thằng Ý nói, khói trắng bốc lên khắp nơi, nơi nào đá vào là tắt. Nó điều trị trong binh trạm tám tháng thì ra Bắc an dưỡng. Khi ra bắc, người nó toàn sẹo, sẹo to nhất ở bẹn. Tôi bảo, mày đuổi kịp em tao thì nước mẹ gì? Đúng rồi. Nước mẹ gì mà vẫn hy vọng. Vẫn đuổi kỳ cùng. Về sau hai đứa về làng, thằng đây sẹo ấy dạy học ở Bách Khoa bên lên cười chữa ngược. Lý ơi, thời đó cách nhau một ngày đường mà sao khó theo thế.

Tôi hình dung thấy đường Trường Sơn quanh co kỳ cục. Nước ở sông Sepon mùa khô trong vắt. Bố tôi bảo, năm ấy ông cũng ở vùng đó. Địch đánh, đơn vị ông bật sang tận đấy. Bố tôi đóng khổ, ở lẫn với dân Lào. Thuyền độc mộc đánh cá dưới sông, tóc dài ngang vai, người đen như củ sừng. Thế mà hai bố con không gặp nhau.

Lại tổng động viên. Tất cả đi vào làm trận đánh cuối cùng. Tôi đi bộ đội. Đây là khi con Lý về. Tôi đầu quân đợt chót. Bố tôi tiễn tôi qua bãi giữa. Ông nhét vào túi tôi cái bật lửa Zippo, dặn, nhớ giữ lấy nó! Tôi khâu nó vào hảnh túi trái. Làm vật bất li thân. Khi ở nhà làm thằng chờ đờ, binh trạm, tiểu đoàn xét duyệt cho tôi vào đội quân gửi thỏ. Gửi thỏ là một công việc hết sức nặng nhọc. Phải đeo nặng, leo dốc, cắt rừng bất kể thời tiết hay máy bay, thám báo thế nào. Tôi ở tổ chuyên vận chuyển thương bệnh binh ra Bắc. Cao điểm bốn lẻ tám. Họ chỉ tôi cái gửi có cái đầu nhô lên. Đúng phải anh thương binh cùng huyện, ở xã trên. Đi một lát, cái đầu trên gửi tỉnh dậy hỏi, nói. Anh ấy hỏi, cậu có thích thơ không? Tôi bảo, có. Thế là anh ấy đọc tràng giang đại hải, lấm bài thơ tôi cũng chả biết của ai. Bình thường, khi đơn vị nghỉ ngơi, liên hoan, hay lúc rỗi, đọc thơ cũng thịnh thích, nhưng khi leo dốc, lên lên xuống xuống, thở gấp, gửi thon thót đập đau cả lưng thì chẳng muốn nghe nữa. Tới gần đỉnh, dốc đá tai mèo đâm ngược. Mưa cứ lụt sụt đổ mờ trên những vết đi. Anh ấy thề thốt: “Em ơi, cố lên là qua trạm. Cao điểm này, anh qua hồi xưa có bốn giờ. Cần thận không trượt chân”. Lúc vượt sông, tôi bảo, qua sông ông anh đừng có quặc cựa gì nhé.

Cúi sát xuống thấy mùi thum thum. Mùi gì mà thối thế. Tôi cắt cái sậy con, đục, vận làm cái ống thông khí cho anh ấy. Bế anh ra khỏi gửi để làm cái bao cho anh qua sông. Trời ơi! Chỉ là cái đầu xanh ngọc ngậy trên cái thân mình trọc lông lóc. Thảo nào anh nhẹ thế! Chỉ hơn hai chục cân. Tứ chi cụt hết... Cái mùi khắm, thối ở nơi chân chưa hàn mối. Nước vàng ri rả ra cả ngoài

bông băng. Tôi trân trân nhìn, rồi bắt chợt muốn quỳ xuống mà lạy. Tỉnh trí, lấy cái nilon trùm nhẹ lên, còn trông thấy anh ấy cười. Chúng tôi lặng lẽ qua sông. Bình thường chỗ này cạn, lội qua được, bây giờ lũ về bất ngờ nên phải trôi xuôi tới ba trăm mét mới sang bên kia bờ. Cú bông bênh trên mặt sông. Mưa vẫn giăng màn màn. Anh lại ngâm: Xuân dục Đoàn Đông đôi cánh lúa/ Bữa thì em tới bữa anh sang... Tới giữa sông, mưa to lắm. Giọng cao hơn: Anh đi bộ đội sao trên mũ/ mãi mãi là sao sáng dẫn đường. Khi ấy nước từ tóc trôi xuống, mưa tạt chéo mặt, trộn ứa đầy nước mắt cả hai hốc mắt của tôi.

Ướt nhợt một ngày với anh ấy tới chỗ nghỉ, con người ta thêm một vùng khô rang. Tôi ước ao đặt anh lên một vùng đất thật cao, thực khô, phơi phới gió, đựng đầy hương thơm của trời đất, rừng cỏ núi hoa. Không hiểu sao khi đó tôi lại nghĩ vậy. Rồi nhớ quận nắng bãi, bước chân thênh thang chạy dọc triền nước, trong mùi nắng, mùi nước, mùi đồng chiều... có cỏ màn trâu êm lấm, mọc rệp hai bờ đi ra bãi giữa. Mẹ tôi bảo, sau tháng qua xuân rau khúc mọc.

Năm 1978 tôi gặp lại cái đầu biết nói ấy bên trạm an dưỡng huyện. Bảy giờ anh ấy có hai chân giả, hai tay giả. Riêng cái giọng vẫn thế. Giọng thật. Tôi im lặng nghe lời anh kể, những câu chuyện không ai tin được là Người Lính ấy cụt hết tứ chi mà vẫn dai dẳng sống. Anh còn cười nói, muốn về làm giáo viên cấp một ở thôn xưa. Đây là ước mơ trước chiến tranh. Nhưng ai lại bắt một người như thế đi dạy học, nhất là bảy giờ giáo viên đầy ứ còn chưa có trường. Anh tới nhà tôi vài bận, cứ tới là lũ trẻ nhỏ bầu tới. Nghe kể về những trận đánh, rừng, thú, sông, rạch miền Nam. Thông cảm với mọi câu chuyện của anh, nhưng không một ai có thể chia sẻ hết về một con người thân xác chỉ còn cái đầu ngo nguậy vẫn ứ tràn những câu chuyện thực. Chuyện thời nay khó mà tin được! Riêng tôi biết, lời của anh không bịa tạc tí nào. Một trăm phần trăm sự thật.

Chiến tranh chấm dứt. Tôi về tới làng lại làm bãi, kiêm đưa dò ngang. Cha mày xưa đưa dò ngang, làm vườn làm bãi. Tới đời mày vẫn thế. Thế thì sao? Đêm đêm, bao nhiêu năm mà tôi ra tới giữa con sông vẫn có cảm giác ở giữa dòng có một dải phân cách. Như sông có bên đục bên trong. Bờ có bên bồi bên lở. Nhìn sang bên kia bờ, một chòm sao? Không, đó là ngàn dây điện dài lấp la lấp lánh ngày càng nối dài thêm. Yên tĩnh thế mà sao tôi không thấy bên bờ phía làng tôi đẹp như thời xưa. Một màu đen xanh thui thui. Rõ rệt.

Bố tôi sống hết giai đoạn bao cấp thì ông mất. Ông có đủ thời gian đóng góp cho công việc nhà nước nên có tiền hưu. Biết bao nhiêu công nợ ông trả cho hết. Lại găm tiền khắp nơi mới chết chứ. Ông ốm tới tháng sau tết mới đi: cho đỡ khổ, con cái được ăn tết. Tôi nghe ông kể lể, rằng đêm qua bố nằm nghe mưa buồn thế. ừ! Mưa mùa đông buồn lắm! Tôi nằm nghe tiếng mưa lộp bộp gõ lên lá chuối ngoài nhà. Lại nghe tiếng ì oàm vọng về. Năm ấy là năm đầu tiên trên Hồ Gươm bắn pháo hoa. Trên phố họ bắn pháo hoa! Ông nhỏ nhỏ. Tiếng pháo chiến thắng nghe ấm hơn, nhiều màu hơn pháo bắn mù mịt ở chiến trường. Tôi cười, khóc rõ to như thằng điên sau khi ông đi, vì lục lọi khắp nơi được hơn trăm bạc. Đúng là ông giữ lời hứa với con cháu, không để bọn tôi phải lo nợ nần, tang lể. Anh em nhà tôi đắp mộ cho ông to nhất làng. Chôn nơi cao, lại có hai dãy hoa bó như cái nia. Ông chết thực nhẹ. Tôi chăm ông tới phút chót và viết cho ông cái diếu văn kể rõ công tích.

Có lẽ cứ như thế thì chả có gì nói nữa. Bất chợt thời thế thay đổi. Sự đổi thay như tiền định mà không bao giờ hẹn trước.

Con sông thì vẫn chảy như thế. Có đổi dòng gì đâu. Muốn đổi dòng phải ba trăm năm. Nhưng rồi phá hết thời bao cấp, người đi buôn, đi công việc qua sông tấp nập hơn. Tôi vất vả nhưng còn có dịp kiếm thêm bát cơm manh áo.

Chuyện đời thực kỳ cục quá. Nhiều người ở làng giàu lên. Xây nhà hộp như bên Hà Nội. Nhưng khi tới giữa sông, nhìn lại thì mấy ngôi nhà có điện le lói như sao hôm, sao mai. Tôi lại nhớ chuyện kể của bà tôi về đôi ếch vàng. Tôi nằm nghe tiếng mưa, nghe ếch kêu và cứ nghĩ, tưởng con ếch này gọi con ếch kia, gọi tôi đến một nắp hầm. Nó kêu: ộp, ộp! Đi theo tôi, đi theo tôi! Tôi bảo, đi đâu, già rồi. Hơn bốn mươi năm tuổi chứ còn trẻ trai gì?

Rồi lắm sự bất ngờ thực. Có tin đồn đất làng tôi cắt vào thành phố. Lên phường.

Đất lên hương. Người ta bán ruộng công, tư để phổ hiện ra. Bắt đầu từ bến phà, đầu cầu phao, sau lan mãi lan mãi, ngược dòng phố chạy tuốt, vượt qua một cái ao rộng dài, xóa nhòa chân đê. Tôi không bao giờ ngờ được là chỉ trong có vài năm mà biết bao thay đổi.

Tôi đi ngược ra đầu cầu phao. Nơi con gái chị Nam mất. Nhớ sóng nuốt chửng cái thân bé mới mười ba tuổi. Nhớ con bé khi ấy, chết mà da dẻ vẫn nõn nường.

Những câu chuyện bất ngờ về đất ruộng ở làng thì nhiều lắm. Người mạnh tay bán, người thì mua. Vài người làng sợ mất đình nên nhiều người hô hào không lên phố. Trong số ấy có con Lý và thằng chồng nó ở Hà Nội về cứ nhấn nhe bảo tôi đừng bán chác đất đai gì cả, vì mồ mã, ông cha, tổ tiên. Tôi bảo, lũ chúng mày ở Hà Nội, nếu còn hơi hướng nông dân về đây làm ruộng cho biết. Tôi vẫn đau người mỗi khi trở gió. Có bận ra tới giữa sông, nhức hết cả xương.

Cây gạo ở ngã ba bồng nở ra rõ nhiều hoa đỏ rồi sau vãi bông trắng xóa, vãi màu tơi bay dọc huyện. Nếu bà tôi sống lại, nhất quyết bà sẽ bảo đó là điềm tốt. Vàng, điềm tốt. Gốc gạo người ta bằm nát, tróc lấy vỏ, nạo bằng được vỏ, về già với nước giải trẻ con để đắp vào những chỗ đau đớn của kiếp người. Ở chỗ gốc gạo ấy nhựa ứ ra sừng phù. Tôi cũng ra đó nạo một đoạn vỏ, đắp ba ngày chưa khỏi nhức.

Đêm ấy, tôi lấy chiếc bật lửa trên ban thờ bố tôi ra ngắm nghía. Tôi đốt đèn. Tôi lấy giấy bút ra ghi. Giấy trắng muốt, ghi lại, kể hết hình thể của làng, câu chuyện của cả nhà tôi, những bà, mẹ, con Lý, thằng ý, những đứa dân làng tôi và bến sông. Viết tới đâu để mực không bao giờ bay màu, tôi phun nước hành giã, trộn vài giọt chanh lên tới đó. Tôi vừa viết vừa như bay lên qua bãi giữa. Tới giữa sông thì không thấy ranh giới ngày xưa nữa. Thành phố vươn mãi ra, nhấn chìm ranh giới làng tôi. Tôi bay lên nữa thì không thấy đâu là thành phố. Cứ lên cao đi, nhìn xem, cả thành phố là một làng lớn, cao nữa thấy cả nước tôi là một làng lớn, như thời gian vượt qua biết bao lam lũ và biết bao số phận trong cái làng của chúng tôi.

Quyên

Viết tặng O...

Cô nằm cạnh bếp, trên chiếc giường xây bằng gạch mộc, mặt trên lát gỗ lấy hơi ấm từ lò sưởi. Cô là tù nhân không cần dây trói. Gã dẫn cô ra ngoài, để cô tự nhận thấy chạy trốn là vô ích. Những khu rừng ôn đới mọc bằng, đều như nhau, trắng tuyết như nhau, làm cô không thể nào nhận ra, đêm qua họ đi từ hướng nào tới?

Hắt cô ngã xuống chiếc nệm đặt trên nền lát gỗ, gã tự giạt đứt tung cúc áo. Cô gái trẻ thoáng thấy hai vương thệy nở đầy của người đàn ông, mắt hoảng hốt, vẫn cố lùi. Gã bình thản, cảm lạnh, chậm rãi cời thắt lưng, ném quần xuống góc nhà.

"Nằm yên!" Đục và khàn, mệnh lệnh cất lên lạnh lùng, chứng tỏ không gì có thể lay chuyển được gã! Trần truồng, gã bất động nhìn cô một vài giây như để suy nghĩ điều gì rồi đưa hai cánh tay vươn ra, cuộn cuộn những bắp thịt săn, chắc. Hai bàn tay nắm lấy đôi vai mềm của cô gái. Cô gái vùng vẫy, giằng xé, cắn vào bàn tay thô ráp của gã khi áo ngoài, áo lót lần lượt bị giật tung. Chiếc quần Jeans, sau bao ngày lẩn lút, bươn lội từ Nga, trong rừng thẳm, tuyết dày, đẫm mùi mồ hôi và nước, trở nên cứng queo đến khó cởi vẫn bị lột phất. Trên nệm, phơi ra cặp đùi trần đang độ thanh xuân, thon thả, mơn mớn. Gã đỏ người xuống.

Cô gái biết rõ *con rắn* đã trườn trên da thịt mình, từng xentimet. Cô tiếp tục cố oằn lên, nghiêng mình, rầy, chéo đùi. "Đồ đĩ! Dạng chân ra!" Giọng khàn đanh, lạnh lùng cất lên và tiếp đó, một cái tát tai giáng sượt phía trái mái tóc. Chiếc cặp nhựa màu nâu văng ra đập vào tường gỗ nghe khô khốc. Mớ tóc cắt ngang lưng, dày, đen tuyền xõa tung, đổ xòa trên tấm ga trắng muốt. Gã dướn lên, thúc mạnh...

Cô giật nảy toàn thân và, như con thú bị đạn đã rục xuống mặt đất, mắt trợn ngược nhìn lên trần nhà. Cô cảm giác tắc thở. Rát, bông! Cho mãi sau này, đôi khi nhớ lại, cô không khỏi rùng mình. Không hiểu sao trong đầu cô hiện lên đôi mắt quen thuộc, thân yêu của chồng. Chính điều tưởng như vô lý ấy tăng thêm sự đau đớn khôn tả của cô gái vừa hưởng chưa trọn hai tháng trăng mật đã lao vào cuộc ra đi mà mọi sự không được dự báo.

Cô tên Quyên. Mùa đông ấy, em tròn hai mươi bốn tuổi.

Ngôi nhà gỗ nằm giữa rừng thẳm. Trong không gian bao la của rừng biên giới, nó chỉ là một điểm đen nhỏ xíu lẩn vào trùng trùng bằng tuyết trắng xóa và gió miền man thổ ngày nối ngày. Cạnh đó, một chiếc chòi gỗ nom như tháp canh vọt lên trời, xưa để cho thợ săn lên cao quan sát và từ đó thể đứng bắn ra bốn phía. Nhà có hai phòng, phòng nhỏ chừng là nơi để đồ, phòng nữa rộng tới ba chục mét vuông, giữa có lò sưởi đốt củi và bếp nấu. Một chiếc bàn gỗ nặng, dài tới ba mét. Ghế băng kê sát vách gỗ. Trong nhà có bồn rửa mặt. Một chỗ tắm không có màn che. Hai chiếc ghế băng, vài chiếc ghế tựa đóng sơ sài nhưng nặng và chắc. Nơi này, *Hiệp hội săn bắn thú* dành cho những phurong săn nghỉ chân, nay bỏ không từ ngày Đông Âu sụp đổ. Những kẻ đưa đường, vận chuyển thuốc lá lậu qua biên giới mang về đây đem mút, dấm cái bát, nôi nhôm và ba bốn thùng mì ăn liền... Ngôi nhà trở thành nơi nghỉ tạm của chúng sau mỗi chuyến từ bên kia trở về. Bây giờ trong ngôi nhà, nghe rất rõ tiếng nệm mút ken lò xo phập phồng, ọt ẹt. Tiếng thở chầm chậm rồi hồi hả của *con đực*. Những thanh gỗ bắp làm trần, được đẽo nhẵn, đóng ghép rất cẩn thận khít sát vào nhau, tưởng như chẳng bao giờ đột được, mà nước từ đâu vẫn luồn lách, rỉ ra, chầm chậm từng giọt, ướt loang sẫm một góc thảm. Lách tách, vọng từ phía cửa sổ, tiếng băng rạn vỡ. Và, ngoài rừng gió vẫn thổi mạnh. Những đám tuyết cuộn cuộn, trắng xóa bay trên nóc rừng biên giới. Trên vạt trống bên nhà, nơi mùa xuân là cỏ biếc, gió xoáy tạo nên những vòng tuyết, trông tựa cặp vú trắng ngần, căng mẩy, mịn màng của những pho tượng nhan nhản khắp châu Âu. Mặt trời đỏ sậm, tà tà dâng lên, quét ánh sáng xuống mặt đất, bất ngờ nhuộm trên tuyết trắng một màu hồng óng ánh, loang như sắc máu.

Tỉnh giấc lúc chín giờ sáng, cô khế cựa mình. Toàn thân đau ê ẩm. Tắm chần tuột khỏi người. Trần truồng. Nhớp nhúa. Quyên không khóc, cô chẳng có một người thân bên mình để khóc. Cô nhìn sang đối diện. Hấn, gã, kẻ dẫn đường, kẻ hiệp cô đêm qua đang nằm trên ghế băng gỗ, chần phủ ngang ngực, ngáy đều đều. Lò sưởi đã tắt, đầy lớp tro xộp như phấn tuyết có những vệt đen hoen ố. Quyên khép mắt. Giá bây giờ khóc được?

Anh ơi. Giờ anh đang ở đâu?

Mười sáu người đi trước cô và chồng. Họ nối theo nhau, im lặng xuyên qua những khu rừng trắng xóa tuyết băng. Gót chân trắng hồng của cô không chịu được chuyển đi dài ngày đã rộp bồng, nước vàng vỡ ra từ chỗ phỏng đã nửa tháng nay. Người ta dặn rằng, phải qua biên giới gần sáng, không để lại dấu vết. Bốn năm giờ quanh co trên những lối mòn, trước mắt họ hiện ra một con sông cạn. Từ đâu đó hai chiếc sấm ô tô lớn được đem tới và bình hơi nén lập tức thổi căng sấm. Lần lượt họ được kéo qua sông, băng nổi lều phều, để tới bờ bên kia. Quyên và hấn đi chuyển cuối cùng. Thực ra, trước đó có thể xếp cô đi với chồng, nhưng cái sấm bồng non hơi và hấn bảo cô quay lên bờ. Sao lại không phải là cô, và sao anh ấy không nhường cô đi trước? Tình huống đúng như một kịch bản định sẵn. ánh đèn bờ bên kia bồng nhấp nháy và tốp người đã sang sông, cách cô có hơn năm chục mét, nhao nhác chạy dạt sang bên trái khu rừng. Cô thoáng nhìn thấy bóng chồng. Cô muốn anh nhảy xuống sông quay lại? Polizei! Hấn quát nhẹ vào tai cô và nắm tay kéo thốc đi. Quyên cố ngoái đầu nhìn. Trong đêm tối, chỉ thấy những tảng băng bồng bênh trôi. Đoàn người bên kia sông như có phép lạ, biến vào rừng đêm thăm thẳm. Và Quyên, trong bàn tay của kẻ dẫn đường thông thốc kéo, lúi ngược về con đường mòn cũ. Thực ra cô bắt đầu hơi sợ khi con đường cứ tít tắp đằng trước. Cô đã hỏi gã rằng, chúng ta đi đâu? Gã nói, phải quay lại thị xã. Thị xã, ở nơi đó, cô đã nhìn thấy qua ô cửa sổ nhiều người da trắng hồng, dân bản địa đi lại. Minh sẽ gào lên, sẽ kêu cứu nếu chuyện gì xấu xảy ra. Cô không thể ngờ rằng, họ cứ đi mãi và tới ngôi nhà hoang xung quanh chỉ toàn rừng và rừng.

* * *

Cô nằm cạnh bếp, trên chiếc giường xây bằng gạch mộc, mặt trên lát gỗ lấy hơi ấm từ lò sưởi. Cô là tù nhân không cần dây trói. Gã dẫn cô ra ngoài, để cô tự nhận thấy chạy trốn là vô ích. Những khu rừng ôn đới mọc bằng, đều như nhau, trắng tuyết như nhau, làm cô không thể nào nhận ra, đêm qua họ đi từ hướng nào tới?

Gã hỏi, sớm nay có nghe tiếng bọn sói tru không? Chúng đi từng đàn, đói lắm, nhất là trong mùa đông. Cô im lặng, gã không bịa! Đêm qua, quả thật cô có nghe thấy những tiếng tru dài, hoang dã, lạnh lẽo, xa lắc trong rừng. Nhìn ra tứ phía, tuyết trắng vẫn thông thốc cuốn, xóa sạch mọi dấu vết. Gã tỏ ra quá thành thạo nơi này. Gã đi một lát và trở về lúi từ đâu ra năm sáu tấm ván bấp, kéo trượt trên tuyết. Thong thả như người thợ mộc chuyên nghiệp, gã đóng chúng bên ngoài hai cửa sổ. Gã hùng hục xúc tuyết, đổ đầy ấp hai cái thùng gỗ lớn, xua dùm đưng rượu... Quyên chột hiểu, gã chưa có ý định buông tha cô.

Trưa đó, họ yên lặng ăn mì. Bụng rỗng đã hơn một ngày, có đói đi chăng nữa cô cũng không muốn ăn với gã. Nhưng phải ăn để lấy sức mà chạy trốn khỏi nơi *hang hùm nọc rắn* này. Cô nhắm mắt nuốt nửa bát mì không rau, không thịt, rồi uống cà phê gã đã cho tới ba bốn thìa đường. Cà phê chưa hết, gã lại tiến lại gần cô và lúi cô thốc lên cái sạp gỗ cạnh lò sưởi. Mọi việc diễn ra như bữa hôm qua, nhưng cô chẳng chống cự. Mắt nhắm, răng nghiến, cô nín thở vì muốn buồn nôn lắm mà không nôn được khi đôi môi hấn cứ áp chặt vào đôi môi cô.

Một giờ sau, như chưa có chuyện gì xảy ra, gã để mặc cô nằm úp mặt vào tường như chết, cho củi thêm vào lò, vui vẻ huýt sáo. Không cần biết cô nghe hay không, gã dặn cô sau chục phút nữa phải đóng cửa lò lại, cách cho củi và làm thế nào cho tàn tro rơi xuống. "Như vậy, lò không tắc nửa đêm!" Gã bảo. Xong, gã khép chiếc cửa gỗ nặng chịch và không quên đóng thanh gỗ chắn ngang cửa. "Tao đi tới chiều mai mới về. Nhẽ ra không cần đóng cửa, nhưng tao sợ em sẽ làm mồi cho chó". Gã sốc cái thắt lưng có con dao dài, nói vọng vào nhà.

Im lặng tới ghê sợ, cô ngồi dậy nhìn quanh. Cô nhào khỏi sạp gỗ, vội lục tung hai phòng, mong tìm được vật cứng. Trong phòng nhỏ chứa đồ, thấy một chiếc tô vít ngắn. Tô vít quẩn vào sợi giây. Cô giật mạnh. Theo cái tô vít bung ra là chiếc máy Video mà miệng ổ tra băng đã bợt hết sơn, trơ cả nhựa. Rất nhiều cuộn băng òa đổ theo. Cô nhặt một chiếc băng giờ lên ánh sáng.

Tấm ảnh màu in hình rất rõ. Cô ném thẳng chiếc băng vào tường gỗ. Cú ném khá mạnh. Vỏ hộp băng vỡ tan, tấm ảnh bay xuống đất không hề rách. Tại nhà ngoài, cô tìm thêm được con dao thép trắng, loại mỏng mảnh dùng để cắt bánh mì.

Những tấm ván bấp rất dày, chắc bọc quanh nhà, liên kết với nhau như liền khối. Các cánh cửa đều chắc và rắn như thép, không hề suy chuyển, dẫu cô đã hết sức lay, đập, lắc, chọc, cứa. Quyên ơi, mày thực sự chết rồi! Cô ngồi bịch xuống đất, bắt lỵc! Cô òa khóc, nước nở. Lát sau, chừng đã khóc thỏa thuê, cô đổ người trên nền gỗ, rũ im như một xác chết.

Một ngày trong tù dài lắm! Quá trưa, cô chỉ ăn một gói mì. Mì không rau, đắng. Có lẽ tới bảy tám giờ tối, cô ngồi đóng đá rất lâu bên cửa sổ nhỏ, nơi còn chừa một khe hẹp duy nhất có thể nhìn ra ngoài. Tuyết bốt rơi. Trăng non. Mặt tuyết sáng bạc, ánh lạnh. Những đám tuyết quá dày, trĩu nặng trên các cành thông, thi thoảng lại đổ sập xuống mặt đất. Nghe rõ thấy tiếng rào rào. Đêm khuya, cô nghe thấy nhiều tiếng động lạ quanh những bức tường gỗ. Vài tiếng tru, khi gần, khi xa, khi mơ hồ vọng về lúc gần sáng. Cô rùng mình, co rúm trong tấm chăn mỏng mà gã đã ném lên đệm trước khi gã ra đi.

Tận chiều sẫm hôm sau gã mới trở lại. Trên lưng một bao khoác nặng. Gã hơi nhếch mép cười khi thấy cô ngồi bó gối bên cạnh lò sưởi rồi ném bao đồ xuống sàn. "Đêm qua sợ không? Sắp hộ các đồ ăn lên bàn bếp đi! Tao có mua đèn em vài thứ vật". Gã chỉ cái thùng thiếc mỏng, rỗng: "Cái này mang về cho em đun nước tắm".

Quyên mở túi, xếp ra mặt bếp hơn hai chục cân thực phẩm tươi và khô các loại. Vài chục gói mì, gạo. Những thỏi xúc xích, mấy tảng thịt lợn hun khói có lớp bì, mỡ trắng, bọc trong ni lon; cả thịt bò và một con thỏ tươi đã lột hết da. Muối, đường, mì chính, xà phòng bọc trong hai cái khăn tắm rộng... Dưới đáy túi, cô bất ngờ tìm thấy hai lọ xi líp, xu chiêng, loại sáu chiếc một, ghim bằng miếng bìa nhỏ. Lại một hộp kem thoa mặt và bộ cắt móng tay mà ngoài hộp có hình cô gái tóc vàng sóng, rất đẹp đang như tủm tủm cười với cô. Cô rùng mình! Quyên ơi, mày cũng đẹp mà sao khôn nạn thế?

Gã im lặng xem cô soạn đồ và thông thả nhâm nhi cốc rượu whisky vàng sậm. "Tuyết dày lắm, không đi nhanh hơn được. Bọn chó bên kia thanh toán còn thiếu tiền. Mua có dăm thứ vớ vẩn ấy, tao phải đi ba bốn nơi. Gần ba trăm cây, đường trơn quá, mấy lần xe cứ trượt trên băng và xoay ngoang. Em có sốt ruột không?".

Quyên không trả lời. *Em có sốt ruột không?* Có khi nào cô mong *con thú* ấy trở về mau chóng? Mà gã xưng hô kì lạ thực, *tao và em*. Lần đầu tiên trong đời, cô nghe thấy một cách xưng hô nửa nạc, nửa mỡ như vậy.

* * *

Hai tháng trời trôi qua. Những ngày sau cái buổi đầu tiên ấy, cô buộc quen dần với sự thỏa mãn của gã. Mỗi bận *đòi*, gã không cầm lạnh như trước: "Cho tôi yêu nào!" Yêu nào! Sau câu nói trơ trên ấy của gã, Quyên thấy mình vô duyên thế, nhưng cô phải ngoan ngoãn, ngoan ngoãn tự nằm lên tấm đệm mỏng đặt trên kệ sát bếp.

Trong trường Đại học Nhân văn, khi còn là sinh viên Quyên nổi tiếng là người vừa đẹp vừa thông minh. Thông minh, theo cô chẳng là cái gì ghê gớm lắm, chỉ là biết xử lý nhanh và đúng thông tin mà thôi. Vào hoàn cảnh này, *ngoan ngoãn*, đó là cách tốt nhất để rất nhanh chóng kết thúc một *trò chơi* bất buộc. Nhưng, không bao giờ cô yêu gã! Thường là, cô nhắm mắt, mặc kệ gã vầy vò thân hình. Cũng có khi cô chẳng nhắm mắt, thao láo nhìn lên trần nhà, hai tay buông xuôi, cố nghĩ tới những chuyện vu vơ khác. Cô chống lại tất cả, kể cả sự tự nhiên của tạo hóa,

khi những gì, ngoài ý thức, trong cô bị gã đánh thức. Điều đó xảy ra thường là ở cuối cuộc, khi đã quen thuộc gã từng xen ti met. Cô nghiêng rặng, tường vỡ tan cả hàm răng trắng, đều tăm tắp và phát hiện ra rằng, cũng chẳng ăn thua gì! Rồi cô chợt nghĩ ra, như một phát kiến mới, rằng tự cô phải tự cấu rút thịt vào vết đứt non mình. Những móng tay sắc bấm, cào mạnh vào da thịt non, tóe cả máu. Chỗ cấu ấy sau này để lại hai vết sẹo mà chỉ cô, chỉ cô thôi mới hiểu nỗi vì sao?

Tháng thứ ba, khi tuyết ngừng rơi và mưa rỉ rả, gã dẫn cô đi khắp những khu rừng quanh đó, rồi bảo, em có thể ra ngoài nhưng chỉ trong những khu vực này. Rừng Châu Âu, nơi ấy chỉ dăm bảy loài cây; đa phần là thông, sồi, bồ đề và dẻ. Lá mục có nơi dày tới nửa mét, nom thì phẳng thế mà khó đi lại quá. Có một lần gã bảo có việc đi ba ngày. Quyên ra khỏi nhà, đi luẩn quẩn thế nào rồi lại quành về khu rừng cũ. Thử sức vào sớm hôm sau, định lại hướng, cô gặp một vách đá cao ngất không thể vượt qua được. Gã nói đúng, họa chẳng chỉ có mọc cánh, “Nếu như không sống đủ năm tháng với rừng, chuyển thuốc lá lậu, đưa người...” Những con thú đánh dấu đường bằng hơi, bằng nước tiểu, bằng hương xạ, gã và những kẻ tương tự như gã mới có thể *đùa chơi* với rừng hoang không cần lối mòn, không cần đánh dấu. Sau này gã giải thích: “Những kẻ bị đẩy vào rừng, lại hiểu rừng, sẽ tự tìm thấy đường”.

Rằm tháng ấy, cô giật mình sau khi đếm những vạch khắc trên cột gỗ và tự khẳng định mình đã có thai. Suốt đêm cô lo sợ, trần trọc. Cô sợ hãi điều ấy hơn cả những tiếng tru từng đêm vẫn vọng về. Không thể như vậy! Mình nào có yêu mà lại như vậy? Cô sẽ ăn nói với chồng cô, mẹ cô và gia đình cô sau này ra sao? Cô khóc, vật vã, cấu xé mình, thậm chí vỗ bồm bộp vào bụng. Chẳng có gì xảy ra sau đó.

Cái thai trong cô gan lì, ngày lại ngày có những dấu hiệu phát triển mạnh mẽ.

Tháng tư đến, những cánh rừng Châu Âu mới đẹp làm sao. Tuyết băng tan đi. Mưa, rồi gió mơn man thổi, mặt đất lộ ra những trắng cỏ, để sau vài ngày nhiều thảm xanh, biếc thẫm trải ra dưới nắng vàng trong suốt, không một hạt bụi. Các loài hoa dại bắt đầu đua nhau mọc, tạo nên nhiều mảng màu đủ loại phơn phớt trên nền xanh. Những vạt hoa vàng rực, chẳng biết tên, tựa như loài mai cô đã từng nhìn thấy ở phương Nam quê hương, bên các bìa rừng chói chang nở. Cái bụng cô cũng vụt cao lên và ngày lại ngày, cô cảm thấy rất rõ, một sinh linh đang lớn dần, cựa cựa trong đó. Nó cũng là *con người* duy nhất để Quyên có thể trò chuyện, suy tư trong hoang lạnh mỗi khi gã chợt đi, mất tiêu trong những khu rừng.

Quyên, mày là đứa khốn nạn! Bên bờ suối nước trong vắt, lặng, sáng như gương, có một lần cô tự vả vào hai bên má của mình, khi cô thấy khuôn mặt mình có già dặn thêm tí chút, nhưng rực rỡ hơn. Khí thế đấy, khí hậu châu Âu, tiết lạnh vốn hợp với dung nhan phụ nữ. Lại có bữa, sau vài bận trên chòi cao cô đứng mãi, suốt cả những buổi chiều, cô tự nhủ: “Con Quyên hư đốn”. Cô căm thù gã, cô muốn giết gã mà chưa được, nhưng thời gian làm cho cô thân thuộc gã về mọi chi tiết, từ giọng nói tới cử chỉ, thân xác và điều chính là cô sợ hãi. Cô hoàn toàn không chịu được cảnh một mình cô độc trong khu rừng. Không thể nói ra, cô căm ghét chính cô, nhưng như một phản xạ, cô vẫn cứ lên đứng trên chòi cao ngóng bóng dáng gã hiện ra từ một bìa rừng nào đó tiến lại ngôi nhà. Có một lần, cô thấy gã đúng như tường tượng, cô vội chạy xuống chòi trở vào căn nhà, và tìm cô đập rất nhanh...

Cô tự biết, cô không phải loại người đầy năng lực nhục dục. Cô cũng tuyệt nhiên không yêu gã. Nhưng một lần nữa, sau hơn tuần vắng mặt, cô mong hấn về cồn cào và đêm ấy, bằng sức mạnh man dại của một thằng đực, gã đẩy cô tới tình trạng cực khoái một cách mê muội mà cô chưa khi nào thấy, để cô muốn bầu chặt lấy hai vai gã mà cấu cào vào những bắp thịt căng cứng như được bơm khí. May mà cô cố kìm hãm, nhớ ra và thay vì vậy cô cào mạnh xuống

đệm giường. Chỗ cào ấy làm rách một đoạn rách. Toàn bộ những diễn biến này, chúng vô tình thành một sự giằng xé trong tâm hồn cô, cho cô tăng thêm sự đau khổ tới khôn cùng, mỗi khi cô nhớ về sự lạnh lùng, trớ trêu của tạo hóa, của một hoàn cảnh cô không bao giờ mong chờ, thậm chí tưởng tượng ra, lại gặp phải.

Có một lần, gã không *yếu cần xé* như mọi lần. Trời đất xui khiến thế nào, sau khi cô cởi hết áo quần, gã cứ ngồi yên ngắm cô. Nghiêng mình, cô muốn tránh cái nhìn như xuyên suốt thân thể. Bỗng gã chồm lên. “Em đã có thai?... Tao hỏi nghe thấy không?” Lúc Quyên nghiêng mình, lộ ra cái vòng nhu nhú *không bình thường* mà trước đó đã bao lần hấn xoa bàn tay thô chắc, mẫn nguyện lên vùng bụng phẳng căng, mềm mại, “mát dịu như mỡ đông”.

Phải, gã là kẻ biết chiêm ngưỡng, không chỉ dừng lại ở thuộc tính bản năng của con đực. Chính gã từng thốt lên với mấy thằng bạn trong một bữa rượu bên kia biên giới:

- Chúng mày chỉ nhìn đàn bà qua khuôn mặt thôi. Biết đéo gì! Chưa thấy một đũa nào đẹp như em. Mặt, mũi, chân, tay... ối trời ơi, mắt là mắt, da ơi là da. Tuốt tuồn tuột... chỉ muốn vớ vụn hết mẹ cả đi, ngấm ngay vào em hoặc ngược lại, em thắm vào tao. Tóc đen, mát! Bụng, ngực cũng mát và, bọn mày biết không, ở dưới đó một vùng mươn mướt, mướt đen xanh tốt bời bời!

Quyên im lặng. Cô không trả lời gã. Không hiểu sao, câu hỏi “Em đã có thai?” làm cô trào lên một niềm căm thù gã khôn tả. Cô bất ngờ vùng dậy nắm lấy con dao bếp và lao vào gã. Lưỡi dao thép trắng rất bén nhưng mảnh, yếu và cô không thể nhanh hơn con người đã từng tự nhận là *Con hổ của Taiga* từ những ngày lang bạt ở Nga. Gã nhanh hơn cả sóc, phất tóe gọn bàn tay cô, bầm nhẹ. Lưỡi dao rơi xuống đất. Cô sợ hãi lùi sát tường, hai tay quờ quạng hai bên tường như thể tìm vật gì có thể mang lại cho cô sức mạnh. Nhưng cô không thể ngờ gã chẳng đánh cô một cái bạt tai như cô tưởng. Gã bất ngờ ôm lấy hai vai cô, nhẹ nhàng nắm lấy đôi bàn tay của cô áp vào đôi môi gã.

Lần đầu tiên trong suốt thời gian biết gã, Quyên thấy đôi mắt sắc lạnh ánh vui và dịu đi những tia sáng mà cô căm ghét.

* * *

Quyên thực sự không thể hiểu được dạng người kiểu gã. Có một bí mật nào đó mà cô không thể giải mã để cô từ đó có thể thuyết phục gã, nhằm giải thoát cho chính mình. Đêm qua gã nhẹ nhàng với cô lắm, thế mà sớm hôm sau, gã lại trở về vẻ lạnh lùng, từ chối mọi đề nghị của cô. Gã bảo, tao không phải là trẻ con! Gã nói, trên đời này, lòng tin không có tiền bạc nào có thể đổi được, nhưng nếu chưa qua nhiều thử thách, chưa *trực tiếp nhận ra* thì người ta không nên vội vã. Gã giải bày, gã đi một tuần vì công việc kiếm ăn không thể trì hoãn được, dù: “Thú thật, bây giờ tao muốn nằm trên nệm, xoa bụng em và áp tai vào đó suốt ngày lẫn đêm”. Quả thực như vậy. Hơn hai tháng sau đó, có một đêm gã chột reo lên thích thú, mắt như sáng lên trong đêm và bảo rằng, em có nghe thấy tiếng tim đập trong bụng em không? Trời ơi gã là đũa chả hiểu gì. Tại sao cô lại không nghe tiếng động của thai nhi mà bất kì người phụ nữ nào đang mang thai, chẳng cần tai cũng nghe thấy. Những ngày vắng gã, những đêm trắng lạnh, Quyên vẫn nghe *tiếng nói* của một sinh linh đầy thôi. Cô nghe bằng các huyết quản li ti của cô, nghe bằng chính bàn tay cô, bằng quyền năng mà thượng đế chỉ dành cho đàn bà. Cô nghe tiếng đập, cú đập, cảm được hình như nó ngủ và thức... Cũng sau đó ngay trong Quyên, xuất hiện hai tình cảm đan chen, giằng xé, vừa thương vừa ghét.

Cũng từ khi phát hiện ra tiếng đập rõ ràng ấy, gã không có các chuyến đi dài ngày nữa. Mỗi ngày xa Quyên, gã tuyên bố, sẽ sắp xếp để mau về với con. Từng đêm gã thích thú áp tai vào bụng cô nghe tiếng tim thai. Hai bàn tay gã bấu vào bụng Quyên, thường là gã nhắm mắt.

Khuôn mặt khi ấy của gã chợt thơ ngây, hiền đại như đứa trẻ. Quyên nghĩ thế. Gã mang về nhiều loại thuốc, nói là thuốc bổ sung chất bổ cho đứa con còn chưa biết hình hài. Quyên xem, bảo, một dạng vitamin! Gã cười, không phải, vi lượng! Đêm ấy lần đầu tiên Quyên thấy, không hiểu vì sao, gã có vẻ buồn. Gã uống gần một phần ba chai rượu Polan có sợi cỏ mảnh mai bên trong. Gã nói chuyện với cô tự nhiên như với một người bạn thân nào đó, thao thao nói về vi lượng. Gã giải thích cho cô biết vì sao vải thiều trồng ở Thanh Hà ngon vậy, hạt nhỏ vậy mà sang ở nơi đất khác lại chua loét, hạt to ra. Hắn làm cô cũng nhớ nôn nao các đặc sản ở quê hương khi gã nhắc tới bưởi Đoan Hùng, nhãn lồng Hưng Yên. Xem ra đêm ấy, gã không phải là một kẻ khốn nạn, gã hóa thân thành một người nào đó xa lạ vô cùng với con người hiện tại của gã. Một đêm, gã chiều chuộng cô ra mặt. Gã tự tay nấu món thịt lợn nạc ướp hạt mù làm món giả thịt gấu cho cô ăn. Gã đun nước tắm và pha xà phòng sữa nở bọt trắng xóa. Khi cô tắm, gã cứ nâng nặc đòi kì lưng cho cô nữa. Thôi thôi kìa! Khi đi nằm, gã nghiêm cẩn như cây gỗ cạnh Quyên, không hề *quấy nhiễu* và trần trọc tới sáng thì phải.

Ba ngày sau, khi gã ngồi bên cô, nhìn ra ngoài trời và hỏi, tại sao hai vợ chồng cô lại sang đây? Cô im lặng. Gã thủng thẳng nói, mỗi năm tôi đưa hàng mấy trăm người qua đây. Đủ các loại người. Hầu như tất cả đều vì miếng ăn, vì muốn có nhiều tiền mà rời bỏ quê nhà chạy sang đây... Gã bảo, cực chẳng đã phải ra đi như gã. Nếu gã có vài ngàn đô như vợ chồng cô, chẳng bao giờ đi ra nước ngoài làm gì. Nếu đi là đi chơi, đi như một du khách. Và đời gã sẽ chẳng xuất khẩu, chẳng đưa đường... Gã phản đối cô rằng, chẳng phải riêng cô đang bị cầm tù. Gã và nhiều người khác cũng đang bị tù. "Lúc mới *đi tây*, người ta ham hố, thích thú lắm. Càng sống lâu, khi mọi vật chất trở nên nhàm, mới thấy con người cần nhiều thứ khác ngoài vật chất. Phải, giá như có tiền, tôi ở Việt Nam với mẹ và em trai tôi...". Gã cười gằn trong đêm: "Em nghĩ xem, tôi trấn ngự khu này với ba bốn người nữa, đưa người vượt biên, chuyển thuốc lậu, tiền lậu... chỉ để có tiền. Chui lủi trong rừng, ba năm rồi, năm thì mười họa bọn tôi mới về thành phố để đập phá, đánh bạc và chơi điếm. Cũng chả có tình cảm gì cả. Có tháng tuyết băng nhiều, năm mãi trong rừng xem phim sex, thủ dâm. Cuộc đời chó má!". Gã tự bực bực chả che chắn gì, làm Quyên chợt nhớ tới đồng băng sex và cái đầu đọc băng đã mòn trơ cả nhựa mà cô tìm thấy trong phòng nhỏ hôm nào. Quyên buột miệng hỏi, sao không tìm người nào mà yêu? Gã cười nhạt, tình yêu ư? Đây là một khái niệm phù phiếm nhất trên đời. "Em chưa biết gì cuộc sống cả đâu!". Gã nói tiếp, con người ta, *chó cùng dứt dậu*. Con người có sức mạnh nhiều khi không tưởng được. Đã có lần gã vọt qua một con hào tới hơn bốn mét khi bị cảnh sát truy đuổi. Giỏi thế! Thật không? Cô khen gã. Không giỏi giang gì. Bản năng mà. Bản năng con người ghê gớm lắm. Gã thản nhiên nói như một nhà hiền triết.

Bản năng! Quyên âm thầm suy nghĩ trong đêm. Gã có lý. Những kẻ như gã, bị đẩy vào những hoàn cảnh nghiệt ngã, không xóm giềng, không dư luận; để tồn tại, phải mãnh liệt, huy động hết những sức mạnh tiềm ẩn, thành ngọn lửa ghê gớm, có thể thiêu hủy tất cả, cả chính họ... Còn cô, cô chống lại sức mạnh ấy, một cuộc đối đầu tồi tệ, tử hờn làm sao?

Một ngày mưa rất lớn. Nhìn ra ngoài trời, mây đen nặng chịch bay rất thấp dội nước rào rào, tạo thành trên mặt rừng những con suối nhỏ đen xám, ngẫu bọt. Tám giờ tối hay chín giờ gì đó, gã trở về. Cánh cửa vừa bật ra, gã đã đổ sập xuống sàn gỗ. Toàn thân gã như bốc khói. Hôi, bắn thiu và sũng nước. Suốt đêm gã đòi hết lấy đá chườm lên trán lại đến đốt lửa lò thật nhiều. Có lúc gã rên rỉ và gần sáng ngồi dậy, tự đập đầu đôm đốp vào tường gỗ. Gã kêu đau đầu dữ dội. Gã cảm. Quyên đoán vậy. Quyên đặt bàn tay lên trán kẻ thù của cô. Như một hòn than nóng, mồ hôi đầm đìa trên cổ, trong cả hốc mắt. Không hiểu sao, Quyên chợt nhớ tới mẹ. Có một lần, lâu lắm, anh trai cô cũng bị cảm. Vâng, hôm đó mẹ cuống lên, Quyên cũng cuống lên... Con người thật đôi khi buồn cười. Cô lấy nước lạnh chườm lên trán gã, lau toàn bộ người gã, cho gã uống với hai viên thuốc cảm Quyên tìm thấy giữa đồng tiền xu bắn thiu. Chữa bậy bạ như vậy mà sáng ra gã đỡ vật vã. Tới trưa thì phải, gã ngủ thiếp, cái đầu gối trên đùi cô, sực

lên mùi mồ hôi đặc trưng của riềng già. Mùi mồ hôi ấy, cô chẳng có cảm giác ghê sợ, bởi tám tháng nay đã trở thành quen thuộc.

Con người đầy sức mạnh, tưởng không thể nào gục ngã như già, không ngờ một trận cảm có thể biến thành rải khoai như thế. Nửa đêm sau, già kêu khát, rồi lại nhồm dậy, lấy bẫy tự mình tới bên thùng gỗ đựng nước. Quyên nhìn thấy già vừa uống nước vừa thờ, tay vịn vào cái miệng thùng. Chỉ như vậy mà cô chợt thấy lòng chẳng yên.

Gã loạng choạng quay về sạp nằm. Quyên muốn tới dìu già. Gã gạt tay cô ra, gắng bước, rồi đổ vật xuống sàn. “Em tốt lắm. Em giống mẹ tôi quá.” Gã yếu ớt nói và xoay mình quay mặt vào tường. Gã thiếp đi tới tận trưa hôm sau.

Quyên không thể tự giải thích vì sao cô có thể còn thương xót loại người như già. Cô nấu cháo. Đun nước gừng, đánh cảm cho già bằng chiếc thìa lớn và nói như mẹ cô hôm nào bắt cô uống bát nước gừng thật nóng: “Uống đi, vừa thổi vừa uống. Uống thật nóng, sẽ đuổi hết cái cảm!”. Gã ngoan ngoãn ngồi dậy, dựa lưng vào tường gỗ, uống bát nước cay sè, nóng rẫy.

Thế mà trước đó một ngày, trong đêm tối, khi già thiếp đi trong mệt mỏi, Quyên đã có lúc cầm lấy con dao bếp dẫu sau lưng tới sát bên già. Nhưng khi nhìn khuôn mặt của người đàn ông đang ngủ, cái miệng như hơi mỉm cười làm cô không còn sức mạnh để thực hiện ý nghĩ táo bạo. Con dao bếp từ tay cô rơi xuống sàn gỗ phát lên tiếng khô đục. Tiếng động làm già bừng tỉnh. Thấy người đàn bà vẫn thức bên mình, già cười méo mó, áp đầu sát vào ngực cô. Có thể thôi mà Quyên khóc. Đôi mắt Quyên trong đêm thăm thẳm, đen huyền, giờ ứa tràn nước mắt.

* * *

Gã trần trọc.

Tôi biết em chẳng bao giờ yêu tôi cả. Tôi chiếm đoạt hết thân xác em và thỏa mãn tới cùng cực mọi thèm khát, nhưng tôi biết em chưa khi nào yêu tôi. Đó cũng sự cân bằng, sự trả giá, bởi vì chúng ta gặp nhau, tôi đã chiếm đoạt thân xác mà không có tình yêu... Nói toạc ra là trước đây, tôi cũng chẳng yêu em. Yêu là cái cục cứt. Tôi chẳng giấu gì em cả. Tôi đã một lần có vợ. Vợ tôi đẹp gần bằng em. Chúng tôi yêu nhau. Cô ấy là diễn viên múa thuộc đoàn văn công X. Chúng tôi có một căn nhà cấp bốn xập xệ ngoại thành Hà Nội. Còn tôi, khi ấy tốt nghiệp Đại học Lâm nghiệp xong được phân công về Bộ, trong bộ phận Nghiên cứu phát triển rừng đầu nguồn. Suốt một thời, tôi cho rằng cô ấy là người đàn bà đẹp nhất trên đời theo cả hai nghĩa. Nói thực, thân hình vợ tôi tuyệt lắm. Tôi muốn có một đứa con, nhưng cô ấy chưa muốn. Cô ấy nói, nghề của em chủ yếu trông vào thể hình. Bây giờ còn múa được, có con thì ai dùng, lấy gì mà ăn. Cô ấy có lí, có một diễn viên cùng đoàn, có con vào trông như bà phán. Múa không cần bà Phán! Mà tôi thì chưa nuôi được vợ. Nhưng rồi năm sáu năm trôi đi, cô ấy cũng chẳng khá hơn trong nghề nghiệp tí nào. Vợ chồng vẫn cứ hai cái bếp dầu, một cái giường phân phối và hai cái quạt nhỏ. Bát đĩa cái sứ, cái mẻ cũng cứ dùng. Tôi luôn xê dịch, công tác liên miên nên chẳng khi nào đưa vợ được một xu. Cô ấy nạo thai tới bốn năm lần trong hai năm. Lần cuối cùng, một sự cố kĩ thuật, cô ấy vĩnh viễn không bao giờ được làm mẹ. Tất nhiên dầu biết vậy, tôi chưa khi nào hao giảm tình yêu với vợ. Chỉ đôi khi nghĩ lại oán thán cái vô dụng của chính mình. Năm ấy đoàn đi biểu diễn ở Tây Nguyên, biên giới, hải đảo. Ba tháng sau về, cô ấy lặn ra ốm hơn hai tháng. Tưởng chết. Khi ấy thương vợ lắm mà chẳng tìm cách nào thoát ra được. Lúng túng vô cùng.

Thời gian ấy, người ta ào ạt tổ chức các đợt xuất khẩu lao động. Đoàn văn công của cô ấy có hai suất. Bàn đi tính lại, tôi để cô ấy đi... Làm thằng đàn ông, không nuôi nổi mình, phải để vợ đi xa kiếm tiền là sự hèn hạ, kém cỏi không thể tha thứ. Sau này khi đã đổ vỡ hết cả, tôi tự trách mình. Xa nhau sáu tháng, tôi trống rỗng vô cùng. Tôi ăn uống vạ vật. Bạ đâu ăn đó, rọc rạch

hắn đi. Những chuyến công tác dài ngày trên rừng còn có anh em lâm trường, anh em các xã vùng núi, vui vui một chút, vật chất ăn uống có khi đỡ hơn là sống tại nhà mình ở Hà Nội.

Tôi nói thêm cho em biết rằng, công việc của tôi rất thú vị. Có thể chính vì nó mà đôi khi tạm quên đi nỗi buồn mình chẳng bao giờ có một đứa con. Thường sống với rừng, những khu rừng nguyên sinh đầu nguồn với bao bí mật mà khi nghiên cứu đầy hấp dẫn tới ma quái. Nhưng người ta không thể uống nước lá để yêu. Dù yêu vợ hay yêu rừng.

Yêu! Người ta nói về sự cặp bồ yêu đương lung tung trong những đội quân xuất khẩu làm tôi như ngồi trên chấu lửa. Hơn tháng sau, những lá thư nồng nàn thương nhớ của cô ấy bay về làm tôi cũng yên lòng đôi chút. Tôi nhớ vợ, từng đêm nhớ những lần ân ái, nhớ mùi tóc, mùi nách, mùi miệng... bao nhiêu năm đã quen hơi bén tiếng rồi. Cuối mùa đông năm ấy, cơ quan tôi cũng có hơn chục suất đi Nga. Tôi vón vén toàn bộ những gì cô ấy gửi về, bán cả xe đạp, hai cái quạt nhỏ, tất cả được hơn hai chỉ dứt lốt bằng được tay nhân sự trên phòng lao động và nhận một suất sang Nga. Tôi liên lạc với vợ gấp mà chắc cô ấy không nhận được tin. Rồi tôi sang Nga. Hơn một tháng làm quen, tôi vẫn khó quen với cái lạnh khắc nghiệt trong những khu rừng Taiga, nhưng phải chịu vậy thôi. Bù lại, cuộc sống vật chất hơn hẳn ở nhà, ăn uống thừa thãi và làm việc cũng cật lực. Tôi ở một đội thuộc một lâm trường khai thác gỗ, đúng với cái nghề của tôi. Chỉ khác là xưa kia mình chỉ đạo công nhân, còn bây giờ chính mình làm những việc đã hướng dẫn họ. Mà còn tồi hơn là thế khi mỗi người công nhân khai thác được khoán tới hơn mười khối gỗ một ngày.

Gã nhồm dậm chằm một điều thuốc, rít sáng lên trong đêm tối. Gã nhớ lại, cảm như trong bóng tối thấy rõ toa tàu năm ấy, lần đầu tiên gã tới thăm vợ. Cách nhau cả hơn ngàn cây số, bao nhiêu thương nhớ tạo nên sự tưởng tượng của gã về đêm đầu tiên trên xứ người của tình vợ chồng. Gã cười thầm, nhớ cặp vú của vợ. Bầu vú bên trái có cái nốt ruồi mà gã gọi là *cái ti thứ ba* mà mỗi lần yêu thương, gã mút vào đó như đứa trẻ. Sự tưởng tượng của gã phong phú và mạnh mẽ tới mức tràn ngập cả vào giấc mơ khi gã gục mặt xuống chiếc bàn nhỏ ngủ thiếp đi trong nhịp lắc nhẹ con tàu cao tốc, và giật mình tỉnh giấc bởi dương vật cứng ngắc làm bụng trên đau và tức.

Cuộc gặp của chúng tôi trong ngày đầu tiên mang lại cho tôi hạnh phúc, niềm khao khát bao lâu được thỏa mãn. Tôi lao sầm vào vợ, không thềm khóa trái cửa. Căn phòng mà hai người nữ khác cùng ở đã sơ tán, có cái giường cũng đủ rộng. Tôi ôm chặt lấy vợ, bầu vào cô ấy, tôi muốn tan ra, hòa vào nhau. Tất nhiên vợ tôi cũng đáp lại tình cảm của tôi, hoan hỉ. Tôi không hề biết rằng, những biểu hiện của tình yêu, tình dục thường lẫn lộn, trộn lẫn không thể phân biệt được. Tôi sẽ ở lại đây thêm một hôm, quá sang ngày thứ hai, chấp nhận khi trở về đội sẽ bị trừ lương một ngày và tiền thưởng quý.

Gã lại hút thuốc. Đôi mắt gã trong đêm tối, mỗi khi điều thuốc đỏ cháy cũng ánh lên những tia sáng hồng man dại. Gã bất ngờ dụi điều thuốc một cách dừ dằn trên chiếc đĩa nhỏ. Trong đầu gã hiện ra mồn một cái buổi chiều dài dằng dặc chờ vợ đi làm ca hai. Gã lang thang quanh khu nhà ở cũng chẳng rộng lắm. Nước Nga bao la, lạnh bao la tuyết trắng. Gã mò vào một quán rượu và giết thì giờ ở đó với những vại Kờ vát màu đen có vị hơi chua và vài li Vốt va thơm phức. Mười giờ kém năm phút, gã ngừng uống và trả tiền nhanh chóng rồi quay lại khu lao động Việt Nam. Mười giờ đêm, dọc hành lang loáng thoáng đám công nhân đi ca ba và từ nhà máy hết ca 2 trở về. Gã uống hơi quá nên thấy lạnh bèn kéo cổ áo rét cao lên che mặt. Bỗng gã khựng lại nghe tiếng ai quen thể trong bóng tối ở góc cầu thang tầng trệt. Vợ gã? Giọng vợ gã? Những kẻ yêu nhau có thể thính hơn chó? Đúng là tiếng vợ gã, dù rất nhỏ trong góc cầu thang hẹp. Gã căng mắt ra nhìn. Trời ơi, vợ gã.

Cô ấy! Rõ ràng là vợ hắn đang ngửa mặt lên đón nhận nụ hôn của một người đàn ông áo lông khoác ngắn to xù màu xám.

Ngay khi đó tôi giận lắm. Mãi về sau này, sống lâu hơn ở Nga, tôi mới biết là cái việc tất nhiên đến nó sẽ đến. Những người đàn bà ra đi xử người kiếm ăn gửi tiền về cho chồng con, đa số đều phải gả vào ai đó mà sống, mà kiếm hàng, mà mua bán đổi chác lấy hàng hóa bán được giá ở Việt Nam gửi về nhà. “Lừa gần rơm lâu ngày cũng bén.” Dù yêu chồng con thế nào đi nữa, thì tình yêu, một thực thể tinh thần như một cơ thể sống, ở một vùng đất khác, thêm chất vì lượng khác, đã mọc chồi mới thay thế những ngày hôm qua và ra hoa kết trái khác.

Tôi đã nện cho thằng cha ấy một cú trời giáng. Bất biết kẻ đó sống chết ra sao. Quay lại, tôi tóm nhanh lấy vợ tôi. Cô ấy lù. Lùi sát vào góc cầu thang tối. Tôi bạt tai vợ mấy cái liền. Thế là chấm dứt. Tôi chạy lên gác như một thằng điên và thu xếp khăn gói, lao ra nhà ga về Mát rôi quay lại đội.

- Anh còn gặp lại chị ấy không?

- Không!

- Anh phũ phàng quá.

- Phũ phàng - Gã nhếch mép cười - Người đàn bà tôi yêu đã phản bội.

Cô ta ích kỷ hay thời buổi khó khăn làm cô ấy không muốn có con và tôi hay cô ta có lỗi. Hay cô ta hoàn toàn vô sinh đã chán cả tôi nữa. Hay cuộc sống nơi xứ người này đã gắn kết cô ấy vào một tâm hồn mới? Tôi phũ phàng chó gì. Tôi giấu kín sự đau khổ ấy suốt thời gian sau đó lang bạt làm ăn, mang mỗi hờn căm không bao giờ nguôi với cái khốn nạn vì tôi nghèo, vì không có tiền và cũng chính vì tiền mà tôi đã mất cô ấy.

Khi ấy tôi chỉ có lòng căm thù. Nhưng không thể tha thứ. Tôi là người yêu vợ, thương vợ. Sau này cũng đôi khi nhớ lại, buồn và thù ghét. Cũng không hẳn là hoàn toàn căm thù cô ta. Bởi có hai người trong cô ấy, một người vợ thương yêu hết mực, say đắm và nồng nàn, một con người phản bội, lừa dối. Và lại ngay khi tôi quay lại Mát thì châu Âu biến động. Nước Đức thống nhất và bao điều xảy ra trong nước Nga bấy giờ. Hàng loạt đội Việt Nam tan rã. Tôi nghe nói, hình như nó, cùng thằng cha bấy giờ chẳng thêm nhớ mặt, biến vào xô xính nào không rõ. Nước Nga mệnh mông thực... Tan rã và phiêu bạt, đấy là số kiếp dành cho chúng tôi.

Tôi không thể về đội cũ với tiền lương không bao giờ có cơ hội giàu có được. Tôi ở lại Mát và nhập vào đám “bộ đội”. Tôi làm đủ mọi nghề để sống. Bất kể gì sinh ra tiền. Tôi gửi về ít tiền cho em trai và mẹ. Vài lần.

Gã lại hút thuốc. Cái đưng tàn đầy những đầu mẩu quần chùn nom bẩn thỉu. Gã nhớ lại những ngày trời nổi, khi tiền như nước chảy vào túi và lại ào ào mất đi. Gã nhớ tới cái bữa mờ hôi nhề nhại giải phóng năm sáu xe hàng, vừa quệt mồ hôi ngẩng lên thì gặp lại khuôn mặt quen thuộc ngày nào. Người vợ của gã không hề biết cái thằng bốc vác quần áo lấm lem bẩn thỉu giữa đồng hàng ngồn ngộn kia lại là gã. Mùi nước hoa Chanel 5 theo gió bay quần theo gió thốc vào gã, bay theo bước chân của một người đàn bà nom sang trọng đi sóng đôi bên một đại gia chuyên đánh hàng xuyên lục địa giá trị hàng triệu USD, mà chính gã là kẻ làm thuê thảm hại cho họ. Gã nhớ bữa rượu buồn thiu chẳng nói được lời nào với sự chán chường, cảm giác bị xúc phạm, nhục nhã... tới muốn tự tử về cuộc gặp trở trêu của gã. Hôm sau người ta không thấy *thằng bốc vác* có sức khỏe kinh hồn có thể hát kện hàng một tạ từ mặt đất lên vai một

cách ngon lành nữa. Đây là lý do gã trôi dạt, rồi tới tận biên giới Đức, và mạo hiểm tận nơi sơn thâm cùng cốc này, để kiếm thực nhiều tiền, thoát khỏi nỗi nhục không chỉ là cơm áo.

* * *

Buổi sớm hôm sau gã đi hai ngày. Nói vậy nhưng nửa đêm gã về. Khi ăn cơm, gã nhẩn nha nói với Quyên rằng cô không thể ở trong rừng được nữa. Gã sẽ đưa Quyên về thành phố. Người ta không thể sinh nở trong rừng như những sắc tộc ít người. Gã tỏ ra khá hiểu biết khi nói với cô rằng, đàn bà vượt cạn con so cực kỳ nguy hiểm. "Tôi xin chịu trách nhiệm toàn bộ về những điều xảy ra với em. Xin hãy tin tôi!".

Tình huống không ngờ chuyển nhanh tới như vậy. Quyên sẽ thoát khỏi tay gã. Cô sắp được tự do. Cả ngày sau cô rơi vào trạng thái như người mộng du. Vậy là điều cô mơ ước, khát khao đã tới. Cô chợt nảy ra ý nghĩ, tại sao cô không đi sang bên kia biên giới tìm chồng. Liệu anh ấy có tha thứ cho cái thai này không? Không, anh ấy sẽ hiểu và chấp nhận một khi anh ấy biết cô chưa khi nào yêu gã, bố của cái thai nhi bất đắc dĩ. Cô phải đi tìm chồng. Cô không có một tình cảm với bất kỳ ai ngoài anh, ngoài chồng. Mọi sự đã xảy ra với cô chỉ là ác mộng.

Buổi tối, gã nằm bên cô, tay trái vòng qua đầu làm gối, tay phải đặt nhẹ lên bụng. Gã thủ thỉ:

- Tôi yêu em thực rồi. Cái thai này của tôi. Ngày còn ở Việt Nam, nghe người ta bảo những người chồng ghé vào bụng nghe được tiếng tim con mình, sướng lắm. Ngày xưa tôi ước như vậy với chính con người đã phản bội tôi, mà chẳng bao giờ được. Bây giờ tôi biết hạnh phúc của người đàn ông là có thật. Tôi muốn em làm vợ tôi, chúng ta làm lại từ đầu.

- Không - Quyên xoay người lại nhìn thẳng vào mắt gã.

- Em không ở đây được. Đứa trẻ sẽ làm khai sinh. Nó phải được sinh ra ở bệnh viện chứ không phải xó rừng này. Nó cần có một người bố. Tôi sẽ cưới em, tôi là bố đứa trẻ.

- Anh có yêu tôi thực không? Quyên nói.

Gã nhồm dậy. Nhìn thẳng vào mắt Quyên: "Tôi yêu em. Yêu thực lòng"

- Anh hãy để tôi đi tìm chồng!

- Ai? Tìm ai? Gã nhồm phát dậy trợn mắt trong đêm tối.

Quyên muốn khóc. Nhưng cô không nên khóc bây giờ. Cô phải nói thực với gã. *Sự chân thành cảm hóa được cả quỷ và thần*, ngày nào khi còn ở Việt Nam một nhà văn quen biết mẹ cô đã từng có lần nói với như vậy. Cô tin ở điều đó. Con người này, gã, theo cô, hôm nay, trong đêm nay, không bị phần ác thú ngự trị.

- Anh hãy cho em sang Đức tìm chồng. Anh ấy rất yêu em. Chúng em quen nhau hơn ba năm và khi xa nhau, tuần nào anh cũng điện về. Thậm chí hai, ba ngày một lần, có khi chỉ để nói một câu ngắn. Anh đừng nghĩ, anh ấy vì cái thai này mà không còn yêu em nữa. Không một người đàn ông chân chính nào lại sỉ nhục vợ mình khi biết vợ mình bị cưỡng bức. Anh ấy học ở Nga, tiến sỹ, là trí thức. Anh hiểu không?

Gã bần thần suy nghĩ, thao thức. Người đàn bà này thực có một tình yêu và niềm tin ghê gớm với chồng. Gã cảm thấy ghen với cái thằng cha vớ vẩn nào đó đã bước chân xuống cái phao trước, để vợ ở lại đi chuyển sau. Nhưng rõ ràng, người có thân xác tuyệt vời để gã đam mê này

có một lòng tin và tình yêu không như vợ gã và chính cả gã. Gã ước ao một người đàn bà như Quyên, nhưng không thể chiếm giữ được cô ấy, người đã có con với gã, con người tuyệt vời này. Không thể! Gã biết...

* * *

Quyên và gã tới đường biên vào lúc gần sáng. Tuyết lát phát rơi làm vật cản tầm nhìn suốt đêm. Theo gã, đây là thời cơ tốt nhất để vượt sang bên kia biên giới. Người Đức rất kỷ luật, nhưng ai mà chống lại giấc ngủ vào thời điểm đó được? “Có cổ căng mắt ra thì khả năng quan sát cũng kém đi!” Gã nói vậy. Quyên lầm lũi bước theo gã. Gã luôn chờ cô, dáng điệu vẫn kiên quyết dù đôi mắt thăm thẳm buồn. Ai chả buồn khi tiễn biệt! Quyên có buồn không? Đêm qua gần sáng, cô chợt nghĩ tới tám tháng trời ăn ở tại khu rừng này. Một ngày còn có nghĩa nữa là... Cô vừa giận vừa thương gã. Đêm qua gã đã quyết định đồng ý để cô đi tìm chồng. Rõ ràng gã đau khổ suốt hai ba ngày đêm, bởi đôi mắt không thể lừa dối, che giấu khi còn biết yêu. Quyên tin rằng gã đã yêu cô thực. Gã, người đàn ông đủ *đen và trắng*, khôn nạn lẫn tử tế. Gã, người bắt và hiếp cô, từng coi cô như vật nuôi. Rồi gã yêu cô và dù muốn sở hữu lại hứa sẽ tự thân dẫn cô qua biên giới để cô đi tìm chồng. Tại sao lại thế? Quyên không hiểu được. Quyên thực không cảm lòng được khi chiều qua, gã cùng cô dạo quanh căn nhà. Họ đạp trên những thảm lá khô xào xạc mà cơn gió đêm qua đã làm đám cây trút hết những chiếc lá cuối cùng, để rất lên mặt đất một lớp vàng rục rở dưới chân họ. Dường như gã muốn cô nhớ lại chút ít thôi về gã. Tới cửa nhà, gã cầm tay cô không nói rất lâu rồi bỗng quỳ xuống và áp đầu vào sát bụng cô rất lâu. Hình như gã âm thầm khóc. Quyên ôm lấy đầu gã, vuốt nhẹ nhàng lên bộ tóc đen rậm và không dám cất lên lời. Bởi thực ra, mọi lời lẽ cô tự thấy đều giả dối và vô nghĩa khi ấy. Mà cô thì thuộc loại người không bao giờ muốn nói dối, dù chỉ là nửa lời không thật.

Kế hoạch gã vạch ra thực hiện đúng tới từng chi tiết. Đã vượt qua biên giới. Đã tới ngôi nhà nhỏ lúc ba giờ sáng. Ba giờ rưỡi, từ đó họ lên hai chiếc xe. Xe BMW đi đầu là gã và Quyên. Chiếc Open đi sau chở ba người khác. “Phải hòa vào dòng xe trên xa lộ tiến về Berlin vào thời điểm đồng xe nhất!” Quyên chẳng thấy hồi hộp, xốn xang khi vượt qua biên giới như ngày nào nữa. Tất nhiên, hơn chục tiếng nữa cô sẽ tới Muenchen gặp chồng cô, cái trại tị nạn mà gã và đồng bọn biết chắc chắn rằng, chồng cô còn ở đó.

Họ chuẩn bị vượt lên xa lộ thì gã đột ngột phanh gấp. Xe dừng lại trên một khúc quanh. Con thú đã đánh hơi thấy có con thú khác lớn hơn mình. Chiếc xe Polizei nằm ở bên đường đã nhìn thấy xe gã. Gã hiểu, nếu gã quay xe, lập tức chiếc xe cảnh sát kia sẽ đuổi theo ngay. Gã bình tĩnh xuống xe và mở nắp ca po như về xem xét điều gì rồi châm một điếu thuốc. “Em cúi người xuống. Mở cửa xe và sang xe sau đi. Nhanh!” Quyên hành động như một cái máy theo lời gã. Cô hiểu, chiếc Open chưa bị phát hiện, bởi nó nằm trên đoạn cong khuất. Chiếc Open lập tức lùi sát vào lồm rùng ven đường khi cô đã ngồi gọn vào hàng ghế sau. Cô báo với người thanh niên lái chiếc xe thứ hai rằng, xe cảnh sát đang chờ phía trước. Vài phút sau, chiếc xe BMW bỗng vọt lên như tên bắn và vượt qua chiếc xe đứng chặn đường lên xa lộ...

Nửa giờ sau nữa, chiếc Open chở Quyên hòa vào dòng xe cuộn cuộn trên xa lộ về hướng Berlin. Radio tự động bắt sóng ngắn liên tục báo thông tin giao thông làm bản nhạc đang nghe liên tục bị cắt đoạn. “Họ đang phát tin về chúng ta!” “Cái gì?” Quyên nhòm người lên hỏi. Người lái trẻ giọng bình thản: “Anh Hùng bị rồi!”. “Cái gì?” Quyên lại hỏi. Mãi tới tám tiếng sau đó, trong một trạm xăng khi họ ăn chiều, Quyên mới nhìn thấy tấm ảnh chiếc xe của gã bẹp dúm, nát như trên tờ *Tin chiều* và nhờ người bạn trẻ của gã cầm lái chiếc Open dịch nội dung bài báo ngắn. Thì ra, người ta phát hiện và truy bắt chiếc ô tô “chạy trốn” với tốc độ hơn trăm năm chục cây số giờ. Chiếc xe gã cầm lái bị lật nhào, lăn tới hơn mười mấy vòng ở đoạn cua cây số x. Theo tin cảnh sát, đã cấp cứu một người đàn ông độ tuổi trên ba mươi, trông trạng thái bị

thương nặng, hôn mê. Người ta dự đoán, người bị nạn khi “chạy trốn” cảnh sát là người Việt Nam. Cảnh sát đã tìm thấy giấy tờ có ghi tên anh ta: Nguyen Van Hung.

Quyên không nói, cô cũng không thể khóc. Cô ngồi như hóa đá trên chiếc ghế. Bàn tay mềm mại trắng hồng của cô bóp vụn từng miếng bánh mì nhỏ rồi thả xuống lòng đĩa ăn. Cô thả một miếng bánh vào cốc sữa uống dở. Mẩu bánh nhỏ chìm xuống sữa dần ra. Cô bỗng thoát nhớ lại tất cả hành trình của cô một năm qua. Nhớ đêm tại Mát với bao dự định hy vọng của chồng cô để nghe theo chồng không quay về Việt Nam, tiến về phía Tây. Cô nhớ cái thùng xe tải đông lạnh mà cô và chồng đã nằm yên nín thở như cá ướp vượt qua hai nước. Cô nhớ mùi hăm hăm từ chính cô, sau hơn một tuần không có nước rửa, trong tầng hầm ngôi nhà mà cô cũng chẳng biết là ở đâu trên bản đồ. Khuôn mặt của gã - Hùng hiện lên sau cùng, lẫn trong ngôi nhà gỗ, trên khu rừng cô đã trải qua, từ mùa lạnh đầu năm tới khi chúng trút những chiếc lá màu vàng và sẫm đỏ như máu. Rồi câu chuyện của gã, câu chuyện của con người cô từng cảm thù... Cô tưởng tượng ra gã nằm trong chiếc xe bọc, cảnh chiếc băng ca nhào tới cẳng ra một thân hình đẫm máu...

“Cầu cho anh tai qua nạn khỏi. Hùng ơi!” Cô thành tâm run rẩy thốt lên lời ấy, dù rất nhỏ mà chỉ mình cô nghe thấy.

Mắt Quyên bấy giờ mới nhòa lệ.

Người lái xe trẻ để yên cho cô ở trạng thái như vậy. Những kẻ tha hương ở một khoảnh khắc nào đó bỗng có những hành vi khó thể lý giải theo những logic thông thường. Cậu cầm lấy tay Quyên: “Chị ơi!”.

Cái thai bỗng đụng cựa và đập rất mạnh làm cô đau nhói. Quyên lấy giấy ăn lau mắt và nhìn ra qua cửa kính tiệm ăn trong suốt.

Khi ấy có ngọn gió từ đâu thốc về... Gió cuốn tung tóe bụi và cát, những chiếc lá khô vàng ươm bay chấp chới, tựa như rất nhiều cánh bướm hỗn loạn... Vài giây sau, gió lặng dần và từ thăm thẳm trên cao, tuyết bắt đầu lã đãng rơi xuống, ngày một dày hơn để mặt đất, con đường ngoài kia bỗng phút chốc biến thành một dải khăn trắng muốt chạy dài miên man, vô tận...

Nhà ba hộ

Ngôi nhà không số. Con đường không tên. Nguyên xưa là đất vật bùn ven hồ của một xưởng than quả bàng, sau bỏ hoang, đầy bụi gai, cỏ, rác, phân, xác súc vật thối. Con đường lồi lõm hiện ra từ các vệt bánh ô tô chở hải sản sơ tán đến cái nhà kho tạm một thời. Người quanh vùng lẩn theo, đi bộ tắt sang khu bên kia hồ, nơi có đường lớn gần hơn vào trung tâm thành phố.

Lối nhỏ luôn lép nhép bùn. Nước đọng. Những đám cỏ bánh chè. Đôi khi lác đác mấy con cuốc mỏ hồng, chân đỏ, thân đen, ăn lẫn với đám gà nhà. Đường cong như cánh tay ôm dải cúc tần sát cái hồ. Hồ cũng không tên, ba mẫu. Bên cù chỏ cánh tay là khu tập thể của công ty thủy sản : tám ngôi nhà hai tầng. Xuân và đông nồm, nom như tám con tàu cũ rề sượng, khói bếp mù mịt. Dải cúc tần lấm dầy tơ nguyệt, mùa xuân nhả mớ tóc vàng óng phủ trên màu xanh đông đã già.

Ngôi nhà quay lưng vào đầu hồ một nhà tầng, mặt ngoảnh đón gió hồ. Nhà rộng bầy chục mét

vuông, lợp lá gồi, xưa là kho tạm chứa cá khô, nước mắm từ ga Giáp Bát về. Hết chiến tranh, kho không cần tới. Cỏ dại mọc xoá vệt ô tô, chỉ còn vệt đi bộ. Rồi người quay lại Hà Nội như kiến, công ty nhớ tới cái kho bỏ quên hai năm, cải tạo lại, lợp tấm phi-bờ-rô-xi-măng, quét vôi vàng, ngăn thành ba phần không đều cho ba hộ.

Thật bất ngờ, ba chủ dọn đến đều là vợ chồng mới cưới. Một tuần, đám phụ nữ đã tường gần hết lý lịch của nhau. Tôi, thương binh phục viên, cán sự ba, phòng bảo vệ công ty, ở gian giữa. Vợ chồng anh Phạm bán lòng lợn tiết canh, cô vợ tên Xuân, con gái lớn của bà phó phòng tổ chức ở chái hữu. Vợ chồng anh Thủ, chị Huyền, cán bộ kiểm nghiệm công ty ở chái tả. Hộ cô Huyền rộng gấp rưỡi hộ của tôi và Phạm. Lý do giản đơn là nó có sẵn bức ngăn gỗ, xưa là nơi thủ kho làm việc.

Được chia nhà là điểm phúc rồi. Mè nheo hơn kém vài thước vuông làm gì !

Sự giống nhau của ba hộ là ba cái cửa vào đều loại gỗ tạp, bản lè sắt luôn kín mít và hở toác trên, dưới, đón gió hồ lồng lộng thổi. Không có gió hồ thì thật không thể nằm trong cái nhà trần thấp lợp xi măng tấm bắt nhiệt như hun ấy. Lại mùa đông, khi gió heo may về, những ống tre hu hú đón gió và bụi đất lả tả bay từ vách tre trộn bùn rơm ngăn giữa hộ tôi và hộ Phạm. Trời nồm, tường sau và trước nhiễm mặn cá khô, tưa nước đọng thành hột, toả mùi khăm khảm, khó thở. Trần bưng bằng cót, kín mà hở. Mùi của ba nhà, tiếng động cứ thông thống từ hộ này sang hộ kia.

Chủ nhật, vợ chồng tôi hì hục dán giấy báo lên biên giới phía trái để che bụi. Phía phải vang lên tiếng đống đinh cồng cộc, chan chát. Tôi đoán, anh chàng rể của công ty mới đi tây về xăm chiều qua, da trắng nhẽ nhãi phá hòm gỗ, sớm nay chắc làm xong gác xép, thừa gỗ gia cố biên giới giữa hộ tôi và anh cho vững chắc.

Buổi sáng tuần thứ hai đi xếp hàng lấy nước máy ở đầu nhà A3, gặp ngay Phạm. Hắn đang rửa cái thùng to còn dính cẩu mỡ lòng và tiết lợn.

_ Chào ông bác ! Gớm làm gì mà chèn chấn ghê thế. Để hồng ra một tẹo cho thoáng. Đã bó rì rì các bố lại thi nhau bưng thêm. Đưa đếch nào nghe tiếng phì phò ! Em cũng như bác, lúc mãi cái ấy thì để ý đến ai.

Phạm bán tiết canh lòng lợn chợ cóc (1). Gã vừa nói vừa đổ ào thùng nước đầy bọt màu hồng lênh láng khắp mặt đất. Mắt nháy với tôi nom vừa trái vừa bắt cần.

_ Ấy, mình che chắn gì đâu. Bụi quá !

_ Nói là nói thế thôi, chứ ông bác có đồ tường xi măng em cũng kệ. Phía em căng cái nilon xanh vừa dụi vừa cách âm hết xảy ! Ông bác đi tây hôm qua mới lấy hòm về. Bốn năm cái Kịch (2), một đống hàng như núi. Tiên sư ! Các bác sướng thật ! Chả đầu tắt mặt tối như cánh em !

Tôi không dám trả lời câu chửi đổng bất ngờ ấy. Tầm tìm cười và lấy thùng nước quẩy nhanh về : " Tớ cũng như ông thôi ! ". Phạm có thể nhìn dáng cà nhắc của tôi mà đoán ra điều gì, chắc thế, ái ngại mời với : " Em nói cái bác Thủ thôi ! Bác xá cho ! Chủ nhật này rồi, tối, ông anh sang em làm châu tiết canh nhé. ĐỪNG khách khí ông bác ạ. Trước lạ sau quen ! "

Điều mà Phạm vạch ra trần trụi ấy là có thực, nhưng mà không đáng lo. Bởi vốn hay e thẹn nên vợ tôi nhất quyết bất động trong thời gian khi mấy nhà mới đi nằm. Chúng tôi thường rón rén yêu nhau lúc gần sáng. Khi ấy chỉ có tiếng chuột chạy, tiếng gió đu đưa sáo trên các lỗ tre,

tiếng thờ, ngáy đều đều của bốn đứa người ở hai hộ bên.

Mọi sự hoạt động của ba hộ, sau ba tuần chúng tôi đã thuộc lòng lịch ăn uống, khẩu vị từng bữa, sinh hoạt, yêu nhau. Tất cả như một mùi hỗn tạp song vẫn phân biệt được, nhất là mỗi chiều chủ nhật, ba nhà cùng nổi lửa. Mùi tỏi xào thịt bò của anh Thủ, mùi rau muống xào tóp mỡ của vợ tôi hoà trong mùi rượu để thơm nước với tiếng mỡ sôi lép lép, béo tanh khi nhà Phạn rán cá.

Mùa hè năm ấy, gió quạt từ hồ đem theo cả mùi ngai ngái và hơi tanh của bèo tây và bọt khí lòng hồ. Tôi thường đọc sách tới khuya bên vách đất. Vợ tôi đã lăn ra ngủ, thờ đều, đôi chân trắng nõn của nàng gác lên bức ngăn gỗ.

Tất cả quen dần như vậy. Nó cũng giống như ta thờ hít thứ không khí làng quê. Hương làng sống ăn đời ở kiếp bao đời với đa số người Việt Nam, nhưng chẳng ai để ý. Khi ra thành phố, vẫn nhớ nhớ một cái gì đó, thiếu thiếu cái gì đó, xưa ẩn giấu trong vô thức, nay có dịp, hong hanh nhớ ra, gọi về cái làng xa kia mà chẳng nhớ rõ mùi gì.

Tuần thứ tư từ khi lấy nhau, vợ tôi ghi một dấu thập to vật trên tờ lịch. Mới chín giờ tối, mà hai nhà bên đã tắt đèn. Tôi đành tắt đèn trần và bật cái đèn ắc quy vẫn dùng khi mất điện.

_ Trời nhiều mây, gió nhẹ, nhiệt độ từ 18 tới 25 độ. _ Tôi tắt vội đài.

_ Tiên sư mấy con phò bán trứng (3). Bảo mấy lần rồi mà nó cứ chèn ngang vào đầu hàng nhà mình.

_ Ngày mai anh sẽ bảo nó. Thôi, lại đây ! Anh chúa ghét cái thứ khuy cài. Mai anh lên Hàng Đào mua cho em cái loại mới về của Thái ! Mềm và đẹp lắm. Sờ vào, mát cả tay !

_ Rõ dơ ! Tay gì như hòn than thế !

_ Gớm _ có tiếng khúc khích rồi yên một lát.

Tôi cố tập trung cúi xuống đọc tiếp giáo trình thương phẩm để khỏi mang tiếng là nghe trộm.

_ Anh yêu em như thế nào ? Có tiếng rất nhẹ từ chái phải vọng sang. _ Tiếng Huyền !

Tôi bịt tai lại. Đầu ong ong mà vẫn nghe tiếng rinh rích của bày chuột đùa chơi trên trần nhà. Bịt tai mới được mười phút phải bỏ hai ngón tay ra. Khó chịu quá !

_ Mùa đông bên kia lạnh lắm. Tuyết trắng xoá. Anh ở nhà một mình ngồi nghĩ tới em !

_ Nói dối !

_ Thật đấy, đoá hồng của anh !

_ Ai tin ma ăn cỗ ?

_ Nhìn trăng kia kìa. Có nó chứng giám cho anh !

_ Bây giờ của anh rồi, ván đã đóng thuyền. Còn yêu thế không ?

_ Hơn chứ, Cung ơi ! Anh yêu em bằng cả trái tim chỉ dành cho em !

Tôi chợt nhận ra, trăng lên thật. Tia sáng loang loáng như lưới kiếm màu vàng chém xéo qua khe cửa xuống vạt chiếu vợ tôi nằm.

Có tiếng gì chun chút như tiếng mở cái giác chữa cảm khỏi da thịt, như mút bóng từ miếng bóng bay vỡ, vọng từ chái phải. Lại nghe : " Anh thích trai hay gái ? "

_ Trai gái đều được tuốt ! Gì cũng thích.

_ Em thích con trai !

_ Anh cũng thích con trai !

_ Em thích con gái !

_ Thôi, gái trai như vậy cả. Đấy ! Con gái nhe... ! _ Có tiếng thờ. Tiếng cựa mình. Rồi tất cả chìm trong im ắng như tuyết đối. Một lát lại nghe tiếng sột soạt của áo quần. " Ngày mai anh còn đi lên viện, có cuộc họp rất quan trọng ! Thôi, ngủ đi cưng ! "

Gió đêm nổi lên. Đập vào chỗ trần nào kẹt không kỹ, đập lên đập xuống. Hình như có tiếng thổn thức. Hay là gió ?

Buổi sớm hôm sau tôi ra chợ. Đám hàng rong bán rau và trứng bày lán ra hết cả lối đi. Mới sớm mà trời oi lạt. Những người ở ngoại thành kéo ra bán rau tự sản từ tinh mơ, những người buôn từ chợ rau Mơ cũng đã qua nhà tôi rình rịch từ khi trời còn tối. Cái chợ bé mà chẳng thiếu gì. Tôm cá từ mạn Đuôi Cá tươi đành đạch trong các thùng sơn hay trên mẹt. Rau, dưa, hành, thơm, đủ cả. Quầy bán tiết canh lợn ngay đầu chợ. Họ không trông thấy tôi. Tôi nhìn thấy Phan thoăn thoắt thái lòng cho vợ anh xếp lên đĩa. Mùi cháo dấm hành phả ra thơm ngậy. Tôi nín thở. Tôi quay mặt đi vòng nhanh trốn chạy cái mùi hấp dẫn. Còn cào ! Tới chỗ bán đậu phụ còn nghe tiếng Xuân lanh lảnh : " Nhà em hãm tiết bảo đảm, nước luộc lòng sôi trăm phần trăm. Các bác có chén tới ểnh bụng cũng vô tư đi ! "

" Tổ sư con kia, ông đã bảo không quang thúng chèn ểnh chỗ đấy cơ mà. Đổ xe của khách ông bảo ". Tôi quay mặt đi. Giọng Phan ! Có tiếng cười nòng khùng khục của ai đó. Tiếng ai : " Em đi đây, em đi đây ! "

Tháng sau, phòng quản trị công ty cho người tới chuẩn bị mắc nước cho ba hộ chúng tôi. Người ta đo đạc sau nhà và quyết định đào phía sau một cái hố, xây bể nước. Công việc chẳng cần sự có mặt của tôi nên tối về mới biết công trình ngày mai khởi công. Phan chạy sang nhà Huyền rồi quay sang nhà tôi : " Anh em ta mỗi người bỏ ra năm ngàn bồi dưỡng thợ. Chúng em tính giá lòng mua, đất là hai lít chính hiệu Con Nai Vàng (4) nếp lủi. Thôi thì cho bọn nó nhờn mếp một tí, không mai bể nước lại rò rỉ thì chết cả nút." Vợ tôi lấy tiền đưa Phan. Gã cầm tiền xía vèo vèo. Xong ! Phan cười, mùi rượu phả vào tôi : " Giàu mà kiết, anh ạ. Nó tưởng em lợi dụng chém nó, hỏi đi hỏi lại mấy đồng bọ, như thanh tra không bằng. Em cần đếch gì mấy cắc đều (5) của nó "

Nửa tháng sau bể nước xong. Cái bữa xả nước hồi hộp như đào vàng. Dòng nước trong vắt lừ lừ dâng lên trong bể. Cô Xuân, cô Huyền chốc chốc lại ra ngó xuống. Phan và tôi xúc đất, than xỉ làm một cái nền quanh bể. Từ nay chúng tôi đỡ chen chúc tranh nước quanh cái vòi công cộng. Cám ơn công ty. Công ty muôn năm ! Phan tự nhiên hô to như vậy, gã nằm lán ra đất,

sau khi dội ào ào liền mấy xô nước lên cái thân hình khi nào cũng ám lòng lợn và mùi rượu.

Vợ tôi dọn một mâm cơm đậu phụ và đĩa thịt vịt ra chiếc chõng kê ngay đầu hồi nhà Phạn. Dù đã mời gia đình cô Huyền trước, nhưng cô Huyền cười cười từ chối : " Các bác cứ tự nhiên xơi, chứ nhà em hôm nay có hội nghị đã ăn cơm rồi ". " Cán bộ có khác, suốt ngày đi họp, lại đỡ cơm nhà ! " _ Xuân nói.

_ Gớm ! Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì cứt. Ấy, em xin lỗi bác ! _ Phạn nhìn theo cặp mông căng lẳn của cô Huyền tấm tắc cái quần hồng cô đang mặc để nhận một cái véo rút thịt của vợ.

Đêm ấy thực là dễ chịu hiem có. Gió phe phẩy, nhiệt độ chỉ 18 độ. Tôi nằm xuống cứ thao thức mãi, có thể vì quá chén chăng ? Trăng mờ mờ bầy và ánh sáng của muôn ngàn tinh tú loang loáng qua các khe hở phía trước nhà. Tiếng đồng hồ rí rách, chậm và thong thả thế !

_ Lần này thì trúng thật rồi anh ạ.

_ Nói thật chứ !

_ Tiên sư đũa nào lừa anh !

Tôi giật mình nghe tiếng ré lên ngẹt trong họng của Phạn sau đó. Tôi trả vờ ho đánh tiếng. Có tiếng đấm bùm bụp vào da thịt chắc nịch. Yên ắng một lúc, lại nghe :

_ Anh yêu em không ?

_ Yêu !

_ Yêu thế nào?

_ Yêu đến chịu được !

_ Thật không ?

_ Đ... mẹ thằng nào nói dối !

Tôi thiếp đi sau tiếng rúc rích, tiếng chân chuột vẫn chạy trên tấm trần cốt.

Tôi không hề biết rằng gần sáng hôm đó vợ tôi cũng trúng, bắt đầu có trong người một mầm sinh linh. Sự kiện phải hai tháng sau mới xác định được. Ba tháng sau, vợ cho biết tin ấy, tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì mình sẽ có con. Lo vì cuộc sống thế này, hai miệng ăn với lương lậu chỉ đủ chi hạt tiện, nay mai thêm trẻ, nuôi nấng ra sao ? Tôi không dám nói điều băn khoăn ấy cho vợ biết. Còn vợ tôi thì hớn hờ khi thấy nụ cười của tôi trong đêm. Chưa gì nàng đã dự kiến tương lai của cái hoa mới vừa hong nở. Nào là đi học trường y, trường nhạc, nào là sẽ may cho nó đồ màu xanh ; nào là đi học bách khoa hay trở thành nhạc sĩ ? Đàn bà trẻ bao giờ cũng lãng mạn như bọn thi sĩ ấy, còn khi đã có con, trăm công ngàn việc, họ có còn vậy không ? Tôi không dám cười, lặng kéo vợ vào lòng, nhìn nước mắt vợ cũng lặng ứa và chợt nhớ bao nhiêu mộng ước trước chiến tranh tôi từng có.

Câu chuyện của chúng tôi nói nhỏ thế mà sớm ấy Phạn nghe thấy. Phạn chả hay dậy sớm uống trà rồi đi lấy lòng và tiết từ ba giờ. Vài tháng sau, khi thau bể nước vì con chuột nào ngu ngơ sên chân, chết nổi lênh bênh, Phạn khoe : " Vợ em cũng có rồi. Ba tháng ! Mẹ em sờ

bụng, xem tóc gáy bảo : con trai ! Vợ chồng anh thì mong cháu đi học này, học nọ chứ con em chả cần học gì hết. Chỉ cần biết đếm là đủ ! Đếm không nhầm là đủ. Con trai cho học hết lớp năm, biết đọc báo. Con gái thì ở nhà giúp mẹ thái lòng, đếm tiền ! Hết ! "

Phạn nhoèn miệng cười rồi vỗ vai tôi. Nụ cười của gã ngoắc tận tai, nom vô tư và rất thiện cảm. Nụ cười ấy xoá hết những nét rất sắc cạnh ở khuôn mặt phong trần của gã. Người ta, khi cười rõ hình thiện và ác, có phải thế chăng mà tôi quên đi hết nét mặt vốn dĩ chờn chợn của gã, giữ lại nụ cười ấy suốt bao nhiêu năm phiêu lạc sau này của mình. Bàn tay gã nặng và ấm đặt lên vai tôi. Tôi nghĩ, Phạn không đùa.

Mùa thu năm ấy đến sớm hơn mọi năm. Không gian trước nhà chúng tôi như rộng ra khi gió trở mình đùn hết bèo từ mặt hồ bên này sang bờ bên kia. Vợ chồng tôi cuốc đất, dọn bụi trồng rau ven hồ từ đầu hè. Thu tới, rau muống vừa cần thì cải lên xanh. Nom rất mát mắt. Thấy vậy, vợ chồng Phạn cũng xí một khoanh. Cô Huyền cũng xí một manh, chạy dọc tới năm chục mét, rào kỹ mà chẳng trồng xới. Vợ chồng Phạn không mát tay, rau cải của họ chưa kín luống đã vàng. Bù lại, mấy hàng ớt của họ rất tốt. Xanh mướt và cho trái ngay. Phạn bảo, gã bưng cả gốc từ nhà bạn nên lạ đất và lấm phân gà mà như vậy, chứ chả giỏi giang quái gì ! Con người em như ớt ấy, càng lạ càng tốt, nhiều phân rác càng hay ! Lạ là cái gì nhỉ ? Tôi chẳng biết gã muốn nói gì. Hắn lại bảo, hơn ba chục tuổi mới biết cái sở trường của hắn là chọc tiết và hãm tiết ! Ông anh biết không, thọc con dao vào cái cổ mồm mồm trắng toát để máu phun ra chói loà ấy mà, chuyện ấy đâu có giản đơn. Phải biết ! Phải xử chính xác lưỡi dao. Không run tay, chệch hướng. Chọc một cái, đứt màng trên. Dí cái thứ hai, trúng tim. Tiết chảy hết, không đổ màu tím, không còn một tiếng kêu. Đấy là nghề ! Nghe gã nói mà rợn người.

Những khi rau rộ, chúng tôi tỉa vài cây tươi roi rói chia cho hai nhà. Đúng là chúng tôi bắt đầu già trước tuổi, hay là khó khăn mà thấy vui vui bên luống rau. Những câu chuyện bên cái vườn ấy lan man đủ thứ. Tôi biết thêm việc Phạn cũng từng ở lính. " Ông đừng nhìn tôi bây giờ mà đánh giá nhé ! Tôi từng là học sinh giỏi, chẳng khi nào chịu tổng kết các môn tự nhiên dưới điểm 9 đâu ! " Phạn mở màn với câu như vậy.

Phạn vào Bình Trị Thiên hai năm, đánh dăm trận rồi bị thương, ra Bắc điều dưỡng. Cả năm, anh đi xin việc khắp nơi mà không có công sở nào nhận. Sau nhờ bạn đồng ngũ, làm ở lò mổ dạy cho nghề tiết canh lòng lợn, lại tìm cả mối bỏ hàng. Phạn kể : " Gia đình tôi gốc ở Nam Hà. Hai đời các cụ kỵ đều đỗ đạt, làm quan cho triều Nguyễn. Đời ông cũng bằng tây, chữ ta đủ cả. Tới đời bố tôi thì ruộng nương cũng chẳng còn mà cái sở học, tiếng tây, những sự biết của ông về Hắc Sơn, Man, Chu Chi, Hê Min Uê (7), đại loại như vậy, trở nên thừa thãi. Chẳng kiếm đủ cơm ở Hà Nội, bố mẹ tôi lên Tuyên Quang khai hoang rồi lại xuôi Hà Nội. Xoay đủ thứ, sau chuyển làm hộp giấy gia công, rang xay café. Khi sinh tôi, mẹ tôi chỉ muốn tôi sau này đủ ăn nên đặt tên tôi là Phạn. Phạn là cơm. Mẹ tôi nói vậy. Người ta đói thì cần cơm. Cha mẹ tôi trong loạn lạc triền miên, nên giản đơn mong tôi có ăn là đủ. Các anh chị tôi tên đẹp lắm, nào Hùng, nào Lan, Ngọc. Chuyện tôi lấy vợ là duyên số. Tôi quen cô ấy trong một lần đi xem phim ở Tháng Tám. Gặp người ta gây gổ với nó. Tôi can thiệp. Sau đó nên vợ nên chồng. Vợ tôi như miếng mỡ gầu, ngu hơn tôi một chút. Cô học chỉ hết cấp hai. Cái thời sơ tán, đạn bom, đi theo mẹ lang thang suốt trên những chuyến giao hàng. Nồi lạnh úp vung lạnh, méo úp méo. Chúng tôi hợp nhau. Trời cho lộc thì chả mấy chốc tay dao tay thớt mà có của ăn của để ! "

Đêm ấy tôi nằm nghĩ lại chuyện Phạn. Cái tên là lạ của anh ấy cũng có cả một lịch sử dằng dặc của mấy đời. Đời phức tạp quá hay con người ta trót mơ mộng nhiều nên khi vỡ mộng thì quay lại thực tế với những điều giản đơn nhất ? Lạ thật, có còn xứ nào cái tên cũng cống theo thân phận, ước mơ của một kiếp đời không ?

Vài lần, khi cả bọn đang làm vườn, tôi thoát trong thấy bóng anh Thủ nhìn chúng tôi qua cửa sổ. Cái nhìn rất khó hiểu, gật đầu chào nhau mà tôi vẫn thấy có gì đó không cất nghĩa. Sao anh ấy không trồng hái gì nhỉ ? Tôi tự hỏi khi cô Xuân và vợ tôi vừa nhỏ cỏ vừa thì thào. Họ thương cùng kiếp đàn bà mà sao chị Huyền vợ Thủ chưa có gì. Phạn cười phá lên : " Các bà lo bò trắng răng. Tại giống đấy. Bọn tôi lực điền, giống xịn. Còn nó giống phò. Không tin để tôi thử một phát. Lách trái con gái, lách phải con trai. Trúng ngay ! ". Xuân đứng bật dậy, tát liền vào má chồng : " Tiên sư cái thằng dê ! "

Tát rõ mạnh. Ten tét hai ba cái liền, thế mà Phạn chẳng né tránh, còn cười như phá. Tiếng cười thia lia trên mặt hồ có làn sóng lao xao.

Chúng tôi cứ như thế, như thế sống.

Tôi bước vào năm cuối cùng tại chức nên rất bận. Tuy nhiên vẫn phải chuẩn bị vật chất cho đứa con sắp chào đời. Tôi đi làm thợ hồ, thợ chụp ảnh đám tang, đám cưới, làm điện trong tất cả các ngày chủ nhật, cả ngày lễ, tết. Vợ tôi nặng lên bà ngoại lấy tốp mỡ, dưa, thịt kho, cá kho. Vợ chồng Phạn thì xoay ra mua lợn tự mổ, bán kèm thịt. Có hôm, không mổ ở nhà chủ lợn, Phạn đèo lợn bằng xe đạp về chộc tiết ngay đầu hồi. Hấn làm thế nào mà không có một tiếng kêu. Sáng ra, thấy vết máu mới biết đêm qua hấn làm lợn ở đó. Tôi bảo, ông khéo thế ! Gã hiểu ý tôi cười : " Sợ làng xóm mất ngủ thôi, còn mấy ông bác thuế vụ, có phần cả rồi ! ".

Vợ chồng anh Thủ vẫn đều đều đi làm. Mỗi sớm, anh dắt xe máy qua cửa nhà thấy tôi gật đầu chào. Bây giờ anh để bộ ria đen nhầy, cặp kính râm vừa khuôn mặt màu xám nom rất hợp. Mắt luôn nhìn thẳng như chưa bao giờ trông thấy chúng tôi. Tôi nghĩ, mỗi người có một cá tính và sống bên Tây rồi nên như thế. Nhưng Phạn thì phản ứng ra mặt. Một lần đụng nhau ở chỗ bể nước, Thủ vung về để rơi thùng múc nước xuống mà không sao lấy lên. Phạn nhỏ nước bọt ra đáng khinh bỉ, đu xuống lấy hai chân khều cái dây lập lòe lên. Thủ không nói gì, mặt hơi tái, xách xô nước đi về nhà không ra nữa. Cô Huyền ra kín nước thay chồng. Phạn múc nước giúp Huyền, lại xách cả hai thùng về để ở đầu hồi nhà Thủ. Không hiểu sao Phạn hay ác cảm với Thủ như vậy ?

Sau tết, qua xuân, sang hè, cái bụng vợ tôi cao lên bao nhiêu thì công việc chuyển sang tôi bấy nhiêu. Vợ tôi yếu, người vàng nhợt. Cô ấy chẳng chịu ăn, hơi trở trời là kêu mỏi, đau. Vợ Phạn thì không như vậy. Chị quần quật từ sáng tới tối mịt như chưa từng có chữa. Cái bụng ưỡn ra phía trước, bước chân khuyếch khoáng nhưng vẫn thoăn thoắt đi trước gánh lòng, thịt chồng gánh. Đứng là trời sinh ra mỗi người một phận. Chúng tôi thường an ủi nhau rằng có con thì hạnh phúc phải trả giá, thêm vất vả, neo bấn. Cô Xuân đôi khi e ngại nhìn vợ tôi rồi lại bảo : " Sướng chán, nom con Huyền kia kìa, có cái đéo gì để sướng như tụi mình đâu ! ". Lời thì thế, nhưng mặt ngó không có ý ác. Vợ tôi nhăn nhó cười.

Tháng tám vợ Phạn sinh trước. Một thằng con trai rõ to khỏe, bốn cân hai, chân tay mũm mĩm, mắt đen nhìn lơ lảo, miệng đỏ tươi như múi quýt hồng. Tôi hỏi Phạn, đặt tên con là gì ? Phạn bảo : " Tiến ! Tiến lên ông ạ ! ".

Hồi ấy, Hà Nội chưa chơi Tá Lả, mới có trò Tiến Lên. Giá có Tá Lả thì chắc Phạn đã đặt tên con là Tá.

Vợ tôi vật vã hai ngày hai đêm trong bệnh viện Bà Mẹ Trẻ Em. Mụn gái chưa đầy ký rươi, ủ trong lồng kính, chân tay đầy lông như con chuột con, nom rất thương. Phạn chắc cũng như tôi chỉ mong mọi việc xong là về nhà với con. Khuôn mặt người ta có hạnh phúc là biết ngay, lúc nào Phạn cũng tơn tớn. Không biết nom mặt tôi có thể không ?

Sự thật là như vậy ! Nhưng bên niềm vui dễ cảm nhận ấy thì Phạn rất vất vả trong mỗi phiên chợ mà chỉ có mình anh. Tôi thì khỏi phải kể. Ai đã từng có con ở cái thời bấy giờ, cái thời mà mua một hộp sữa, một lạng sườn nấu cháo cho trẻ cũng phải cân nhắc, đẵn đo mải, phải nhịn ăn, nhịn tất cả mọi sở cầu vật chất, tinh thần của người lớn như thịt tươi, xi nê. Sự ấy, cho tận tới khi con gái tôi biết đi, biết chạy và đến lúc bấy tám tuổi, chúng tôi chưa hết vất vả vì cháu luôn đau ốm. Tim dị tật, bẩm sinh, phản kháng rất nhạy với đủ mọi thời tiết. Sau, do tiêm gì đó động huyết, chân cứng nhắc, đại tiện đứng rất tội ! Không khí trong nhà luôn căng thẳng, nhất là những ngày nóng bức mà con khóc ngặt nghèo, mềm lả trong tay người vợ tôi.

Có thể tất cả những điều ấy đã làm cho một thằng tôi, một người quen với cuộc sống 12 năm ở lính, chỉ quen chấp hành mệnh lệnh, nay trở nên một người hết sức lúng túng chẳng ? Đi bộ xuyên rừng tốt, kiếm rau rừng tốt, kinh nghiệm tìm nơi ẩn giấu, giữ cái mạng mình tốt, nhưng chả biết gì ở cuộc sống một cặp vợ chồng phải mềm mại giải quyết những khó khăn khi rơi vào hoàn cảnh mà tôi kể trên. Tôi trở nên thường xuyên cáu bẳn vô cớ. Vợ tôi cũng hết cả sự dịu dàng của cô kỹ sư trẻ vừa ra trường. Cả hai kẻ chẳng đứa nào xấu, nhưng ngộ nghê trước cuộc sống gia đình vốn chả giản đơn. Sau này nghĩ lại, tôi vừa xa xót vừa ân hận. Nhất là nghĩ tới vợ tôi, người suốt cả thời gian ấy phải chịu đựng quá nhiều, việc cơ quan, việc nhà, việc con cái ốm đau. Song thường là, người ta có gục xuống, thì mới nhận ra điều đã mất. Đã mất đi thì cái gì chứ tình cảm như con chim sổ lồng đã vụt bay mất rồi.

Chúng tôi cãi nhau về những điều rất lặt vặt trong đêm. Từ chuyện tôi hút thuốc nhiều ; chuyện đi hôm về tối chẳng buồn nhẩn một câu ; chuyện sao nhà bữa bộn thế, đến cái đầu tôi luôn hôi, bốc mùi trong căn buồng hẹp ! Tất tần tật ! Mọi sự cứ sinh sôi, chất đầy, nèn chẹt trong cái hộ vốn hẹp tí của chúng tôi. Tháng, năm, những giọt nước mắt khô đi để lại khuôn mặt làm lì và nặng chình chình của vợ cả mỗi khi cơm nước dọn ra ; có khi bất ngờ không duyên cớ, những tiếng bát vỡ tan tôi ném vào cái cửa đầy những khe hở. Trong khi đó, cuộc sống của vợ chồng Phạn, Xuân vẫn hùng hục như ngày nào, vất vả hơn, nhưng thực là thứ cây hoang đã bắt chấp mọi thời khí, để những khi Phạn dậy muộn, chúng tôi phải nghe một câu chửi rất chói tai của Xuân :

_ Tròi ơi, đéo mẹ nó chứ, bảnh mắt rồi mà bố con nó còn ôm nhau ngủ như chó thể kia ?

Khi đứa trẻ đầu mới chập chững biết đi thì vợ Phạn lại chửa. Công việc đòi hỏi cần có người giúp đỡ. Lúc sinh con đầu lòng, mẹ Xuân tới, hai tháng quần quật giặt tã đỡ đàn Phạn. Lần này Phạn dứt khoát không muốn mẹ vợ vất vả. Sáng xuống nhà, chiều ngược vào phố. Bà ngoại già rồi, phải ngại chút xíu chứ ! Phạn bảo vậy.

Một cô gái thôn Linh Cầu, đang tuổi xuân thì, em họ Xuân, tên Phượng. Tóc dài mượt đến ngang lưng. Hai tháng trời ra Hà Nội ở nhà trông cháu, không mưa đồng, gió bãi, trắng ra, mắt luôn lấp lánh, đôi má mơn mớn như rắc phấn.

Có người giúp việc, quán xuyên, tháo vát từ trông cháu tới cơm nước, vợ chồng Phạn rảnh rang đan tay làm ăn. Mà đúng khi ấy, Hà Nội đang rộ cao trào nhà nhà nuôi lợn, nên công việc giết mổ, tiết canh rất thuận. Phạn bận bịu lắm, quần quật suốt tháng, suốt năm, nhưng vẫn phởn ra hơn cả hồi mới lập gia đình, lại bớt say ngất ngư. Một bữa Phạn sang tôi bảo, sao vợ chồng tôi không thêm một nhau. Cho có lứa ! Cho chó có đàná! Tre ấm bụi ! Như cách nói của Phạn. Hấn cười hoắc cái miệng khi ghé tai tôi : " Hay máy ông anh tịt rồi ? ".

Phạn thừa sức biết gia đình tôi khó khăn ra sao, nhưng điều hắn không thể biết là tôi đã rất

nhiều lần phải tự dày vò với mình khi công ty mở chiến dịch giải toả hàng, điều cán bộ bảo vệ đi áp tải. Chỉ cần phẩy tay một cái, trút ngay vài can nước mắm là có mấy tháng lương. Sự hao hụt vài chục lít nước mắm sẽ được bù trừ dễ dàng bằng nước ruộng. Nhưng tôi không sao làm được cái điều giản đơn ấy. Can nước mắm trở nên nặng như buộc đá mỗi khi định xách nó xuống xe dọc đường. Hay, vì công việc chuyên môn, những lần lập biên bản, giáo dục những người ăn cắp hàng hoá níu tay tôi lại ; hay từ điều xa xôi nào, ẩn tàng một cái nhìn như quở trách con người thực tại của tôi khi ấy. Ai nhìn tôi ? Mất vô hình ! Ở đâu, từ đâu nhỉ ? Tôi cũng không tự lý giải ngọn ngành mà chắc Phạn càng không biết. Hay là hấn biết mà không thèm nói, vì có lần thấy tôi dăm chiêu, hấn bảo : " Các ông là hay phức tạp lắm. Đòi rắc rối quá rồi, cứ để nó thiên nhiên ! (8) Nghĩ nhiều là tổn thọ ! ".

Vợ chồng Thủ, Huyền vẫn chưa có con. Tôi ngồi thấy mùi thuốc bắc đủ loại thơm phức bay sang nhà tôi. Tôi luôn nhìn thấy khuôn mặt đã buồn buồn lại buồn hơn theo năm tháng của Huyền. Anh Thủ vẫn qua cửa nhà tôi mỗi sớm. Cái Mu Kịch đã thay bằng chiếc xe Hon Đa đầu bằng máy cộc, long lanh giọt lệ (9), nhưng khuôn mặt thì chẳng đổi, vẫn là cái gặt chào rất lịch sự, bộ ria hấn nhụi và kính nâu nhạt.

Năm ấy hay mất điện. Mất điện thì ngày cũng như đêm. Ngôi nhà của chúng tôi biến thành lò thiêu. Riêng chái nhà Thủ ở hướng Nam, lại có bóng cây lớn phủ lên và Thủ trở thêm cửa rộng đằng hồi, nên rất mát. Buổi chiều, bên hồi ấy trẻ con hai nhà hay làm sân chơi. Phượng cũng bế cháu ra đó cho uống sữa, ăn bột, hóng gió.

Tháng bảy, cô Huyền đi dưỡng bệnh trên Tam Đảo một tháng theo tiêu chuẩn công đoàn. Chắc ở nhà buồn, chiều nào anh Thủ cũng ra chơi với trẻ con. Nom người vậy mà đồ trẻ còn tài hơn cô Phượng. Anh bé con Phạn rung rinh trên tay, cười nắc nẻ. Tôi nhìn ra chợt thấy thương anh. Căn hộ chật ních tiện nghi, lương lậu đủ chi, lại thấy anh luôn có khách tới mua bán đồ phim giấy, chắc kiếm ăn được. Thế mà anh chưa có một đứa trẻ ! Nom đôi mắt và cái miệng có ria xanh kia nựng trẻ tươi ron rón, chắc cũng thèm một mụn con ?

Cuối tháng bảy, trời chợt đổ cơn mưa chiều bất ngờ. Cô Xuân từ chợ đội mưa về lấy thêm nước mắm, thấy dây quần áo chưa kịp rút, ướt sũng trên giầy phơi. Xuân ngó vào nhà chẳng thấy cô em đâu. Linh tính thế nào, cô đập mưa, chạy xô cửa nhà Thủ. " Con em tớ còn ôm cháu. Mặt gục xuống. Thằng khốn nạn đã cởi hết khuy áo của con bé đại dột. Thềm lền vù vù, hều hều cả rồi. Tớ điên hết cả người, chả kịp nói gì, lao vào giật con và tát ngay một cái lệch mặt thằng khốn nạn ". Hai tuần sau Xuân vẫn kể hết như vậy với vợ tôi.

Đêm ấy tôi tưởng tượng lại câu chuyện qua lời thuật của vợ. Tôi thấy Thủ mặt tái với vệt tát đỏ, cúi mặt xuống. Thấy tiên nữ làng quê của tôi hơi hải ôm áo đội mưa chạy về nhà. Thấy Xuân chạy ngược ra chợ báo tin dữ với chồng mà Phạn mặt tím lại nhưng vẫn bình thản thái thịch xếp lòng. Tôi nghĩ Phạn sẽ vác dao xông vào băm cho Thủ mấy nhát. Nhất là vợ anh cứ sấn sổ quát : " Bỏ dao thớt đấy cho tôi, về cho nó biết thế nào là mỡ chài với mỡ khổ ! ".

Vậy mà im như thóc. Tối ấy, Phạn vẫn sang tôi uống trà nhưng làm lì, không hé răng về chuyện đã xảy ra.

Mưa chiều làm nhẹ không khí cho vợ chồng tôi ngủ thiếp từ chín giờ. Có lẽ hai giờ sáng, tôi chợt tỉnh vì tiếng thì thào từ nhà Phạn vọng sang : " Tôi nói như thế đủ rồi. Đàn bà như cô biết đáo gì ! ".

Có tiếng thút thít. Không biết Xuân khóc hay cô Phượng khóc. Lại nghe.

_ Em cô vú về nòn nồn như thế, làm đéch gì không có đũa thích. Nó chưa tụt quần em cô là may rồi. Xử như cô chả ra sao, lại tan nát hết ! Lỗi ở con mả mẹ kia nữa. Con gái phải biết giữ mình. Các bà, cái gì chả đổ tội dâm ô trụy lạc cho đàn ông ! Đàn ông, đàn bà đều là đàn. Còn thằng Thủ, tôi có cách của tôi. Sao cho nó sợ mà lại biết rõ bộ mặt nó, cho nó biết rõ cái mặt mình. Khóc gì nữa. Ngủ đi, mai còn chợ. Con Phượng muốn lên thành phố thì thiếu gì chỗ. Bạ bè tôi, dân giang hồ, tứ chiếng, đủ cả ! Không thiếu thằng chồng ra chồng. Các bà thời này cứ tưởng, mới một tí là chu lên như chó, khóc thảm như thiên hạ khóc Kiều ấy ! Bà biết Kiều không ? Hay đéch biết nốt ? Cũng như cô em cô thôi. Đẹp mà, thời nào chả chết ! Không đẹp thì chó nó dòm, một quan cũng chả đắt, tiền đâu chuộc ông via. Nín ngay cho tôi nhờ ! Thế đấy ! Chán quá ! Đòi ơi là đòi ! Đòi cứ là đòi. Lý thuyết lằng nhằng với cô chán bỏ mẹ. Ngủ đi cho nhanh để mai còn chợ búa !

Tôi bàng hoàng. Thì tôi cũng là thứ chẳng ra gì. Tay đây, vai đây, sức vóc đây mà như bị vòng kim cô thít chặt. Xoay xoả như thế nào, kiểu nào cho vợ con mát mặt ? Tôi nín thở, cắn răng để khỏi đấm mạnh xuống giường.

Buổi chiều hôm sau. Biết Thủ có nhà, Phạn sang rủ tôi sang. Tôi từ chối. Nhưng Phạn quyết kéo tôi đi. Anh không lo ! Phạn này chả dẫn ai vào thế cùng đâu, gã nói vậy và kéo tôi xềch ra cửa.

Cái bàn gỗ lát có tấm kính và bộ uống trà men sứ tây long lạnh trước khuôn mặt tái nhợt của Thủ. Tay anh run run nhưng còn chút bản lĩnh để mở cửa, lịch sự mời chúng tôi vào nhà. Đôi mắt Thủ vốn vô hồn, giờ đây nhợt nhạt, khó tả quá. Tôi ngoảnh mặt đi chỗ khác, nín thở. Không khí căng, im như khi tôi lên dây mĩ đàn ghi ta.

Phạn vào đề ngay. Tiếng anh nhỏ, nhưng gần :

_ Nói cho ông biết ! Vuốt mặt phải nể mũi ! Đánh đĩ thiếu đéo gì nơi. Nó là em tôi ! Chúng tôi không phải là chó ! Cho ông một nhát thì dễ hơn chọc con lợn. Nhưng như thế thì tiết cái thứ giềng tôi xóm gừng. Ông định lợi dụng nó thì phải dứt khoát sang xin lỗi vợ tôi, xin lỗi con Phượng. Còn muốn có con vì vợ thiếu trứng, hoặc yêu thực nó thì báo vợ. Có gan ! Tôi cho ông quan hệ thoải mái. Đ...mẹ ! Đừng có lập lờ ! Hẹn cho ông ba ngày ! Nếu không làm thì nói một câu cho nhanh ! Nhắc lại, chúng tôi quyết không phải giống chó ! Nhưng... !

Phạn chợt dừng nói. Anh đứng phát dậy. Tôi giật thột người.

_ Thôi ! Đủ rồi ! Phạn kéo tôi đứng dậy, đi luôn.

Suốt vài hôm, tôi không thấy bóng Thủ. Hần biêt đi hai hôm, lại về. Tôi không rõ việc Thủ có gặp Phạn không và nếu gặp thì gặp ở đâu, nhưng thấy Phạn trở lại vẻ tôn tởn xưa. Thậm chí còn tỉnh bơ huyết sáo như chưa hề có chuyện gì. Mãi nửa năm sau Phạn mới bảo, nó thực hèn, đạo đức giả, cố làm sang, tách ra khỏi hàng xóm láng giềng. Đi mẹ đâu cho khuất chứ còn gầm trời này, phải thở khói bụi này ! Nhưng may là nó còn biết thương vợ một chút. Còn không thì em bảo, Phạn này không thích đùa dai.

Chuyện chỉ biết đến vậy. Mắt gã khi ấy kinh thật ! Quắc sáng như điện, chớp lạnh cả sống lưng tôi.

Hết đợt nghỉ, Huyền về và sự việc Thủ với Phượng chìm trong lãng quên. Cũng còn do sau đó hai tháng Phượng về quê, thế chỗ là một chị cứng tuổi, cũng em Xuân. Đùng một cái có tin vợ

Thủ có mang. Một năm sau sinh một cháu gái rất kháu khỉnh. Con Thủ đầy tháng, cô Huyền tổ chức đầy tháng cho con, xe pháo chật cả dãy bên hồ.

Chúng tôi, hàng xóm láng giềng cũng sang mừng vợ chồng Thủ. Vợ tôi và Xuân bàn nhau đi mua quà mừng. Họ mang về một cân đường, hai chục trứng gà, một bộ quần áo lọt lòng rất đẹp trên hàng Đào làm quà mừng đầy tháng. Từ nhà Thủ, xong việc, Phạn vào tôi uống nước. Hết tuần trà thứ hai, gã ghé vào tai tôi nói : " Ông có thấy con bé giống ai không ? ". Tôi trừng mắt lên ngạc nhiên. Phạn cười bảo : " Nó chẳng giống ai cả. Thụ tinh nhân tạo đấy ! Như lợn ấy mà. Ông không biết chuyện này đâu. Nhưng tôi thì biết rõ ! ". Tôi có cảm giác bất nhẫn, nhưng lại nhớ lại việc gặp vợ chồng Thủ ở viện bữa nào mà họ cứ né mặt. Có thể như vậy thật. Trầm ngâm một lúc, Phạn lại nói : " Cái hôm nó gặp tôi để nói chuyện con Phượng, có lúc điên tiết, tôi đã tính đập mẹ nó xuống hồ, thí cho một nhát. Đến lúc nó cúi mặt xuống, kể chuyện rằng vợ chồng phải thụ tinh nhân tạo thì mình lại thấy giận dữ, cầm thù cái bộ mặt đều giả của nó biến đi đâu hết cả. "

Từ ngày có con, Thủ chẳng thay đổi gì, vẫn khuôn mặt như hôm nào, nổ máy xe nhẹ nhẹ qua cửa nhà tôi.

Gia đình Phạn cũng thêm đứa nữa là ba mống, hai trai một gái. Vợ chồng tôi vẫn ở với nhau. Chúng tôi hoàn toàn tan vỡ về mặt tình cảm nhưng bệnh tật của đứa con gái vẫn níu chân nhau lại. Có bận, tôi bỏ nhà một đêm sau lần tôi thư từ với một bạn gái cũ tận Huế, bị vợ nghi ngờ trai gái, vạ vạ rồi ném thẳng vào mặt một câu nói khinh bỉ : " Anh là đứa phản bội. Từ bộ đội về, thực khổ rách áo ôm ! Bây giờ no xôi chán chè lại định mèo mả gà đồng hả. Muốn bỏ mẹ con tôi thì nói cho rõ ràng rồi chia tay ! ".

Tôi không muốn thanh minh cho sự hèn hạ và kém trải đời của tôi khi ấy. Tôi không đủ sức chịu đựng và hiểu ra nguồn cội câu nói nặng nề của vợ. Tôi cảm thấy bị xúc phạm nặng nề. Tình cảm của cả hai như con chim sẻ già bị bẫy vào lồng, cổ vung vẩy càng xơ xác. Chỉ còn nước chim tự cắn lưỡi chết hay vụt bay đi khi cửa lồng vô ý hé mở. Như thế, vợ tôi và tôi là hai bóng ma buộc vào đứa con tật nguyền.

Năm 1988, con gái tôi đã hơn mười tuổi. Cơ quan có đợt đi Đức. Tôi quyết định ra đi mong : " Có tiền mà tay vẫn ". " Cũng nên biết ở xứ khác, người ta sống thế nào " vợ tôi nói vậy. Chúng tôi quyết định, nếu tôi đi thì bán căn hộ ấy để vợ tôi có cái mà chi tiêu chữa chạy cho con. Vợ tôi cũng muốn đi chỗ khác. Cô ấy bảo, đất ấy xúi quá nên con cái không ra gì. Nếu bán hộ ấy, tính cả đất chúng tôi chiếm được trước, sau nhà làm vườn, chái bếp công ty mới làm cho ba hộ sau nhà, vị chi khoảng hai cây rưỡi. Tôi hoả hồng một phòng nhỏ ở khu tập thể gần nhà mẹ vợ bên Tương Mai còn dư ra vài chỉ. Thế là quyết !

Vợ tôi đánh tiếng cho cô Huyền vì biết cô dóng tiếng mua nhà. Dây dưa hai tuần, ông Thủ dứt khoát chỉ trả cây tám. Chuyện bán chác nhà tập thể khi ấy chẳng phải che giấu như xưa nên đến tai Phạn. Tối chủ nhật Phạn sang hỏi giá và không bớt một cắc, hẹn tuần sau chồng đủ hai cây rưỡi. Vợ tôi mừng rỡ, sớm sau vay tiền mẹ đặt cọc cái phòng nhỏ nói trên. Đùng một cái, thứ tối thứ hai vợ tôi lại nhận tiền đặt cọc của cô Huyền. Ba cây ! căn hộ này ba cây ! Vợ tôi báo với tôi giọng mãn nguyện.

Tôi không biết xử lý ra sao. Trời ơi, nửa cây với chúng tôi là cả gia tài lớn. Bảo vợ giữ lời với Phạn thì mất toi nửa cây. Tôi trần trọc tới nửa đêm nhưng không sang nói lại với Thủ hoặc là thưa lại chuyện với Phạn. Đêm tối, tôi quay về nhà Phạn lầm rầm : " Phạn ơi tha thứ cho vợ chồng tôi ! "

Ngày giờ tôi đi Đức được quyết định chính xác. Ngày giờ chúng tôi chuyển đi, bứt khỏi nơi chúng tôi sinh sống, chung đụng mười hai năm trời trong cái nhà ba hộ, đã xác định. Vợ chồng tôi vào đêm trước ngày chuyển nhà không sao ngủ được. Con gái đã ngủ, chúng tôi ngồi yên lặng nhìn nhau không nói một lời. Cô ấy đang nghĩ gì nhỉ ? Bao lần tôi tự hỏi.

Đêm ấy, tôi linh tính cảm thấy cuộc đi của tôi là cuộc chạy trốn vô vọng hay cô ấy cũng cảm thấy điều ấy mà mọi sự nói chuyện phút chia tay đều trở nên vô nghĩa và đối trá ?

Cuộc dọn nhà diễn ra trước khi tôi đi Đức hai ngày, rất nhanh và không kèn trống. Tôi và vợ sang chào Phạm. Vợ Phạm vẫn cười chúc chúng tôi may mắn. Phạm thì chẳng nói nửa lời. Mắt hần lơ lơ nhìn đi đâu. Mãi lúc ra cửa gã mới hạ một lời gọn lỏn : " Thôi, ông đi ! "

Gã giận là phải ! Tôi nghĩ.

Tôi ngoái lại mảnh đất. Con đường. Cái hồ. Ba căn hộ !

Khi ấy bất chợt xuất hiện bảy sắc huyền ảo của chiếc cầu vồng dẫn từ bên bờ bên này sang bờ bên kia hồ. Tôi dụi mắt. Không ! Cầu vồng ! Cái hồ nửa nắng, nửa mưa tạo thành cầu vồng, bắt đầu từ cái dải đất bên này vắt sang bờ bên kia.

Thực ra câu chuyện chỉ nên kể đến vậy. Nhưng thực bất công nếu quên nhắc tới việc vợ tôi đã hết sức kiên trì theo đuổi chữa bệnh cho con gái tôi. Qua bàn tay của giáo sư X, với hai lần phẫu, mổ tim và mổ chữa xơ cứng cơ tứ đầu đùi, con tôi hoàn toàn đi lại bình thường. Tất nhiên cũng phải tốn kém. Con gái chúng tôi học xong đại học và ra trường, nay công tác tại một viện khoa học. Năm năm, sau khi nó khỏi bệnh, tôi nhận được thư và đơn ly hôn của vợ tôi gửi sang. Thư khá dài, nhắc lại thêm đau buồn. Nhưng không bao giờ tôi quên được đoạn thư sau : " Em biết, anh không yêu em. Sự cầu mong một gia đình, sau lần anh cãi nhau với chị dâu anh, dẫn đến việc chúng ta đột ngột quyết định từ mới quen biết thành vợ thành chồng. Đốt cháy giai đoạn, cả em và anh đều ngộ nhận. Tuy mỗi người ngộ nhận một dạng khác biệt. Chia tay, em cầu mong cho anh sẽ chẳng khi nào mắc lại khuyết điểm ấy. Không thể có một gia đình thiếu một tình yêu đích thực..."

Tôi về phép. Chúng tôi ly dị. Tôi thề chẳng bao giờ quay lại nhà ba hộ. Nó không có tội gì, nhưng tôi không muốn nhìn lại quá khứ, kỷ niệm một thời chật chội ! Vì thế, mấy năm liền, dù vẫn về Việt Nam ăn tết với anh chị tôi nhưng không khi nào tôi ghé qua nơi đó.

Sự đời chẳng giản đơn giữ một câu thề.

Tết vừa rồi, tôi lại về thì gặp con cả của Phạm đi cùng chuyển, ngồi cạnh ghế. Vô tình hỏi chuyện, mới nhận ra cậu bé mũi xanh lét, ngày nào cha cậu định quyết số phận cậu chỉ học hết lớp năm, biết đếm là đủ. Thằng mũi xanh ấy, vừa đỗ đại học kiến trúc tại Đức với số điểm cao tuyệt đối và được ở lại để làm tiếp bằng tiến sĩ. Vậy là tôi quay lại nhà ba hộ với sự háo hức qua những lời kể của con Phạm : " Bố mẹ cháu vẫn nhắc tới bác. Mẹ cháu vẫn hay tới thăm vợ bác. Mà sao cả hai bác không đi bước nữa hở bác ? Chú Thủ sinh thêm con gái nữa. Vẫn ở đấy, nhưng bây giờ nổi tiếng lắm. Chú ấy lên ti vi, viết cả thơ, mới đỗ tiến sĩ mĩ học gì đó ! Cô Huyền lên Hồ Tây xây một biệt thự, sống hảnh trên đó với con. Bố mẹ cháu dạo này bỏ bán lòng lợn tiết canh, chuyển sang mở hai cửa hàng bia hơi. Người làm thuê bây giờ ở quê ra đầy nên bố mẹ cháu không phải đầu tắt mặt tối như trước nữa."

Tôi bàng hoàng không nhận ra con đường cũ. Một dãy phố dù lộn nhồn nhưng đúng là phố,

hiện ra bên hồ không tên xưa. Mặt hồ vẫn nhiều bèo tây và tôi cảm thấy hẹp lại. Tôi chẳng còn trẻ để xúc động, dù nhận ra cái mùi tanh tanh của nước hồ ngày nào. Ngôi nhà của Thủ và Huyền rộng hơn bảy chục mét, cao vót lên với cái tháp tròn Ba Tư. Tháp muốn nghiêng chùm lên ngôi nhà ba tầng của Phạn. Được báo trước, Xuân ăn mặc rõ nột nà, còn Phạn thì nghiêm chỉnh trong bộ com lê màu xám rất điệu. Họ đã bốn cháu, nom cũng khác trước, đẩy ra và tóc đều đổ muối tiêu cả lượt.

Chẳng đứa nào chịu chỉ biết đếm cả ! Gã cười toác tận mang tai khi tôi nhắc chuyện cũ và chỉ sang nhà bên : " Xem kìa ! Ông tiến sĩ mĩ học xây cái nhà nửa tây, nửa ta cứ chục nuốt tôi. Tôi thu xếp xong cửa hàng bia hơi nửa cho ổn, sẽ bán đây đi, nhường khu này cho lão và chuyển hẳn đi anh ạ. Con cái đều muốn vậy. Chúng nó bảo, bố mẹ lưu luyến gì đây ? Sau này người ta sẽ chẳng phá tất đi để xây lại hết cho mà xem ! Bây giờ chả đứa nào nó nghe mình, nên mình khéo phải theo chúng lên khu mới làm nhà mới, cho đời chúng chuyển hẳn sang cái đất khác đi. Ông anh và tôi cố sống chờ xem bọn trẻ chúng nó có cơm cháo gì không rồi nhắm mắt. Mà đéch ai biết được con tạo nó vẫn thế nào ông anh nhỉ ? ".

Phạn đặt tay lên vai tôi. Mắt ấy, môi ấy, hơi rượu thơm nức phả vào tôi để tôi nhận ra hần đã rửa sạch nỗi bực xưa.

Mưa xuân lác rác lẫn trong nắng nhạt. Bụi cức tần sọt bên kia đường mới nhả đám tơ hồng vươn lên chũa chũa những sợi lua rua vàng óng, cổ bút lên, trong ảo huyền mưa nắng, khỏi màu xanh đông già cũ.

Nước Đức, 2001

- (1) Chợ Cóc : chợ họp do nhu cầu tự phát. Lúc nơi này khi mọc lên nơi kia. Không có tên, không nằm trong quy hoạch. Hà Nội rất nhiều chợ như vậy.
- (2) Xe máy Simson của Cộng Hoà Dân Chủ Đức. Những người đi du học khi ấy thường được tiêu chuẩn mang về hai chiếc trong bốn, năm năm tại Đức. Rất được giá thời kỳ Đông Đức chưa thống nhất.
- (3) Đồ phò, trứng phò, có ý loại trứng không ra gì.
- (4) Nhãn hiệu Con Nai Vàng. Cách nói của đường phố, ý đây là đồ xịn.
- (5) Đồng bộ, Các đều. Tiếng lóng đường phố. Chỉ tiền không đáng mấy.
- (6) Knut Hamson, Thomas Mann, Winston Churchill, Ernest Hemingway, bốn nhà văn giải Nobel trước 1954 của Nauy, Đức, Anh, Mỹ.
- (7) Thiên nhiên- Tự nhiên , cũng từ biến dạng của đường phố, ý nói hợp tự nhiên.
- (8) Một kiểu xe được ưa chuộng thời kỳ ấy của Nhật. Trên bảng đồng hồ có đèn xanh, kim vàng nên người ta gọi vậy để phân biệt với xe Honda Sài Gòn trước bấy năm.

Một người Đức

Hôm đó, trời đột ngột trở gió. Một ngọn gió mạnh, bất ngờ quật đổ hai cái bàn bày đầy áo, quần của vợ chồng tôi và hung hãn định xé nát tấm bạt ô, để rồi thổi tốc toàn bộ ô, bạt và người vợ nhỏ bé của tôi đang tàn sức cố níu lấy chân ô. Vợ tôi kể lại việc ấy. Tôi cố tưởng tượng ra cnh hần từ hè đường lao tới. Như không, nhẹ nhàng hần nắm phất chân ô, giữ im tất c trước làn gió hung hãn còn cố thổi phàn phật tấm bạt và những gọng ô run rẩy. Nhớ lại, vợ tôi chưa hết sợ hãi, cô hỏn hỏn nói: "Không có hần, em cùng với ô sẽ bay ra đường phố!".

Tôi quyết định đi tìm hần để cảm ơn. Việc tìm kiếm có lẽ không khó! Vợ tôi đã t: "Hần to cao! Người sặc sụa mùi bia, rượu". Lại bo, hần có nói với em rằng, khi có khó khăn gì, cứ đến quán

Hoa Anh Đào mà tìm! Hoa Anh Đào thì rõ c rồi! Nó là quán ăn nhanh chỉ cách chúng tôi hn cây số. Thế là bọn tôi gặp nhau và tôi biết hẳn!

Hắn tên thân mật là Hans. Tôi dùng từ Hắn ở đây có vẻ hi xược. Vì Hans khi ấy đã sáu năm tuổi. Còn tôi mới bốn bảy. Nhẽ ra, tôi phi dùng từ Anh, hay Ông từ đầu truyện mới đúng! Nhưng khi nghe vợ tôi kể ...tôi cứ hình dung Hans theo đúng nghĩa từ Hắn. V lại, gọi Hans bằng Anh hay Ông tôi e không hợp với truyện này. Với tôi hai từ ấy nghe xa lạ và khách sáo!

Khi tôi đến quán, Hans ngồi trong góc phòng nhỏ, người như hòa chìm vào vách gỗ thông đã chuyển màu. Hắn ngồi bất động. Trước mặt là một vại bia lớn đã gần cạn. Tôi đến gần Hans, lịch sự hỏi: “Thưa! Ông có phải là người đã giúp đỡ vợ tôi tra qua không?”. Hans giương đôi mắt to, xanh đục, đầy những tia máu nhỏ ẩn dưới đôi lông mày màu hung hung có nhiều sợi bạc, hi dài nhìn tôi ngạc nhiên và nhún vai. Tôi hỏi lại, cố dùng từ gọn diễn t lại câu chuyện đã xy ra. Hắn có vẻ l đếnh ngồi nghe. Mặt hi cúi xuống, nhưng mắt hẳn, đôi đồng tử màu xanh cứ ngược xoáy lên trần quán. Rồi, khi thủng truyện, Hans bắt chợt vỗ vào vai tôi. Cái vỗ nhẹ của hẳn làm tôi suyt ngã chúi. Bởi hẳn to con lắm! Có lẽ trên tạ rưỡi! Bàn tay nặng chịch, những ngón như qu chuối ngựa, vít tôi xuống cái ghé cạnh hẳn. Hans không thềm nhắc gì đến việc tôi đã cảm n. Hắn gọi bà chủ quán (bà ta có bộ mặt nhăn nhó khi cười. Trông tựa như một mụ phù thủy nào đó trong truyện cổ tích): “Một bia lớn!”.

Chúng tôi ngồi uống im lặng với nhau. Quán nhậu nhỏ mà lúc nào cũng ồn ào. Những người Đức ở ngoài đường làm li vô cùng, vậy mà ở đây, họ ăn to, nói lớn ra phết! Tiếng Đức, âm vực thấp, trầm, khi có hi men càng khó nghe, nhưng tôi thấy đáng yêu hn khi nó hòa chénh choáng trong bia rượu. Tôi nghĩ vậy, trong khi Hans ngồi như con gấu câm nín. Hắn uống rất chậm và thi thong lại đưa bàn tay thô kệch xoa đám bọt bia trắng rây ở hai mép. Tôi không hiểu gì thêm về con người ấy trong lần gặp này, dù tôi đã cùng hẳn uống đến ba vại bia Schultheit cực đậm. Tôi cáo từ hẳn ra về. Hans xoa đầu tôi như xoa đầu một trẻ nhỏ và hi cười cười, mặc nhiên để tôi thanh toán toàn bộ tiền bia với Phù thủy. Hắn ngồi đó đến khi nào, tôi cũng không rõ. Tôi trở lại chỗ bán hàng, không hề nghĩ rằng, từ nay, tôi có thêm một người bạn mà sau này, mỗi khi nghĩ đến, tôi và vợ rất buồn!

Hai tuần sau, Hans đột ngột mò tới chỗ vợ chồng tôi bán hàng. Hắn gọi vợ tôi là “Maedchen” (1). Tôi cải chính rằng, cô ấy là vợ tôi. Hans xin lỗi và gọi lại vợ tôi bằng từ Frau, bà Nguyễn. Tôi thông cảm cho hẳn, vì nhiều người Đức, chứ không riêng hẳn, đôi khi cũng nhầm như thế. Con gái, đàn bà Việt ta, đều nhỏ nhắn. Vợ tôi trắng, nên nom trẻ hn tuổi, trông bé nhỏ như trẻ con! Tôi hỏi Hans vài câu xã giao. Lại bo, sao hôm nay không đến quán uống? Hans phẩy tay. Thì ra, hẳn vừa đi công chuyện về. Hans từ chỗ gii quyết tiền hưu tới. Có việc gì đó trực trặc và hẳn bực dọc nói: “Tao đã làm việc hn bốn chục năm cho nước Đức. Tao có quyền!” Hẳn đặc biệt nhấn mạnh từ “Nước Đức”, nhấn thêm vào câu “Tao có quyền” hai lần. Để cho Hans dụ đi sự tức bực nào đó, tôi kéo hẳn tới một quán ăn nhanh và gọi bia. Hans uống, sau ngụm thứ hai, hẳn bình tĩnh trở lại và l đấng nhìn ra khúc đường nồm nượp xe cộ chạy. Hans nói: “Nhưng tất cả ồn cả rồi!”.

Chúng tôi đứng với nhau hơn một giờ trên hè đường. Hẳn hỏi tôi từ đâu đến và rất chăm chú nghe tôi kể. Tất nhiên, tôi đã nói rằng, chúng tôi là người Việt đến đây theo lời mời của nhà nước D D R, chứ không phi là vô có tới Đức, như bọn đầu trọc thường lấp liếm đi sự thật ấy. Rằng, chúng tôi ở lại nước Đức kiếm sống ngoài đường phố cũng là theo hiệp định. Tôi cũng nói rõ là, việc làm ăn hôm nay, trên hè phố, chúng tôi không muốn, nhưng nước chúng tôi còn nghèo lắm! V lại nước Đức cũng đầy khó khăn, thất nghiệp hn bốn triệu người! Hans có thể hiểu tôi định nói gì. Hẳn nghe với thái độ thông cm, rồi bo: “Tao hiểu, hiểu rồi và tao không khi nào căm thù người nước ngoài như bọn đầu trọc! Chúng nó điên c rồi!” Lại tỏ ra thông cm, Hans còn kể: “Sau chiến tranh, mọi việc đều rất khó khăn! Chúng tao cũng đã như vậy rồi! Chiến tranh là điều bản thủ lắm! Nhất là khi những người trực tiếp tiến hành lại mụ mị, không

nhìn rõ thực chất của nó!”. Hấn chỉ ra con đường bê tông mới sửa láng bóng, nói tiếp: “Cách đây bốn chục năm, tao còn là trẻ con. Con đường này, khi ấy còn lát đá, nhỏ, hẹp. Xe tăng Nga tiến vào thành phố. Tao và thằng Guenter, nó chết rồi, 13 tuổi, xông ra. Tao nhặt một khẩu súng bắn tăng mà ai đã đánh rớt, rồi nhằm xe tăng Nga xiết cò. Bùng! Cái xe đi đầu bốc cháy. Tao hong sọt bỏ chạy. Hai ngày sau qua đó, mùi thịt cháy còn khét lẹt! Mà có biết không, trong đó năm mạng người!”. Hans lợm giọng, nhổ một bãi nước bọt xuống đường: “Bây giờ nhớ đến chuyện ấy, khi nào tao cũng tởm lợm!”. Tôi tò mò hỏi: “Rồi sau đó?”. Hans đưa tay quệt mũi, nói tiếp: “Tất nhiên là tao rông thẳng về nhà. Cũng không dám nói với ai là thằng Guenter đã chết thế nào!”. Hấn nhún vai, dù sao cũng đã như thế! Chúng tao là bọn trẻ con, còn Hit-ler thì ngày đêm gào lên, chúng ta phi chiến đấu cho nước Đức! Hấn buồn buồn kể tiếp: “Sau đó thành phố này tan nát hết. C nước Đức chịu hậu quả do chúng tao gây nên. Tan hoang! Khốn nạn! Chúng tao rất đói. Tao phi thường đi xin và ăn cắp thức ăn của người Nga, người Mỹ, Pháp. Tao vắt trộm sữa bò. Những con bò cái gầy guộc, người ta dẫu trong rừng. Thế rồi là Đông Đức. Chúng tao xây lại thành phố. Tao lái máy cày cho nông trường. Cuộc sống chẳng tồi gì, với tao! Rồi hai phần nước Đức hầm hè, cãi nhau, xây tường và lại phá tường. Thống nhất, tao thất nghiệp một năm, chỉ uống rượu! Rồi, lại có việc. Tao đi đào, phá những con đường cũ. Bốn năm! Bây giờ tao về hưu”. Tôi hỏi, khi Hans đã ngừng, đôi mắt hấn buồn buồn: “Hans! Bây giờ thì ra sao?”. Hans không nói thêm. Hấn cười đột ngột, gi đôi bàn tay cho tôi nhìn. Đây không chỉ là lòng bàn tay bình thường. Có năm sợi thép rắn cứng, gồ lên trong đó. Tôi sờ vào. Không thể tưởng tượng được! Hans còn khoẻ lắm!

Sau bận ấy, Hans hay ra chỗ chúng tôi bán hàng chi. Thường là sáng sớm. Hấn luôn đi cái xe đạp cũ kĩ, hiệu Diamant và nhiều lần vổ vổ vào cái yên bằng da sịn, như có ý bo: “Còn tốt chán!”. Một lần tôi hỏi: “Sao mà không mua ô tô mà đi lại?”. Hấn trợn mắt: “Tao chưa bị điên!”. Hans chỉ vào một chiếc xe ti, hiệu Man, hỏi tôi: “Mày có biết nó nặng bao nhiêu tấn không?”. Tôi cười, lắc đầu. Hans hi dẫn dọng: “Nó, hn bốn chục tấn đấy! Còn khi nó chạy với tốc độ 90 Km/h thì đất sẽ không chịu nổi 40 tấn đâu! Một sức ép khủng khiếp sẽ xuất hiện, tàn phá tất cả. C tao! C mày! Hiểu không? Mày sao có thể hiểu được điều ấy! Ngu lắm! Chắc mày cũng chỉ như bọn thanh niên của chúng tao, luôn ham của lạ thôi!”.

Hôm sau nữa, vợ tôi ốm. Cô phi ở nhà. Hans lại tới. Hấn thấy thế, giúp tôi dọn hàng, bày bàn, căng ô bạt. Hans có sức, nên công việc cứ như không. Hấn cũng khéo léo không ngờ khi dựng ô. Vài người khác chưa quen đã không làm được như hấn. Bộ phận hãm ô khi bung ra, cụp vào rồi liên kết với các bộ phận khác, rất khó nhận ra. Vậy mà, chỉ thoắt nhìn, hấn đã làm rất thạo. Tôi khen, mà thạo thế! Hấn thn nhiên: “Mọi việc nhỏ, to, sau khi cân nhắc, xem xét đều trở nên dễ dàng!”. Tôi nhớ, khi ấy, hấn còn tự chỉ vào đầu và bo: “Tao là người Đức gốc! Chính cống!”. Tôi cười, hấn cũng cười. Nhưng hấn lại vắn: “Sao mà cười?”. Xong, hấn đập vào vai tôi một cái. Lại một cú đập nữa làm tôi liêu siêu. Hấn đã bao lần nhẹ nhàng, thân mật với tôi kiểu ấy. Lại một ngày đẹp trời khác. Hôm ấy hấn có vẻ vui. Có thể, Hans nhớ đến chuyện mấy hôm trước, đột nhiên nói: “Mày cũng không ngu đâu! Hôm nọ tao đùa đấy!”. Tôi phẩy tay và mời hấn đi ăn sáng. Hans không ăn, cũng không uống bia, hay cà-phê. Hấn đề nghị tôi mua cho một li rượu. Thứ nâu nâu, sóng sánh như mật, đóng trong chai nhỏ xíu. Hấn giải thích: “Rượu này uống bổ dạ dày!”. Vợ tôi mang mấy miếng bánh kẹp bơ tới. Nhìn những miếng bánh mì phết đầy bơ bơ, Hans lắc đầu: “Người Đức không kẹp bơ như thế kia! Bơ cần phết mỏng, kĩ, cho ngấm vào ruột bánh!”. Nói rồi hấn quay ra tôi, đùa: “Ở nước mày, chắc nhiều bơ lắm?”.

Tháng tư năm ấy, trời sầm sì. Đường phố vắng tanh. Tôi không bán được hàng. Bữa đó Hans ngồi với tôi đến trưa. Có lẽ là dịp cởi mở, hấn nói về hấn. Hôm ấy, tôi mới biết, Hans có hai con trai. Hiện tại hấn sống độc thân. Hấn phàn nàn: “Nước Đức cách đây không lâu, chúng tao đối xử với nhau trong nhà và ngoài đường tưng tưng như chúng mày. Còn hôm nay, hai thằng con tao bỏ đi tây Đức kiếm ăn. Chúng không khi nào về thăm thằng già này! Năm năm rồi!”. Hans xoè bàn tay ra, phô mấy qu chuối ngự. Tôi cũng được biết thêm rằng, vợ Hans đã chết cách

đây ba năm vì bệnh tim. Nhắc đến đây, Hans thật thà nói: “Con mụ béo phì như heo ấy chết đi, tao không còn ai nấu nước tắm cho nữa!”. Tho nào mà người hấn gậy thế! Tôi nghĩ. Thời gian trôi nhanh thêm hai năm nữa. Hai năm, Hans già đi rất nhanh. Hôm nào, hấn còn cạo râu nhẵn nhụi, mà giờ đây, Hans chẳng chịu chăm chút gì. Trên má đang chy, những sợi râu vàng hung bành bạc thi nhau vô tổ chức mọc. Cái cằm vẫn đỏ au, nhưng xệ hẳn xuống. Trong khi ấy, bộ mặt thị xã chúng tôi vùn vụt thay đổi, đẹp lên từng ngày. Người ta gần như cuốc sạch những đường phố chính. Thay vào đó là những con đường láng bóng, đen nhãy. Người ta đào bới rất nhanh, như có phép màu, thay thế toàn bộ hệ thống dẫn nước nóng, lạnh, điện thoại, ga nấu, cáp truyền vô tuyến...v.v. Bao cửa hàng, nhà băng, siêu thị, khách sạn...cũng đua nhau mọc lên san sát, chan hòa ánh điện màu. Tất cả rực rỡ, sang trọng, phô trương sự giàu có với tốc độ chóng mặt. Sự thay chuyển đó, làm chúng tôi, những kẻ Thợ khách (2), ăn nhờ ở đậu, cũng vui lây.

Vậy mà tôi có cảm giác, Hans thờ với tất cả. Tôi không hiểu vì sao, con người như hấn, một tay Đức nòi, lại có thể lãnh đạm với sự thay đổi của thị xã quê hương hấn như thế? Tôi đắn đo định hỏi cho ra, nhưng cha có dịp nào thuận lợi để làm việc ấy.

Một lần sát Noel. Tuyết ri trắng xóa c trời. Hans ra ni tôi bán hàng. Hấn thấy tôi bán hàng kém, nên chẳng trò chuyện, im lặng bên nhau đến hai giờ.

Trên bãi đậu ô tô cũ của thị xã, người ta dựng đào hai vệt hào rất rộng, sâu để tìm kiếm gì đó. Đèn pha thấp sáng chói suốt ngày đêm. Máy móc, xe cộ lạ kiên trì thăm dò. Tôi nhìn rõ tại đây, những gốc cây rất lớn, nham nhở than đen và khối mnh quan tài vỡ nát được móc lên từ đất sâu. Tò mò, và để phá tan sự buồn chán, tôi hỏi Hans việc trên. Hấn có vẻ rầu rầu, tr lờ: “Bọn chúng muốn xây trên đó một siêu thị, một trung tâm bán ô tô lớn và một tổ hợp các nhà băng. Thành phố cũng nhân đây tìm hiểu một vụ cháy, cách đây hn hai thế kỉ, có phi xy ra chính xác tại đó không. Ngọn lửa phát ra từ một cn giếng. Nó cho ra tro khu rừng sồi lớn và lan nhanh, thiêu hủy luôn một nửa thành phố. Xong thật vỡ vụn! Chúa trừng phạt c thôi! Mà đó cũng chỉ là một phần rất nhỏ nhoi, so với những cái, con người như tao và mày đây, đã, đang tàn hại mnh đất này!”. Hans móc trong túi ra một mnh giấy và chùi mũi, xì mạnh. Hấn chỉ sang bên kia đường, ni vừa cách đây không lâu, mọc thêm một trạm xăng mới: “Khi cha tao còn sống. Ông ấy bo, hồi còn nhỏ, ông phóng ngựa thực mạng dọc di rừng từ kia, ba bốn giờ mới hết di rừng để tới hồ Con nai đen thuộc Grossberg”. ừ, tại Grossberg có một cái hồ rộng, tôi biết! Hans ngắc ngư cái đầu và nói tiếp: “Mày biết không? Tới thời tao bắt đầu biết đi, chỉ còn một nửa di rừng thôi. Bây giờ thì hết sạch. Những vạt cây mỏng, nhỏ đan xen kia, đâu phi là rừng!”.

Tôi nhìn theo hướng tay Hans chỉ. Trong chiều đông, khói từ những căn nhà đang đốt than sưởi màn màn bốc lên bng lng, quần trên những ngọn thông non màu xanh đen. Nom thật m đậm! Tự nhiên tôi có một cm giác hoang tưởng. Tôi nhớ đến những đoàn xe tăng từ hai hướng ì ì bò ra đấu pháo nhau. Có ai đó, như bóng Hans dựng súng lên. Và, tiếng nổ rất lớn. Tôi tỉnh phất. Thì ra, một cái xe ti cỡ bự tắc xăng đã vù ga, th trong không gian một làn khói đen sậm, chậm chậm bốc lên bầu trời.

Tháng tư năm sau, thành phố cấp cho vợ chồng tôi giấy phép xin nhà của xã hội. Chúng tôi đọc công ty nhà chỉ cho một căn hộ tại khu phố cổ. Nhà có hai phòng rộng. Ban công nhìn ra thm cỏ xanh, rất đẹp! Nhưng nhà không có phòng tắm. Tôi dễ tính, thế là ổn rồi! V lại, chỗ ở cũ của chúng tôi chỉ có một phòng chật. Tôi có thể đặt trong phòng bếp một cái quầy nhựa tắm đứng. Xong vợ tôi nhất quyết không đồng ý. Cô ấy có lý khi nói: “Em đừng bán hàng c ngày dưới trời lạnh. Phi có bồn cho em ngâm mình!”. Như vậy, chúng tôi sẽ từ chối căn hộ ấy và phi chờ đợi một sự phân bổ khác. Tôi rất thắc mắc, cứ tự hỏi, sao ở thập kỉ này, C hai phần nước Đức giàu như thế, còn tồn tại cái thứ nhà không có chỗ tắm. Thật là lạc hậu! Tôi gặp Hans, nói điều thắc ắn ấy. Hans tỏ ra giận dữ sau khi nghe tôi. Hấn nói, sùi c bọt mép. Đại để, tôi là thằng ngu, ở Đức bao năm rồi mà chẳng biết gì. “Mày đừng nghĩ là người Đức, từ Tây sang Đông, nhà ai cũng có ni tắm hiện đại nh mày muốn! Nhà tắm với bồn trắng tinh, vòi mạ vàng sáng quắc h?

Tân thời c' đây! Nước Đức này, cách đây chục năm, nhan nhn những ngôi nhà không có cái phòng tắm như mây muốn". "Vậy thì người ta tắm ở đâu?"- Tôi hỏi.
Hans lôi thốc tôi về nhà hắn. Đây là lần đầu tiên tôi đến nhà Hans sau ba năm quen biết. Chúng tôi đi như chạy trên con đường lát đá, rẽ trái, phi và xiên qua một vệt rừng nhỏ. Chúng tôi đến trước một cái cổng nan gỗ ghép thưa rất nặng. Hai cánh cổng buộc hồ bằng một sợi thép to. Hans nóng ný thốt lên, "Scheisse! Scheisse!(3)", khi sợi thép cứ bướng bình níu hai cánh cổng lại. Rồi bọn tôi đi dọc con đường mòn nhỏ. Hai bên là vườn, mênh mông cây ăn qu! Tháng vào xuân, không gian ngan ngát hương hoa đủ loại. Những bông hoa tuy-lip như những ngọn đuốc nhỏ, âm thầm thấp sáng từng đoạn trên thm cỏ xanh biêng biếc. Tại một mnh, cỏ mọc cao. Có lẽ chủ nhân chưa kịp xén! Thấy tôi nhìn, hắn thanh minh: "Mấy xén cỏ hồng. Mấy hôm nay tao bị đau lưng quá, không cắt chúng bằng liềm được!" Một con chó Đức nòi từ đâu bất ngờ lao đến. Nó có bộ lông vàng hung với di màu đen tuyền chạy dọc sống lưng. Cậu ta, sau khi mừng chủ cứ hít hít chân tôi làm tôi sợ phát khiếp. Thấy thế, Hans mắng nhẹ. Nó lập tức vâng lời, rời tôi và vun vút lao như tên bắn trước ông chủ.

Ngôi nhà Hans khá lớn. Một tầng, lợp ngói. Nom nó cũ kĩ quá!
Hans không đưa tôi ngay vào nhà. Hắn lôi tôi xuống tầng hầm. Lối xuống lát đá trắng nhò. Cỏ, rêu mọc xanh xanh từ kẽ đá. Hắn đẩy cánh cửa nặng chịch. Cửa gỗ ken két chuyển động, lộ ra một căn hầm tối như chan mực. Lấn sò, Hans bật điện. Bóng đèn nhỏ yếu ớt tỏa sáng làm căn hầm hi bưng tỏ. Hans chỉ tay. Trong nhập nhòa, tôi nhìn thấy một cái bồn to, dày. Có lẽ nó bằng gỗ. Tôi lay thử. Rất nặng! Có thể khi ấy Hans cười nhạt! Trong hầm tối, giọng hắn nghe dồn dập, long song: "Mỗi năm một lần. Chỉ một lần, trước ngày chúa giáng sinh, vợ tao có nhiệm vụ đun nước thật nóng đổ đầy vào đó. Tất nhiên là nước rất thm nấu bằng vài đám lá tho mọc sẵn trong vườn. Bây giờ chúng mày thích tắm trong bồn men trắng mỏng dính có phi không? Thế mà là tắm à! Phi đúng thử bồn gỗ dày thế này. Nó giữ ấm lâu đấy! Ngâm trong đó vài giờ. Thôi thì không còn gì thoi mái hn! Vợ tao kì cọ, tra thêm nước nóng cho tao. Tao để chai rượu bên cạnh, nhâm nhi. Uống cho cạn! Thế! Đây mới là tắm!"

Tôi và Hans chui lên khỏi hầm. Hắn móc ở cái kệ gỗ sát cửa hầm, mấy cái lọ nhỏ phủ đầy bụi, lau nhanh vào vạt áo. "Cho mày!" Hans đưa đám lọ cho tôi: "Mứt táo, lê tao nấu đấy. Ngon lắm! Không như thứ mày mua ở tiệm đâu!". Tôi nhìn, cạnh góc lên khỏi hầm, một lưới hái dài ngoẵng dựng đó. Lưới sáng quắc. Chắc chủ nó mới mài.
Tôi tò mò hỏi: "Mày nói một năm mày tắm có một lần. Bẩn lắm! Chịu sao được?". Hans cười: "Bọn tao không đến nỗi tởm như vậy!". Hắn quay ngay xuống hầm, lôi từ đâu ra một cái bao tay đã cũ. Móc trong ấy ra một miếng xà phòng đầy những vết nứt, cho tôi xem rồi lại nhét vào túi. Đoạn, hắn lấy nước lạnh từ một vòi cao su kể đó, x nước vào một chậu nhỏ. Hans cởi phất áo, cúi xuống. Hắn vã nước vào ngực. Xoa cái túi cũ lên đám lông ngực cho tới khi nổi đầy bọt trắng. Xong, Hans kì cọ ngực, vai, hai cánh tay rất cẩn thận. Rồi, Hans đứng lên, vỗ mấy cái trên lồng ngực đã ửng đỏ làm hai tng thịt đầy lông lá rung lên và thích chí nói: "Mày có thể làm thử. Nhanh, gọn, không tốn thì giờ".

Năm ấy Hans bị đau chân. Hắn vấp ngã ở nhà vườn. Thời điểm này, ở khắp các quán bán hoa, người ta bán nhiều vòng kết bằng cành thông cắm hoa, nên, qu thông khô để đi thăm mộ như xử ta vào dịp thanh minh. Hans khắp khiêng tới chỗ chúng tôi bán hàng, vay vợ tôi 5 mác. Hắn bo: "tao thiếu tiền mua hoa". Tôi hỏi, khi nào hắn đi to mộ? Hắn nói: "ngay!". Tôi tò mò, muốn theo hắn cho biết. Hans đồng ý.

Nghĩa trang thành phố nằm kế trường trung học, không xa lắm! Mãi nửa giờ trôi qua chúng tôi mới tới được nghĩa trang. Hans đi khó nhọc, thở phì phò. Chân hắn chưa lành. Hans dẫn tôi theo dọc lối nhỏ di sỏi lạo sạo. Chúng tôi thỉnh lặng bên nhau qua những ngôi mộ to, nhỏ, đa dạng. Nhiều ngôi mộ óng ánh như mới làm! Đá hoa cương bóng, lấp lánh tỏa màu huyền o trong nắng. Hans chậm rãi đặt vòng hoa khô, tui trên ngôi mộ mà hắn nói với tôi là mộ cha. Hans

thấp cho cha mình một ngọn nến. Gió se se. Lá ở vài cây non kể đó rung lên se se. Những cánh hoa tui của Hans và ngọn lửa của cây nến đỏ đang cháy, se se run ry! Chỉ có Hans của tôi là im phăng phắc. Tôi lắng nghe. Không có lời cầu xin gì, dù nửa lời, của Hans dâng tới cha hần. Hành vi của hần như vậy, có thể chứng cho suy tư của tôi không? Tôi chợt nhớ tới tháng ba to mộ trong làng tôi. Người ta, sau khi dọn cỏ và sang sửa đôi chút trên phần mộ tổ tiên, đa phần đã khấn, cầu xin đủ thứ từ người đã khuất! Còn tại đây, Hần, một gã Đức nòi đang cúi l đầu. Đôi vai dày u giờ sụp xuống. Tôi nhìn, con mắt hần khô ráo! Và, trong ráng chiều ấy, tự nhiên tôi có cm giác, tôi thương con người tôi và hần làm sao. Hans như gốc sồi già rồi, to lớn, gồ ghề, đen sạm, cong queo, nổi bật trên nền trời chiều đỏ ôi ôi đang dần tắt.

Hans chỉ cho tôi ba ngôi mộ nữa. Hần chia vài đóa hoa nhỏ cho ba phần mộ. Theo hần, đây là kị, cụ, ông nội của Hans. Mộ to nhỏ khác nhau. Nhưng cả bốn chiếc, dưới những tấm bia, đều có một cái đế sắt vó ngựa, gắn chặt vào xi-măng. Hans nói: “Nghĩa trang này mới có ba, bốn trăm năm thôi. Còn một cái nữa, tuy nhỏ, nhng lâu đời hn, nằm ngay trong trung tâm thị xã”. Có thể tại đó còn mộ thủy tổ của dòng họ hần chẳng? Tôi tự hỏi. Vì có lần, Hans nói, c dòng họ nhà hần, đây là theo lời bố hần, đều phát sinh trên mnh đất này.

Tôi chia tay Hans tại ngã ba, không quên đùa rằng, nếu sau này mày đi tiêu, có cho phép tao gắn vào ngôi mộ một cái bánh xe đạp Diamant không? Hans nghiêm mặt nói: “Không! Phi vẫn là, một cái móng sắt ngựa!” .

Trở về chỗ vợ, tôi chợt nghĩ đến ngôi nhà và mnh vườn của Hans. Cái bm nước bằng tay rì hoét tại góc vườn. Nhà kho sau nhà còn c man đồ cũ. Những chiếc đinh to, mũ vương, có lẽ dùng vào việc ghim vó ngựa. Bốn năm cái lưỡi hái mòn vẹt khác nhau,...Mấy cái thùng đầy ốc vít các loại mà từ đó, có lần Hans tìm cho tôi một con ốc vừa in trên cái Ba-de-sóc ô tô của tôi vừa mất. Tôi lại nhớ có lần, Hans nhặt được một xu dưới đất. Hần chùi vào quần, nhỏ bọt một cái và đút tiền vào ví. Thấy tôi nhìn, vì một xu thì không mua được gì, ch bỏ công nhặt, Hans lạnh lùng trách: “Bọn Việt Nam chúng mày thích làm giàu như cánh Do Thái. Song chúng mày kém chúng nó đấy. Có câu, phi biết làm giàu từ một xu!”. Tôi cười. Hans quát: “Sao cười?”. Con người ta, tuy khác nhau tiếng nói, màu da, nhưng xét cho cùng, về bn ngã, có lẽ na ná như nhau cả thôi!

Thực tâm mà nói, tôi quý Hans. Mấy năm từ khi biết nhau, Hans đã chẳng giúp đỡ vợ chồng tôi nhiều lần đó sao. Cuộc sống xa xứ vốn buồn tẻ, nay lại có thêm một người bạn! Con người ấy, vừa thô ráp lại có vẻ lạnh lùng, vừa chân thành, luôn thẳng thắn như ruột ngựa. Hans có tật hay say sưa. Điều ấy khác tôi, song chưa khi nào vì quá chén mà Hans sàm sỡ với vợ tôi c. ừ! ở Hans, cũng có nét cực đoan hết sức. Hần có lần bắt tôi, một kẻ lười đã cứng, phi phát âm một từ tiếng nước hần hàng chục lần. Và, khi vẫn không chuẩn, hần có vẻ tức tối như tôi đã làm điều gì sằng bậy. Những điều tương tự như thế, liệu có trái ngược giữa bn tính làm lười, đôi việc trong sinh hoạt tỏ ra xuề xòa, rồi nhiều lúc suy tư lại đầy chặt tính triết lí của Hans không? Hay, con người ta là tập hợp những mâu thuẫn?

Tôi cũng không quên kể là hần rất sòng phẳng. Sự sòng phẳng quá khiến cho người ta hay liên hệ tới sự keo kiệt. Lần vay năm mác, hần có hện thứ sáu tới, hần gi. Thứ sáu đến, vợ chồng tôi nghỉ chợ vì mưa. Hans đợi mưa đến tận nhà vì năm mác chết tiệt ấy rồi lại tắt bật ra về. Rõ tội! Đây là Hans mà!

Mùa đông thường quá lạnh. Nhất là khi cả ngày, mười tiếng đứng trong băng, tuyết bán hàng. Tôi đặt cho vợ hai cái lò sưởi ga mà vẫn rét. Hans biết vậy đã mang từ nhà hần tới một tấm gỗ rất dày. Hần kê dưới chân vợ tôi và nói: “Không được ngồi nhiều nhé. Phi thỉnh thoảng đi lại! Lạnh đi ngược từ đất lên là chết đấy, con gái ạ!”. Điều ấy rõ quá rồi! Đi lại, khí huyết sẽ lưu thông. Chân ấm thì thân ấm. Thân ấm là chẳng lo ngại gì cho sức khỏe nữa.

Có thể vì nhiều điều nhỏ khác nữa của anh bạn già ấy, vợ tôi cũng quý Hans ghê. Cô ấy có lần đan một cái khăn khá cầu kì và tự tay choàng vào cái cổ trâu của hần. Một lần, tuyết ri dày c

mấy tuần, Hans ho sù sụ. Thấy thế, ai ngại cho hắn ở trong khu vườn mông quạnh, vợ tôi thốt lên: “Mày cần gì ở cái vườn rộng bát ngát ấy? Sao không bán quách nó đi? Có tiền, mày chẳng lo gì nữa! Mua một cái nhà mới. Mày không phi củi, than lòi thoi để sưởi nữa. Lại có hàng xóm quây quần. Muốn chết mòn trong cái nhà cũ vắng ấy à?”.

Hans chăm chú nghe vợ tôi nói, không phn ửng gì. Chỉ nhẹ nhàng: “Chúng mày chưa hiểu tao!”. Thấy thế, tôi phụ họa theo: “Hai đứa con mày đi biển biệt. Tối lúc mày tôi rồi, chẳng có ma nào về làm vườn nữa đâu!”. Không ngờ, đây là một đòn chí tử giáng xuống hắn. Hans trợn cặp mắt lóe sáng, mặt đỏ dừ, lông mày chua chua dựng ngược: “Thằng ngu! Tao không bao giờ bán nó. Mày không bao giờ được phép nhắc lại việc này nữa! Mày có biết mnh vườn ấy, ngày xưa là cái gì không? Là đầm lầy! Mày hiểu chưa! Thằng Hans này biết rõ điều ấy lắm. Mỗi khi thực sêng xuống nửa mét, tao sờ vào lớp mùn than nhây nhầy ...Ni đó thắm c man nào mồ hôi, máu của chúng tao! Mày không bao giờ hiểu ra đâu! ừ! Tao sẽ chết! Nhưng nhất quyết thể nào cũng có đứa con tao trở về. Nó không trở về thì cháu tao sẽ trở về! Nếu cháu tao không về thì sẽ có đứa nào đó trong số con cái cháu tao tìm về! Đây là mnh đất của gia đình Hans. Của dòng họ.....!Mày nghe thủng c rồi chứ!”. Hans dừng nói, hỏn hỏn thờ. ở hắn, đây là lần đầu và duy nhất tôi thấy một sự xúc động ghê gớm. Tôi cần nói thêm, khi ấy, hắn nhấn rất mạnh vào cụm từ dòng họ gì đó, dài dằng dặc, mà khi thân người Đức chẳng khi nào xưng lên, làm tôi phát hong đến độ quên phất tên dòng họ của Hans.

Liên sau cơn thịnh nộ kể trên, tôi vội vã xin lỗi Hans. Tôi cố thanh minh đủ cách, nhưng hình như hắn bỏ ngoài tai. Hắn chỉ chào vợ tôi như mọi lần và lạnh lùng bắt tay tôi, rồi bỏ về. Đây là lần đầu tiên Hans giận dữ. Bẵng đi ba tuần hắn không thèm ra chỗ chúng tôi. Vợ tôi nhắc tới Hans luôn. Một ngày, cô ấy bo: “Bốn tuần rồi, Hans không tới. Nó óm đấy anh ạ! Ta đi thăm nó đi! Nó chỉ có thể giận anh, còn với em thì nó không thể không lại thăm em được!”. Đàn bà thường có lý khi họ nói về lĩnh vực tình cm. Tôi đồng ý thu xếp thăm hắn, dù khi đó là vụ bán hàng, gặt hái trong Noen, chúng tôi rất bận.

Vợ tôi mua một chai rượu trắng nặng độ, loại Hans rất thích. Tôi mua thêm ít thịt xông khói, thứ thật ngon, để nhậu làm lạnh với hắn. Chúng tôi đi ô tô khong 10 phút là đã đến khu vườn của Hans. Tối ni, tôi gọi to sau khi giạt mãi cái giây chuông lòng thông mà không thấy ai tr lời. Tôi nhớ, từ khi quen thân, Hans đã sửa lại cái hệ thống cở lỗ gọi cửa ấy. Hắn còn để tôi tinh nghịch buộc vào cạnh chuông bốn cái đinh ngựa, nhằm chuông phát tiếng kêu to hơn.

Vậy mà chẳng có ai thưa. Cổng lại khép hờ thế kia thì Hans chỉ có thể quanh quẩn đâu đây thôi! Nhìn vào, con chó nòi xô ra mừng rít sau cánh cổng. Tôi đẩy cửa, nắm tay vợ kéo vào theo. Không như mọi lần, con chó của Hans hít hít và hi quấy đuôi. Hôm nay nó tỏ ra đặc biệt quý mến vợ chồng tôi. Rối rít, tít mù, nó xô tôi rõ mạnh và kêu lên chìn chít rồi cầm chặt ống quần tôi kéo đi. Tôi giạt mình. Linh cm mách bo cho tôi rằng, có việc gì đó đã xy ra với Hans rồi. Thế mà con người ta vẫn cứ hy vọng. Tôi nhón nhác đo mắt tìm khắp vườn, hy vọng, có thể từ đâu đó, Hans sẽ hiện ra. Không! Khu vườn đông mênh mông, trắng lạnh, im ắng đến ghê người. Hai chúng tôi chạy như bay theo con chó. Tôi hi mừng, khi thoáng nhìn thấy bóng Hans đang ngồi trên cái ghế bành to cũ (mà chỉ hắn được sử dụng) ni gốc thông già. Có lẽ lại sưa rồi! Tôi nghĩ vậy, khi nhìn loáng thoáng thêm chai rượu trên cái bàn nhỏ trước mặt Hans. Mừng quá, tôi gọi: “Hans! Hans!”.

Hắn không trả lời.

Hans im lặng.

Cả khu vườn đầy tuyết trắng xóa, im lặng. Chỉ có tiếng vọng của tôi, nhòe vang, như từ cõi xa xăm nào run run dội về. Và, tiếng con chó trung thành của người bạn già. Nó, phủ phục dưới chân Hans, cái lưỡi đỏ thè dài liếm liếm mãi chiếc giày to, đen, nhàu cũ, đăm đăm đôi mắt đầy

lệ và thi thong chu lên thm thiết.

Vợ tôi gần như khuy xuống. Cô ấy run rẩy, trĩu nặng níu chặt lấy tôi và nện ngào nước mắt hai hàng gọi: “óì trời ơi! Anh Hans í!”.

Tôi rùng mình.

Hans đã chết!

Hắn ngồi đờng bệ trong cái ghế sồi như hôm nào. Trên vai, giờ đây có đám tuyết trắng phau không tan. Tay trái Hans đặt lên ngai ghế. Tay phải đặt trên bàn, cạnh chiếc máy điện thoại luôn phủ đầy bụi mà Hans rất ít dùng. Chai rượu đang dở có lớp băng đóng cứng ngoài vỏ dè góc một tờ giấy nhỏ. Tờ giấy mà ngày nào vợ tôi ghi nguệch ngoạc trên đó số điện thoại của gia đình tôi.

Tôi hét lên: “Hans! Hans!”.

Người bạn già của chúng tôi ngàn thu thình lặng. Thân xác như tạc cứng bằng một nguyên liệu nào đó. Đôi mắt anh chẳng còn sinh khí, giờ đây trũng trũng nhìn, như cố tìm gì trong cõi vô định; như tìm gì, dù điều ấy tưởng như mong manh, vô nh, vô hình, song anh và chỉ anh biết rõ; như Hans còn sống, đang nhìn rõ mảnh vườn vô vàn thân yêu của dòng họ Anh. Những cây ăn qu cổ thụ, những luống hoa tươi đậm thắm, không gian ngập hương trên thm cỏ xanh mát như nhung tri... Tất cả, tất cả... Có bao tiếng chim ngọt ngào, thanh bình, riu rít mùa nào và hàng sồi già đứng sát chân rào, bữa trước đến thăm anh còn rực rỡ chói sáng trong chiều đông, những trng lá đỏ ói...

* * *

Bây giờ vợ chồng chúng tôi đã chuyển sang khu nhà mới. Nhà mới, các thiết bị đều là thứ sn xuất Model cho thập kỉ tới. Rất sạch sẽ và tiện dụng. Chỗ nào cũng thm tho và sáng choang. Song mỗi lần, khi vịn nước cho vợ tôi ngâm mình, trong làn hi nước bốc lên mù mịt, tôi đều chợt nhớ tới người bạn già của chúng tôi: Hans, Hấn!

Tưởng như Hấn ngồi đó, trong cái bồn bằng gỗ sồi dày và văng vẳng tiếng anh:

-Tắm thế này mới là tắm!

Nước Đức, 12- 97

Chú thích

1- Maedchen: Người con gái chưa chồng, trẻ.

2-Thợ khách: Từ dùng trong nhiều văn bn của Đức chỉ số VN sang Đức từ thời D D R, lao động theo hiệp định và được quyền ở lại hợp pháp.

3-Scheisse: Một lời đê mê tục tĩu, người lịch sự không nói từ này.

Phụ đính :

Vườn Maria

Vườn Maria nằm giữa khu nhà vườn mênh mông. Đây là nơi chính quyền DDR đã quy hoạch, chia cho công nhân các nhà máy xung quanh, làm khu vườn nghỉ cuối tuần. Để tới đó, tôi phải đạp xe hai chục phút. Vòng vèo trên con đường rải đá dăm màu nâu, men theo dải rừng thông xanh, vòng qua cái đầm rộng, ngọn đồi thấp trồng đầy sồi và bạch dương, tôi đến một nơi hoàn toàn tĩnh mịch. Một không gian khác hẳn, cách biệt hẳn với sự ồn ào, bụi bặm, đê mê cũng như ngày, của thị trấn công nghiệp, nơi tôi đang làm việc.

Bấy giờ đang vào xuân. Cơ man loài hoa đủ sắc màu, tươi thắm nở sau hàng rào thưa. Những tràng tuy líp đỏ thắm, như những ngọn lửa nhỏ, lung linh, huyền ảo. Thấp thoáng trong các lô vườn, tôi nhìn thấy nhiều ngôi nhà xinh xắn, đủ kiểu dáng, nép bên những tán cây. Đang mùa hoa kết trái, cả không gian như được ướp hương. Thỉnh thoảng, một cơn gió nhẹ chợt tới, cuốn ra cơ man nào những cánh hoa mỏng phớt hồng, phớt tím, bay la đà. Nom tựa hồ như một đàn bướm khổng lồ vờn rờn trong nắng vàng, trong tiếng líu lo không nghỉ của chim chóc các loại. Vợ chồng Maria chờ sẵn tôi trong vườn. Dưới tàn cây, trên thảm cỏ xanh biếc được cắt tỉa công phu, họ trải sẵn tấm khăn màu sắc sỡ. Chai rượu vang đặt bên đấm cốc, đĩa đã bày. Kệ bên, kê cái giá nướng. Than củi phừng phực cháy và những xiên thịt đã bắt đầu tỏa mùi thơm phức. Tôi trao cho Maria một gói quà nhỏ như thông lệ ở đây. Vợ chồng Maria tươi cười kéo tôi ngồi xuống thảm cỏ mịn.

Chúng tôi nói dăm câu thăm hỏi xã giao. Sau đó, trong khi chờ Maria nướng thịt và xúc xích, chồng Maria mời tôi đi thăm khắp khu vườn rộng tới mấy ngàn mét vuông của họ.

Trong vườn, anh đào đã lác đác vài chùm tím. Từng dãy dài táo và lê hồng rực màu hoa, báo hiệu một mùa quả bội thu. Rất nhiều cây ăn quả, với những cái tên nghe lạ hoắc. Chúng tôi dừng lại trước một nhà kính nhỏ. Chồng Maria chỉ cho tôi xem những luống xu hào, cái bắp, hành tây mỏng mỏng và đấm cà chua leo đầy những trái quả mũm mĩm, rồi nói : " Cậu không thể tưởng tượng ra buổi đầu tiên chúng tôi đến nhận mảnh vườn này đâu ! Khắp mặt đất toàn gạch vụn và mảnh bom. Cứ rời khỏi nhà máy là chúng tôi đến đây để dọn vườn. Công việc kéo dài tới hai ba năm, mọi sự mới tạm ổn. Chúng tôi chờ đi cơ man nào gạch vụn, lại mua rất nhiều mùn tro đổ lên mặt đất cần cháy để có mảnh vườn trồng màu mỡ như ngày hôm nay ! ".

Thì ra, khu vực này trước đây là mục tiêu bắn phá của máy bay đồng minh. Bên trái là nhà máy chế tạo phụ tùng xe tăng. Bên phải, cách khu đất không xa là kho quân trang của quân đội phát xít Đức. Giữa vườn, trước kia nghe nói có một biệt thự lớn. " Tất cả sau chiến tranh không có một mầm cây nguyên vẹn ! ".

Tôi ngồi uống rượu vang chất, nghe vợ chồng Maria nhẩn nha kể về những năm tháng xa xăm sau đại chiến. Tôi mừng rỡ, theo lời họ, mặt đất nham nhở, khét lẹt. Những đụn khói âm ỉ và tiếng nổ ùng ục của bom đạn. Từng đoàn người đói khát, rách rưới, kiên nhẫn cầm cổ đào bới, dọn dẹp trên khắp mặt đất, khắp các thành phố hoang tàn, đổ nát...

Tất cả với họ, mọi việc đều qua rồi, để hôm nay tôi được mục kích, khu nhà nghỉ dài tới bốn năm cây số, tươi đẹp như cõi thiên thai nơi hạ giới.

Giọng Maria đều đều trong gió nhẹ, nghe mơ hồ như tiếng vọng từ cõi xa xăm đâu dội về, hoàn toàn không ăn nhập gì với cảnh vật, không khí tuyệt diệu ở nơi đây. Tôi muốn ngã mình xuống cỏ, ngủ một giấc dưới ánh nắng ấm áp, vàng như mặt của mùa xuân...

Từ buổi đó, thỉnh thoảng vào dịp cuối tuần, tôi lại ghé thăm vườn của Maria. Còn gì tuyệt vời hơn, sau một tuần làm việc đến đứt hơi, chúng tôi được nằm dài trên thảm cỏ êm ái. Không phải chui rúc, tù hãm trong khu nhà lắp ghép cao dễ sợ, chúng tôi được thở hít thứ không khí trong sạch, chỉ có mùi thơm của các loài hoa và cỏ ngọt, lắng nghe tiếng líu lo không nghỉ của chim chóc đủ loại và đôi khi ném món xà lát tươi mát, ngọt lịm tự tay Maria vừa cắt trong vườn.

Sau này tôi được biết thêm, công việc vườn tược gần như một đam mê cuốn hút cuộc sống của vợ chồng Maria. Họ không mua ô tô, ít đi nghỉ mát. Dành được đồng nào, cả hai anh chị đều ném vào việc tôn tạo nhà vườn. Theo thời cuộc, họ xây nhà tạm, mắc nước, điện, mua giống má, làm nhà kính và thay đổi nhiều lần những thiết bị làm vườn. Maria có lần nói, ô tô chỉ mang lại tiếng ồn và khói bụi. Sống trong khu nhà cao tầng, với những ô cửa sổ tò vò, chị luôn có cảm giác như bị nhốt. Chỉ có ở vườn mới thực là nghỉ ngơi và thư giãn. Tôi đồng ý với chị như vậy ! Trên thực tế, phải làm việc khi nền công nghiệp hiện đại của châu Âu đang phát triển với tốc độ chóng mặt, thần kinh của chính tôi cũng trở nên rất căng thẳng. Nhà vườn chắc không chỉ là ước mơ của riêng Maria, mà còn là cuộc giải thoát có tính cấp thiết cho con người trong xã hội phát triển này. Chẳng thế mà chồng Maria bảo, hè tới, anh sẽ coi rộng thêm hai phòng nhà vườn. Anh đã đặt mua hệ thống sưởi nước nóng, lắp thêm nhà kính, mở rộng việc trồng rau và hoa trong mùa xuân. Maria hồ hởi hẹn : " Xây xong nhà mới, vợ chồng mình sẽ

chuyển hẳn về đây sống. Mùa đông này, cậu đến đây chơi nhé ! Khi ấy, băng tuyết sẽ phủ trắng khắp nơi. Cây cối, vườn tược dưới ánh nắng mặt trời sẽ toả sáng lấp lánh như dát bạc. Chúng ta không phải đi đâu nghỉ đông hết. Cậu sẽ nằm trên đệm ấm, uống cà phê nóng, ăn bánh ngọt và nhìn ra ngoài trời, ngắm muôn ngàn bông tuyết xóp lững lờ buông rơi ! ".

Hết hè rồi đến thu. Tôi thấp thỏm chờ mùa đông tới để nghiệm xem lời Maria nói thế nào. Rồi mùa đông cũng đến, nhưng mọi việc lại diễn ra không đúng như lời mời tốt đẹp của Maria. Mùa đông đến. Người ta bảo, mùa này năm nay mới lạnh đến thế ! Hai ba tuần liền, tuyết cứ trùng trùng rơi xuống, trắng xoá khắp mặt đất. Nhưng điều ấy không phải là nguyên nhân đảo lộn dự kiến của Maria và tôi. Thời tiết chính trị của nước Đức lên cơn sốt làm lộn phèo tất cả. Bắt đầu là sự kiện đám thanh niên Đông Đức đang du lịch tại Tiệp nhảy vào tị nạn trong sứ quán Tây Đức. Sau đó là những cuộc biểu tình ở Halle, Leipzig... Người ta đồn đại nhiều khả năng xấu có thể xảy ra trên mảnh đất gần bốn chục năm yên bình. Những lời đồn ấy cùng với các cuộc tranh luận chính trị triền miên trên các hệ thống thông tin làm cánh thợ khách Việt Nam chúng tôi lo ngại cho một cuộc hội hương bất ngờ. Tôi và nhiều người Việt khác chẳng có bụng dạ nào mà chơi bời thắm thú. Tôi dùng mọi thời gian rảnh tìm kiếm hàng, gửi về nhà.

Thế rồi, nước Đức phá tan bức tường chia cắt trong đêm giáng sinh. Mọi diễn biến, từ việc thủ tướng Kohl tới diễn thuyết ở Đông Đức, đến việc đổi tiền... đã xảy ra liên tục như trò chơi đô-mi-nô, dẫn tới việc nước Đức thống nhất.

Nước Đức mới với sự ngự trị của đồng Mác Tây Đức kéo theo nhiều đổi thay về kinh tế trên phần đất Đông Đức. Nhà máy chúng tôi dần thợ rồi sau đó đóng cửa. Tôi nằm trong số người thất nghiệp đầu tiên và để kiếm sống, tôi ra đường phố buôn bán qua ngày. Tôi nghe tin, Maria thất nghiệp sau tôi nửa năm. Chẳng bao lâu, tiếp tin chồng Maria thất nghiệp, rồi lại xin được một chân đào đất trên công trường nào đó tận Berlin. Chính vì thế, chúng tôi ít khi gặp nhau như ngày làm cùng một nhà máy. Thỉnh thoảng, Maria có lại chỗ tôi chơi, nhưng không thấy chị nhắc nhở đến việc kiến tạo khu nhà vườn. Sợ Maria buồn, tôi tránh hỏi tới việc ấy, dù đôi khi không khỏi không nghĩ tới. Nhất là những ngày tuyết ngừng rơi, trời trở nên lạnh buốt. Nhìn hàng phong đã trút hết lá, được bao phủ trên cành một lớp băng lấp lánh, trong suốt như pha lê, tôi luôn tự hỏi, bao giờ thì Maria có đủ tiền xây dựng một nhà vườn như dự tính ? Bao giờ, chị nằm trên đệm ấm, mặc mùa đông trôi ngang, cùng chồng nhắm li rượu vang màu thắm đỏ và nhìn ra trời ngắm tuyết bay ?

Thời gian trôi đi hai năm. Một bữa chồng Maria đột ngột đến nhờ tôi giúp đỡ. Anh tới, hớt hải báo tin Maria bị mệt và buồn rầu nói : " Chúng tôi đã có lệnh của toà án trả lại khu nhà vườn cho chủ cũ. Phải dọn dẹp sạch sẽ trong vườn trước khi trao trả ! ". Anh nhờ tôi dùng xe ô tô chuyên chở giúp anh chuyển mấy chuyến đồ từ nhà vườn về khu tập thể.

Thứ bảy, theo lời hẹn, tôi đánh chiếc xe Bus của mình tới khu nhà vườn. Bấy giờ đã cuối hè. Có lẽ do vườn sắp bị trả nên vợ chồng Maria chẳng xén tĩa cỏ nữa. Thảm cỏ không có ai chăm sóc đã mọc dài tới gối. Cái nhà kính mới tu bổ hôm nào, nay bị tháo dỡ dang dở, trơ bộ sườn gầy gò và những tấm kính vỡ. Mấy luống đất đầy rau mơn mớn bữa nọ, ngả màu bạc phếch, lơ thơ còn lại dăm cây cà chua héo rũ. Chỉ có đám cây ăn quả là chẳng biết gì tới những thay đổi của thời cuộc. Táo sắp chín, ngả màu phớt hồng. Trên rặng anh đào còn sót mấy chùm quả tím sậm như những giọt máu. Năm ấy lê sai lắm ! Từng chùm quả mọng nước vít chĩa cả cành. Tôi nhìn đám mận tím rụng đầy mặt đất mà ngỡ ngàng.

Khi tôi đến vườn, chồng Maria đã khuôn gằn hết đồ trong nhà nghỉ ra ngoài hiên. Maria chạy ra đón tôi với nét mặt buồn buồn và thốt nhiên ôm chặt lấy tôi. Khi ấy, tôi chưa hiểu hết những giọt lệ của chị. " Mất mát nào chẳng buồn ! " Tôi ôm lấy Maria và xoa nhẹ bàn tay lên vai chị.

Đồ đạc trong nhà vườn của họ không nhiều. Chỉ hai chuyến Bus là tôi đã giúp họ tổng mọi thứ đến chỗ cần chuyển tới. Tuy thế, đến chiều thì công việc mới tạm ổn. Maria mời tôi dùng cơm tối ngay trong nhà vườn. Vừa ăn Maria vừa kể về cuộc đời của chị.

Cho tận tới khi ấy, tôi mới biết, Maria không phải là người Đức. Maria sinh ra trong một trang trại mà nơi đó bọn phát xít dồn những tù nhân Đông Âu tới làm việc. Chị không biết mặt mẹ. Người ta kể, mẹ chị mất ngay sau khi chị ra đời. Những người nông dân Đức tốt bụng sống

quanh trang trại đã giấu giếm và nuôi dưỡng chị, giúp cho người mẹ tù Bungari xấu số. Sau đó, Hồng quân Xô viết đã tiến qua trang trại và giải thoát những tù nhân. Cha chị vốn là một chiến sĩ chống phát xít nên ông tham gia ngay vào binh đoàn quốc tế tiến về giải phóng Berlin. Hai năm sau, Maria được biết, ông đã hi sinh trong trận chiến cuối cùng. Maria, sau đó được đưa vào trại mồ côi nuôi dưỡng. Đó là những năm tháng nặng nề. Maria kể với nét mặt rất buồn : " Tôi sinh ra trong trại như một người tù, lớn lên trong nhà trẻ mồ côi. Cuộc sống sau chiến tranh rất thiếu thốn và với tôi, mãi mãi là những ám ảnh khủng khiếp. Những ám ảnh trại tù, những ám ảnh của tháng năm không một người thân, theo đuổi tôi. Tôi rất nhớ, thứ bảy và chủ nhật là những ngày đáng sợ nhất. Tôi bám song sắt nhà trẻ nhìn ra ngoài trời. Ấn tượng ấy đọng lại tâm trí ngay cả khi tôi trưởng thành và lấy chồng. Cuộc sống yên bình những năm tháng qua phần nào bào mòn quá khứ ấy. Nhất là từ khi có mảnh vườn này. Tôi cảm thấy cuộc sống dễ thở và tươi sáng ". Maria lau nước mắt : " Suốt mấy chục năm qua tôi luôn mơ ước sẽ cải tạo nhà vườn thành nơi ở tử tế. Tôi coi mảnh đất có khu vườn này như mảnh đất quê hương, xứ sở của tôi. Tôi đã sống và sẽ chết tại đây. Mùa hè cũng như mùa đông, tôi không phải giam hãm trong khu nhà tập thể chật chội và tù túng nữa. Sống hẳn trong nhà vườn, tôi sẽ thực sự quên đi tất cả dĩ vãng. Chúng tôi đã dồn tiền bạc xây cất khu vườn. Tôi hi vọng. Thế mà giờ đây chẳng còn nhà vườn nào nữa ! ".

Rõ cả rồi ! Tôi đã hình dung ra mọi việc đã xảy ra. Tôi hoàn toàn thấu hiểu, thông cảm cho những giọt nước mắt lăn rớt xuống từ đôi mắt mở to đầy đau khổ của Maria lúc này.

Chúng tôi ngồi im lặng đến chục phút. Sau đó, để phá tan không khí nặng nề, chồng Maria kể cho tôi nghe diễn biến chính của việc chủ cũ trở về đòi lại mảnh đất.

Tôi hình dung qua lời kể, một người đàn bà lạ hoắc, từ phía Tây thành linh đến. Với tờ khế ước đất đai đã ó vàng mấy chục năm, bà ta xuất hiện, như một phù thủy có sức mạnh tuyệt đối, phá tan cõi mơ yên bình, giản dị, chân chính của người bạn tôi. " Mọi sự kiện của bốn mươi năm trên đồng Đức đã chẳng còn ý nghĩa gì nữa ! ". Chồng Maria nhấn nhó nói tiếp : " Luật pháp là luật pháp mà ! Người ta không thèm tính toán gì tới công sức của vợ chồng tôi bấy lâu nay. Tay luật sư đại diện cho bà ta còn nói rằng, những rặng cây, luống hoa cũng trồng không đúng trật tự cũ. Lão ta cho hay, bà chủ dự tính, sẽ xây lại biệt thự theo đúng vị trí thửa xưa. Như vậy, họ sẽ đốn hầu hết những cây ăn quả trong vườn ! Ông bà quả thực có nhiều công sức để trồng đám cây này ! Nhưng tương lai, nó không còn ý nghĩa gì với bà chủ nữa. Nhất là khi biệt thự được xây cất ! Chúng tôi còn chưa tính tiền công thuê đốn hạ cây đâu nhé ! Tốn vô khối thời gian và tiền bạc đấy ! Tay luật sư đã nhấn tâm nói với tôi như thế ! Đấy cậu xem ! Gần hết cả đời người chăm chút cho mảnh vườn này, vậy mà giờ đây ! ".

" Thế họ không bồi thường gì à ? ", tôi hỏi. " Đó là một việc hết sức tế nhị ! ". Chồng Maria nói tiếp : " Thực ra luật pháp mới không quy định việc bồi hoàn cho những người được chính quyền DDR cấp đất vườn. Nhưng chính quyền mới cũng không muốn xảy ra sự kiện tụng rắc rối. Họ khuyến cáo một sự bồi hoàn nào đó, giữa hai bên tự nguyện thoả thuận. Thường là để nhanh chóng lấy lại đất, các chủ cũ đều bồi hoàn ít nhiều. Nhưng cậu tính đi ! Ba chục ngàn bạc họ dự kiến sẽ bồi thường. Với nó, chúng tôi sẽ mua được cái gì ? Một mảnh đất khoảng hai ba trăm mét vuông, trơ trụi không một bóng cây, bây giờ cũng đến hai ba trăm ngàn DM rồi ! ". Tôi rời nhà vườn Maria mà không nói được lời an ủi. Có an ủi cũng vô ích khi tôi tự mình đặt vào cảnh huống ấy. " Nhưng vẫn cần phải đòi tiền ! ". Tôi nói với họ câu nói duy nhất khi chia tay và thực sự cầu mong họ mau chóng nhận được tiền. Vớt vát được ít nào hay ít đó ! Họ đều có tuổi rồi. Vả lại, Maria đang thất nghiệp, chẳng khoẻ mạnh gì cho cam. Tôi nghĩ vậy.

Suốt cả tuần ấy tôi hồi hộp chờ cú điện thoại của Maria báo tin đã nhận được tiền. Chồng chị đã bảo, đầu tuần, bà chủ cũ sẽ đến xem vườn lần cuối và họ sẽ làm biên bản bàn giao tiền. Vậy mà, đến cuối tuần Maria vẫn chưa điện tới. Sốt ruột cho bè bạn, tôi lấy xe phóng lại nhà Maria. Cả hai vợ chồng Maria đều không có nhà. Có thể họ ở vườn ! Tôi suy đoán rồi chạy xe tới khu nhà nghỉ.

Đúng như tôi dự tính. Vợ chồng Maria đều có mặt tại đó.

Trong đám bụi mùn cửa mù mịt, chồng Maria nhể nhãi mồ hôi đang dùng máy cưa bằm nhỏ bộ

xương của nhà kính. Lưới cửa thép quay tít, phăm phăm cắt ngọt những thanh gỗ vừa mới sơn hôm nào. Tiếng lưới thép sắc lẹm chém vào gỗ, rít lên từng hồi chát chúa, nhức nhối, phá tan bầu không gian vốn tĩnh lặng, thanh bình của khu vườn.

Thấy tôi đến, Maria lau vội tay lên tạp dề chạy ra đón tận cổng.

Không nén được tò mò, tôi hỏi ngay Maria việc đền bù của chủ cũ. Nghe thế, chồng Maria ngừng tay xếp củi. Anh kéo tôi ra giữa vườn và chỉ vào hai mô đá mọc đầy rêu nhỏ trên đất khoảng hai chục phân nói : " Nhẽ ra mọi việc đều xong cả rồi, nhưng còn vườn hòn đá chết tiết này. Ngay phút đầu tiên tới đây, bà ta đã nhong nhong đi khắp vườn và tìm ra những mô đá này. Bà ta sấm soi, nghiêng ngó, vạch vôi rồi nói rằng, chỗ này, ngày xưa có đặt ba hòn đá. Hòn đá của ông nội tôi, của bố tôi và hòn đá thứ ba của tôi. Hòn đá thứ ba của tôi đâu ? Bà ta đã đưa ra những câu hỏi mà khi đó tôi không sao hiểu nổi ". Chồng Maria mặt đỏ gay, không hiểu vì nắng hay vì giận dữ. Tôi kéo anh ngồi xuống một cái ghế rồi bình tĩnh hỏi chuyện.

Thì ra, theo lời bà chủ cũ, từ cái thửa tít mù khơi nào đó, cứ mỗi thế hệ ở đây sinh ra, người chủ gia đình, trong ngày sinh nhật đầu tiên của con mình đã đặt một hòn đá. Hòn đá thứ ba, hòn đá của bà ta, đặt trong một ngày nào đó từ thập kỉ xa lắc, giờ đây không còn nữa.

" Điều ấy, cái hòn đá chết tiết có thật hay không, tôi không hề được biết. Còn hiện tại thì bà ta kiên quyết không giao đủ số tiền ba chục ngàn nữa. Tôi trừ của anh chị một chục ngàn ! Bà ta đã kiên quyết nói vậy. Chúng tôi cũng thề thốt và nói hết lời rằng, chúng tôi không hề đào hòn đá to như thế mà khuân đi được. Nhưng bà chủ không tin, càng tỏ ra giận dữ. Bà bảo tôi, các anh đã phá hoại nó, đánh mất nó ! Đây là biểu tượng duy nhất của tôi đã hiện hữu tại đây và tôi mong chờ bao nhiêu năm để gặp lại kỉ vật ấy. Vậy thì nó ở đâu ? Cả chúng tôi và bà ta đều cãi vã trước mặt tay luật sư, làm gã ta cũng ngó ra, chẳng hiểu đầu cua tai nheo ra sao cả ". Chồng Maria vò đầu bứt tai nói với tôi.

Tôi đến sát hai mô đá nhô trên mặt đất. Trông chúng chẳng khác gì những hòn đá bình thường mà người ta dùng để làm móng nhà cổ. Loại đá trắng này, tôi đã nhìn thấy nó rất nhiều dưới những bức tượng bị dỡ bỏ, trong vườn hoa trước cửa nhà máy chúng tôi, khi nước Đức thống nhất. Tôi cúi xuống. Hai hòn đá gần như giống nhau, mỗi chiều không đầy bốn chục phân. Thật ra khi đó, tôi cũng không rõ hư thực ra sao cả. Tôi gắng hỏi chồng Maria : " Thái độ của bà chủ đất khi nói về hòn đá, có đáng tin cậy không ? ". Hiểu ý tôi, chồng Maria thật thà nói : " Bà ấy kể về kỉ vật của bà với một vẻ rất xúc động. Có thể trước đây đúng là có hòn đá như vậy. Nhưng ai biết được bây giờ nó ở đâu ? Chiến tranh đã tàn phá tan hoang cả nước Đức ! Đến ngôi biệt thự nhỏ của bà ta cũng chẳng còn, nói chi tới một hòn đá ! Chẳng nhẽ những người dân đồng Đức chúng tôi cũng phải chịu trách nhiệm về mọi sự thay đổi sau chiến tranh ư ? ". " Hay là bây giờ nó còn bị vùi trong lòng đất ? ". Tôi thả một câu vô duyên. Chồng Maria nhún vai yên lặng. Tôi quay lại phía Maria. Từ này đến giờ chị hoàn toàn trầm mặc. Hình như chị đương thả hồn về đâu đó. Tôi nhìn thấy đôi mắt Maria thật buồn. Không hiểu sao, tôi bất chợt nghĩ tới mùa đông sắp đến. Ồ, rồi tuyết lại rơi. Nhưng chị chẳng còn nhà vườn để từ trong đó chiêm ngưỡng mùa đông Âu châu nữa. Tôi tưởng tượng ra cái ô cửa nhà tạp thể như những tổ tò vò. Maria của tôi, đôi bàn tay búa chặt vào song sắt, đôi mắt vô vọng nhìn ra ngoài trời, vô vọng nhìn những bông tuyết lạnh nhẹ nhàng, lặn lẽ rơi ! Bất giác tôi thấy lòng mình buồn vô hạn. Chiều hôm đó, về tới nhà, tôi suy nghĩ rất nhiều. Tôi không sao dập tắt được những hình ảnh đã được nghe kể về cuộc đời của Maria.

Vợ chồng chị với tôi, ngoài tình bạn chân thành suốt mấy năm nay, Maria còn là một đồng nghiệp rất tin cậy của đám thợ Việt Nam chúng tôi trong nhà máy cũ. Bây giờ tôi mới hiểu rõ, vì sao Maria giúp đỡ những người công nhân nước ngoài như cánh Việt Nam và Cuba, tận tâm, tận lực hơn cả những người Đức. Vì sao, khi nghe kể về cuộc chiến tại Việt Nam, chị luôn tỏ ra xúc động, có khi không cầm cả nước mắt. Con người tốt bụng ấy, đã từng lao động quên mình, đã từng đi đầu trong những cuộc biểu tình, ủng hộ tổ quốc tôi, giờ đây không còn mảnh vườn mơ ước nữa. Đến việc nhận tiền cũng bị trắc trở vì một nguyên nhân hết sức vô lý kia. Maria phải nhận được đủ số tiền bồi hoàn ! Tôi phải giúp chị !

Ngay tối hôm đó, tôi đến nhà Maria và tỏ ý định sẽ đến vườn để đào xới tìm hòn đá thứ ba.

Nghe ra, lúc đầu Maria cũng ái ngại lắm, song thấy tôi quá quyết tâm, anh chồng liền trao cho tôi chìa khóa vào vườn.

Thực ra không bao giờ tôi làm một công việc ngớ ngẩn ấy ! Đá nào chẳng là đá ! Tôi nghĩ vậy, và lập tức thuyết phục vợ tôi đến khu vực cửa nhà máy tìm được một hòn đá như ý muốn.

Phải tới hai tiếng đồng hồ, hì hục mãi, hết bầy lại kéo, chúng tôi mới đưa hòn đá khá nặng lên xe và chở tới nhà vườn Maria. Tôi lúi chúi chiếc xe tải nhỏ, khéo léo qua những rặng cây, tới khu vực hai hòn đá lớn. Một giờ đồng hồ nữa trôi qua, rồi chúng tôi cũng chôn được viên đá chìm hẳn xuống lòng đất xốp và lập một hiện trường, như đã thực sự đào xới tìm thấy nó. Xong xuôi, tôi gọi điện cho Maria báo tin rằng, hòn đá chết tiệt của bà chủ bấy lâu nay vẫn nằm trong lòng đất.

Vợ chồng Maria rất ngạc nhiên và mừng rỡ khi nghe tôi báo tin. Tôi hình dung thấy Maria rất phấn khởi qua giọng nói của chị trong điện thoại.

Tôi hy vọng, mọi chuyện sẽ kết thúc như tôi mong muốn. Bà chủ mảnh đất chắc sẽ không thể nào nhận ra hòn đá năm xưa. Maria sẽ nhận đủ tiền bồi thường. Và, vợ chồng chị, trước cũng như sau, chẳng có trách nhiệm gì với hòn đá quái quỷ kia.

Thời gian chờ đợi tin hồi âm của vợ chồng Maria trôi qua rất chậm. Mãi tới cuối tuần, tôi đột ngột nhận được cú điện thoại của Maria. Chị báo tin, mọi việc đã ổn thoả. Gia đình chị, mong muốn tôi đến vườn, với tư cách như một người thân trong nhà họ, chứng kiến việc bàn giao nhà vườn cho chủ cũ.

Cũng cần kể thêm, tôi đã hỏi hộp thế nào, trong buổi gặp gỡ của chúng tôi trên nhà vườn. Nhất là, khi tay luật sư, một gã cao lớn, có bộ mặt nhăn nhui phô cái quai hàm banh ra như gọt từ sắt thép, cứ nhìn xoáy mãi vào hòn đá thứ ba. Hòn đá do tôi tìm thấy nằm lơ lơ giữa khoảng đất nhàm nhở.

Thật hú vía, may mà hòn đá chẳng biết nói ! Tôi thở phào khi tay luật sư rút máy điện thoại, báo cho người chủ cũ từ khách sạn gần đó, có thể đến ngay vườn.

Người chủ cũ tới nhận vườn. Đó là một người đàn bà hơn bảy tám chục tuổi, già quắt như cây muồng khô, từ trên xe Mercedes lộng lẫy bước xuống. Bà như ngọn gió mong manh, lướt qua mặt vợ chồng Maria, lướt qua những hàng cây ăn quả, qua luống hoa hồng còn nhiều bông rục rở, gần như đổ sụp xuống mặt đất, ôm chầm lấy tảng đá thứ ba, nói trong nức nở :

— Trời ơi ! hơn bốn chục năm nay, tao mới được nhìn thấy mày !

Cũng chỉ cách bà ta vài bước chân, Maria của tôi méo máo, dở khóc, dở cười, tay cầm tờ biên bản và chiếc séc ba chục ngàn từ tay luật sư lạnh lùng.

Trong giây phút cuối cùng nơi nhà vườn ấy, tôi chợt cảm giác, mình như một nhân chứng hết sức trở trêu của cuộc sống. Tôi vòng nhanh ra cổng vườn .

Khi ngang qua ngôi nhà trống hoác của Maria, tay luật sư đã tới đó từ lúc nào. Gã quay ra nhìn vồ vào mặt tôi và đột nhiên nháy cặp mắt ranh mãnh, tùm tùm cười. Cái nhìn và điệu bộ ấy dường như có ý bảo : " Này anh bạn ! Tôi biết tổng cái trò của chú mày rồi. Cái trò ấy, chỉ có thể qua mắt được mấy bà già kia thôi ! " .

Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt của gã.

Lúc ấy, tôi muốn quát to lên rằng, tôi chẳng có một trò chơi nào bí ỏi cả. Tôi đã lấy lại mười ngàn cho Maria. Ta cũng mang lại cho các người kĩ vật, hòn đá mà thật ra, chính các người đã đánh mất nó, hủy diệt nó, bằng sự hoang phí thời gian một cách tàn nhẫn và biết bao điều dối lừa !

Nhưng tôi im lặng. Có điều gì đó nghèn nghẹn, không thể cất thành lời.

Nước Đức, 1-1999

Phố cũ

Tôi tên là Hương. Năm qua, tôi tròn mười sáu tuổi.

Tôi là đứa con gái nhan sắc bình thường, học bình thường, hạnh kiểm bình thường. Tôi không có tài lẻ như bè bạn cùng lứa. Ví dụ như con Diệp, quê Thành Nam, đã xinh lại nói chuyện có duyên và viết hai truyện ngắn được đăng trên báo Hoa Học Trò, như thằng Trình mũi đỏ, người làng Cổ Nhuế, nhảy Disco rất giỏi, lại có giọng hát mơn man hết siêu sao Lam Trường, để khỏi đứa con gái ngấm nó đăm đăm! Tôi bình thường! Một cô gái bình thường ở phố Hàng Đào, nhưng không hề xúc cảm với giọng hát như thế. Tôi tự đánh giá như vậy, cách đây ba năm, từ khi 13 tuổi.

Tuổi mười ba, hồi ấy, khi người ta từ con trẻ vụt biến thành thiếu nữ, buộc phải soi gương nhiều hơn trong tuần và bắt đầu lơ mơ ý thức nghiêm túc hơn về mình. Theo tôi, đấy là một ngày đặc biệt! Một ngày như dấu mốc loang đỏ, mờ đóng lên làn da trắng muốt của người con gái. Thú thực, ban đầu tôi rất sợ hãi, bất ngờ về sự kiện này. Cả ngày chờ mẹ, lòng dạ bồng rập. Hết như khi ta xem phim, thấy người nung đỏ sắt, xèo xèo đóng vào bắp thịt con vật sắp cho xuất xưởng. Tôi chỉ trấn an được khi mẹ tôi trở về. Đúng hơn là khi nói rõ niềm kinh sợ ấy và cảm thấy đỡ sợ khi mẹ ôm tôi vào lòng, lúc da thịt bà còn sực mùi ngan và hành tỏi. Bà bảo: "Trời sinh ra như vậy! Con đừng sợ!" Nói rồi bà lại ôm chặt tôi hơn. Khi ấy, tôi không hiểu được, vì sao mắt mẹ tôi vừa chột long lanh như hoan đón điều gì, lại vụt tắt và, bà khóc. Mãi cho tới sau này, khi tôi đã qua tuổi mười sáu, trải qua bao sự kiện, tôi mới dần nhận ra ý nghĩa của những cử chỉ ấy. Nó là niềm hoan lạc của mẹ thấy con mình đã lớn, là sự lo lắng của mẹ trước bước đi vào đời của con, của kiếp người, như mẹ tôi đã trải qua: "Đời làm đàn bà dẫu có hạnh phúc nhưng vất vả lắm con ạ!"

Tôi tin ở bà, như tất cả những đứa trẻ tin ở mẹ. Lại nữa là, theo thời gian, việc ấy đều đặn trong từng tháng. Với lại trong nhà, mẹ tôi là người có tri thức nhất, dù cha tôi hơn mẹ tôi những bốn tuổi. Ông từng có bốn năm chiến đấu ngoài mặt trận. Sự từng trải ở chiến trường, trong rừng, những câu chuyện của ông giữa đạn bom, giờ đây theo mẹ tôi chẳng còn hữu dụng. Tính cả là ông đã hai lần bị thương, tôi vẫn đánh giá mẹ tôi cao hơn. Hơn nữa, học lực cha tôi chỉ hết 10, mẹ tôi học vấn đại học sư phạm. Đáng nói hơn nữa, sự sống của bà thực kiên nhẫn, quyết liệt, từ khi phải đứng mũi chịu sào, lo toan cho bốn miệng ăn. Điều ấy hiển nhiên, cha tôi cũng công nhận. Nhất là, khi đồng lương không đủ sống, buộc bỏ nghề dạy học, mẹ trở thành bà bán bún ngan khi bà nội tôi mất. "Không thể để mất nơi kinh doanh đã nhiều đời nay, nơi kiếm nòi cơm miếng thịt của cả nhà ta!" Bà nội trời trắng. Vàng, từ đó mẹ tôi kế tục nghề bà tôi. Còn cha, hưu trí một cục, trở thành người phụ giúp. Ông trông giữ xe máy của thực khách khi mẹ tôi chan, xóc bún, thái, xé, pha và nếm từ bốn giờ sớm tới tận tối mịt, đánh vật với các món thịt chặt và xé, tiết canh, xáo măng, hoàn thành xuất sắc vai trò bà bán bún ngan gia truyền nổi tiếng khắp phố cổ. Điều mẹ nói ra, là sự trấn an tôi, nhưng biểu lộ lo lắng của bà cũng là sự dự báo để tôi có thể, dù lơ mơ, nhận ra điều tất yếu phải tới. Điều ấy, dẫu là không rõ ràng, còn bao hàm một sự bí mật nào đó, để tôi suy nghĩ và chột lóe lên một câu hỏi, rằng tại sao tôi không phải đàn ông để thoát khỏi sự đau khổ mà chỉ đàn bà gánh chịu? Và cũng từ đó, tôi tự cấm tiết tôi tắm trường cùng với thằng Tâm mới 12 tuổi cùng nhà.

Nó ở tận cùng xóm, phòng cạnh cái hồ xí thùng, người luôn ám mùi ẩm thấp rất khó tả. Nó rất tệ. Hình như cứ chờ lúc tôi đi tắm là chạy ra cầm cái xô vục nước hối hủ, làm tôi không thể kết thúc nhanh công việc vệ sinh, giặt, tắm. Tệ hơn nữa, nó cứ nhảy tưng tưng, nhơn nhơn cạnh bể nước để con cu nó cũng tưng tưng bật theo, cố ý dùng cái lò xo ấy vẩy nước bừa bãi vào tôi. Sự phản ứng của tôi, bắt nguồn từ ý thức biết mình là đàn bà chứ không xuất phát từ một cảm giác nào trước hành vi của thằng oắt Tâm. Bởi vì hình hài của nó chẳng hề làm tôi suy

ngĩ. Nó quá quen thuộc với tôi từ bao năm nay. Cũng như khi tất cả mọi người trong xóm nhìn thấy mẹ tôi cũng tắm ở đó. Cái quần đen ướt nhượt kéo lên ngang ngực, nước trắng xóa òa òa xối xuống, không che hết đôi cặp vú còn mẩy, ngần như ngó cần của bà. Điều ấy, cũng tự nhiên giống như cha tôi và nhiều người đàn ông cũng tắm ở đó. Sự tự nhiên của cả xóm, đôi khi, ông mặc quần đùi trắng tắm thì cũng giống như không mặc gì. Thậm chí họ, khi đã là đàn ông, được quyền tự nhiên thay quần giữa ánh thiên thanh. Họ chả thèm quay mặt đi. Tự nhiên kì, móc, dội nước qua cặp chun quần đùi được kéo rộng ra. Tự nhiên gãi xoàn xoạt tới mức tiếng gãi vọng lên cả cửa sổ tôi ngồi học.

Sự hồn nhiên sống của cả xóm tôi như vậy làm tôi không thể trách giận thằng Tâm. Điều ấy cũng giống như bọn con Hoài, con Thư, con Linh trong ngõ cứ thơ thới cặp đùi nơi bể nước. Những cặp đùi cong, gầy hay mũm mĩm của chúng, vẫn là đùi vé của thiếu nữ. Sự hồn nhiên sống của cả xóm để cho chú Minh Kha, người có quày sửa đồng hồ ở lối vào, nói: “Việc quái gì phải đi Đồ Sơn để ngắm vú, ngắm đùi!” Thú thực, ban đầu tôi không tin lời thằng Tâm, rằng chính chú Minh Kha nói câu ấy. Bởi vì, lúc vắng khách, có lần chú còn đọc cho tôi nghe nhiều câu thơ, mà chú khoe đấy là Dòng thi ca mạnh dạn cách tân. Tôi không tin, tâm hồn của một thi sỹ lại chứa chấp lời lẽ dung tục như vậy. Tâm hồn của người đã để ra những câu như: “Hồn phố liêu xiêu/ Em đi/ vàng bên đọi...” Nhưng một lần chú lại đọc: chúng tôi đây một loài thi sỹ/ yêu bằng thơ, ấy bậy bằng mồm, thì tôi hiểu, thằng Tâm không nói ngoa. Và, những điều đại loại như thế, cùng năm tháng chung đụng, quen thuộc quá, để không ai bận tâm về các hình ảnh như trên. Tôi nhắc lại, nơi bể tắm, nó là chỗ duy nhất, nơi có luồng sáng duy nhất, trong ngôi nhà như cái ống dài ngoẵng của chúng tôi, chứa 13 căn hộ. Thứ ánh sáng thực sự là ánh sáng, khác hẳn các gian phòng, hốc hẻm, nơi hơn sáu chục người chui rúc, luôn có thứ ánh sáng nhập nhoạng, nhơm nhớp. Ngày chẳng ra ngày, đêm chẳng ra đêm ! Vàng, tôi chỉ đáng khiếm nhường và không có điều gì tự hào, dẫu là tôi đã ý thức mình là thiếu nữ.

Nhưng con người ta nhất quyết phải có điều gì để mà sỹ diện. Giống như hiệu đồng hồ trước ngõ, tuy quày hàng chỉ nửa mét và hàng hóa, đồ lẻ, công xưởng trói gọn trong lồng kính cũng hãnh diện đề chữ hiệu: Minh Kha chữa đồng hồ gia truyền. (Tôi xin mách, rằng chú vừa khoe hai loại cạc vi sít. Một, in dòng chữ Minh Kha chữa đồng hồ gia truyền. Hai, đề: thi sỹ tự do Minh Kha. Sao cái thứ hai không đề Minh Kha thi sỹ gia truyền? Như thế hợp lí hơn, vì nghe nói, bố chú ngày xưa chuyên bốc mộ dưới Văn Điển, cũng làm thơ!) Bên kia đường có hiệu đồ Nữ trang gia truyền. Cũng như hôm nào đó, cha tôi lẳng lẳng lấy sơn đen bôi lên tường ngõ hẹp bên kia đường, nơi mẹ tôi bán bún ngan dòng chữ: Bún ngan gia truyền! Phố cổ gia truyền, hàng quán gia truyền! Cả nước bằng hiệu gia truyền lây lan như bệnh cúm không có nước tôi nào chữa trị. Niềm tự hào tưởng như vĩnh cửu, bây giờ có dịp mọc tóe lên hết năm tháng ba.

Chính vì thế, tôi nhất quyết tìm ra sự tự hào ở bên ngoài bản thân tôi ra. Đó là lòng kiêu hãnh của đứa con Hà Nội, về nơi tôi sinh ra, lớn lên. Mới tuần vừa qua đây, tôi đã thể hiện điều ấy trong trại hè lần thứ nhất của học sinh trường tôi tại Huế. Một thằng con trai kém tôi những hai tuổi, từ miền Nam ra - tuy nó để đầu ngôi giữa và nhuộm một nhúm tóc vàng, nhưng với lũ con gái lớp 11A chúng tôi thì nó còn thò lò mũi xanh lắm - đã phải trợn mắt khi nghe tôi kể về khu phố và ngôi nhà tôi ở. Tất nhiên tôi không thể kể với nó tất cả. Tôi nói với nó, rằng Hà Nội có ba sáu phố phường là điều ai cũng biết. Tôi bảo nó, rằng chị ở sống trong Phố Cổ, nhà chị trong Phố Cổ, bốn năm đời nhà chị ở Phố Cổ. “Vậy chị là người Hà Nội gốc?” Nó hỏi. ừ, chị là người Hà Nội gốc! Tôi vênh mặt lên, thổi phù lợn tóc vương trên trán. Thực ra, khi trả lời câu hỏi ấy, tôi có nghĩ tới ngôi nhà hình ống của chúng tôi. Nhưng không nên nói kỹ về ngôi nhà, vì thằng ngôi giữa ấy chưa từng sống, không thể hình dung nổi! Và lại, tốt đẹp phô phang, xấu xa đậy điệm, chả nhẽ lại kể cả về cái chuồng xí công cộng cạnh nhà thằng oắt con Tâm. Cái chuồng xí luôn rỉ từ vách tường ra thứ nước đen tanh lờm lờm và chàn chặt đám bọt lỏm nhổm trên nền xi

măng vào ngày quá nóng hay mưa nhiều! Tôi kể cho nó nghe về khu phố nướm nướp người đi. Dãy phố hàng hóa như nêm cối! Đường phố đầy những biển hiệu, quảng cáo lấp màu, lấp tấm kính trong như pha lê, mà bất cứ người nhà quê nào lên đây cũng phải đặt chân tới, dù họ chẳng mua bán gì ở đó. Nó hiện diện trong tâm tưởng của người Hà Nội chúng tôi, bên những địa danh quen thuộc như Bờ Hồ, cầu Thê Húc, Ô Quan Chưởng, cầu Long Biên, chợ Đồng Xuân hay đại loại cái gì đó thuộc về lịch sử cổ kính của Hà Nội.

Thú thực, khi đó tôi chợt nhớ tới gian phòng của mình. Tôi nhớ tới cái ống nước cụt ở ngay trên nóc nhà tôi. Cái ống nước ấy không hiểu sao lại sứt trên nóc nhà và bị cụt. Theo như cha tôi dự đoán, ngôi nhà này đã được sửa chữa rất nhiều lần và bị chia cắt thành nhiều nhà nhỏ qua nhiều thay đổi của lịch sử, thời gian. Đoạn ống nước ấy có thể dẫn tới buồng tắm nào đó của quá khứ chẳng? Còn hiện tại, tôi đã nhìn thấy rất nhiều lú ra chuột nhô đầu ra ở ống cụt. Chúng ban đầu thì rụt rè. Sau thấy tôi không có gì đe dọa, lại bỏ cơm nguội cho chúng ăn ngay trên sàn gỗ, chúng lập tức kéo ra một đàn. Những con chuột mượt lông và những con chuột lù xù sơ xác. Có một lần, còn rơi ra ba bốn con chuột còn đồ hỏn. Tôi đoán, đó là nơi cư trú một tập đoàn chuột, một dòng họ chuột. Ngay đêm ấy, tôi nằm mơ tới được sống trong nhà mình, hít thở thứ không khí mười sáu năm qua, để lúc tỉnh dậy, chợt muốn quay về lập tức với mẹ. Trong giấc mơ, tôi đã mơ thấy cái phòng duy nhất của gia đình tôi. Cái phòng xưa lát gỗ đen nhánh, rộng gần chín mét vuông. Thời mở cửa, người ta thi nhau lên tầng và sửa nhà, cha tôi đã thuê thợ tháo gỗ ra bán và lát trên sườn gỗ, vữa những viên đá hoa mát lạnh. Tiền bán gỗ, lát đá thừa ra, mua đủ nửa cái tủ lạnh cũ. Mẹ tôi bù tiền. Tủ đem về không biết kê vào đâu. Cha tôi dùng cái ròng rọc treo tủ lạnh lên cao, sứt nóc nhà và mỗi khi cần lấy tiết đánh tiết canh, các thứ đồ ướp, gia giảm của món “bún ngan gia truyền”, lại phải hạ tủ xuống bằng ròng rọc. Khi đó, nhà tôi vang lên tiếng rín rít của những bánh xe khô dầu. Tôi nhận ra, đúng ba giờ chiều, khu nhà tôi yên tĩnh tới có thể nghe thấy tiếng bước chân rón rén của bà già mù cũng tên Hương, sống ở tầng nóc nhà tôi. Mỗi khi muốn lên đây, tôi phải vòng sang ngõ hẹp bên cạnh, chui qua cái cửa rất thấp và người ta đồn rằng, đó là cái lỗ mà tự vệ thủ đô đã đục thông các nhà để gìn giữ từng mét đất Hà Nội.

Rồi ngày nào cũng vậy, đúng ba giờ gì đó, tôi nghe tiếng nước chảy lóc róc. Có một lần, tôi đã chạy thốc tháo sang nhà bà già mù ấy để nhận ra, tiếng róc róc nhất gừng kia, phát lên khi bà trong tư thế lưng cong, chân dạng ra, hơi cúi xuống, đứng ở chỗ hiên chia ra chừng hai gang. Cạnh đó, chỗ bà khom khom lưng, chú Long đặt hai cái bếp dầu. Mặc dầu không nhìn rõ tất cả, tôi đoán bà đang làm việc gì và cảm thấy xấu hổ vô cùng. Tôi đã khám phá ra tiếng nước bí mật kia! Sau đó, tôi vẫn không hề thiếu tôn trọng bà. Trong ngôi nhà này, ngoài mẹ tôi ra, bà Hương mù lòa ấy hiểu và yêu thương tôi nhất. Bằng chứng là tôi còn tấm ảnh bà bế tôi hồi bé xíu, và tới tận hôm nay, vẫn ôm ấp, vuốt ve tôi mà kể về khu phố khi còn cha mẹ bà. Một khu phố hiền lành, yên tĩnh không chật hẹp như hôm nay và đầy những món ăn tuy không biến gia truyền nhưng nhiều cảm dỗ của người Tàu. Bà mù nhưng khéo. Bà lấy bột nếp rây nhỏ, hòa nước, tráng bánh rồi phơi trên cái nóc nhà sát bên cửa sổ. Lúc trời se se, lành lạnh, bà sai tôi quạt hồng than trong cái hộp sắt cũ có in hình bà đầm Pháp. Bà gọi nó là bánh Mị Châu. Bánh Mị Châu dẻo, lại trong trắng. Khi có hơi than nóng, chợt phồng lớn bất ngờ và có sắc hồng phớt như khuôn mặt thiếu nữ đang xuân. Nó thơm tinh khiết, để lại vị ngọt hậu rất lâu trong họng. Nhất là khi nhấm nó, chiêu một ngụm nước với ướp hoa cúc vàng, hãm sẵn trong chiếc ấm tích cổ của bà. Tôi ngồi ăn bánh Mị Châu để bà lần sờ bàn tay trên da mặt tôi: “Cháu bà xinh ra rồi đấy!” Xinh ra rồi đấy! Nghe lời khen, tôi bỗng hít vào thật mạnh và thở ra. Tôi cảm thấy đôi vú như quả cau của tôi cũng thở hít và ngửa ngửa đung vào làn áo mỏng.

Sau đây, bà lần tới bên cửa sổ, với cái thanh tre già nâu màu thời gian, kê lên đùi làm phách và hát. Tôi không thích lắm điệu hát ấy. Lũ con gái chúng tôi thuộc lòng bài hát If you had my love (1) nhanh hơn tất cả các bài hát của bà Hương. Nhưng tôi vẫn nhận ra bà Hương có giọng hay

và rất rõ lời. Đôi khi bà Hương không hát. Bà lấy cái máy nhạc cũ bỏ băng cassette vào rồi lim dim đôi mắt lòa để thưởng thức “giọng ca của cụ Quách Thị Hồ, người ca nữ còn sót lại, độc nhất vô nhị!” ấy là theo lời bà Hương. Tôi không hiểu Thời Quân Thượng Thiếu (2) có ý nghĩa thế nào. Cũng không hề biết thưởng thức, bà Hồ hát hay tới đâu cho bà Hương vẫn ngen ngào mỗi lần nghe lại. Một bữa, trong tiếng mưa giọt giọt rơi trên mái tôn, trong khí lạnh chầm chậm như sương khói lùa qua khe cửa chiều đông, bà Hương bật băng nhạc ấy lên và hỏi: “Cháu có nghe thấy gì ở trên cao không?” Không! Tôi nói. Cháu không nghe thấy ư? Đâu phải tiếng hát bình thường. Chỉ có bốn nhạc khí và ba người thổi mà là cả dàn thanh âm giao nhau của trời đất đấy! Tôi lắng nghe lời có đoạn: Đàn ai một tiếng Dương Tranh (3), chỉ thấy nao nao. Nhưng bà Hương cứ nhất quyết bảo, rằng đó là tiếng thần nữ từ cao thăm thăm dội tới. Có thật không, ở gian nhà thoáng thoáng hơi rêu ẩm mốc của bà? Tôi không hiểu thứ nhạc cổ ấy lắm. Tôi tìm đọc sách báo thấy người ta viết, đó là thứ nhạc nhã xa lông, quý tộc! Quý tộc nào? Bà Hương là người dân dã. Mà nếu có thứ nghệ thuật cho mọi đẳng cấp thì tất là siêu cao rồi. Lại nữa, tôi thêm tin điều bà Hương tin, khi nhìn vào đôi mắt như hai lỗ đé của bà Hương. Hai lỗ đé khô khốc, giờ đây vắt ứa ra hai giọt trong vắt. Và có phải chẳng vì thế, sau lần ấy, khi nghe lại vài lần bài hát bà Hương yêu quý, tôi cảm nhận có điều gì đó, dấu là sự cảm nhận còn mơ hồ, lửng lơ, trong tiếng đàn nhún nháy, đôi khi dấm dẳng hòa với tiếng dồn của sênh, của phách rộn rã, là tiếng cao hơn, nhẹ hơn, đầy đặn hơn, tiếng hát rất tròn trịa rõ ràng của bà ca kĩ đệ nhất. Tôi cũng nhắm mắt. Lim dim. Mãi rồi cũng tưởng ra non nót trên cao lắm có thanh âm rộn ràng nào đó làm tôi lắng đọng bay lên, bay lên cao vút...

Từ đó, tôi cho là, những làn điệu cổ xưa kia không hề chứa đựng nỗi sầu thảm. Nó chứa chất điều gì, cất giấu, mang linh hồn nào đó, xa lác trên cao của riêng bà, thế hệ bà. Những cảm xúc ấy không chỉ từ lời ca, làn điệu của đàn, phách và xênh, nó dường như cộng hưởng, thăng hoa bởi tiếng rơi chỉ tôi nghe thấy. Khi những giọt nhựa trong suốt tự hai lỗ đé kia vắt ra, rớt nhanh, thấm vào sàn gỗ. Có lẽ hai năm năm vừa qua, sàn gỗ nhà bà đen hơn bởi những giọt nhựa ấy chăng? Tôi cũng không thể cất nghĩa nổi, rằng vì sao tôi có tất cả cảm giác như vậy. Khi ấy, miếng bánh Mì Châu ướt thêm nước miếng và nước vối hoa cúc ngọt hơn chăng?

Tôi còn nhớ, có lần bà nói: “Tên Hương là khổ lắm. Bà mong cháu lớn lên không khổ”. Bà khổ thì rõ ràng rồi, vì bà mù lòa. Mẹ tôi bảo, hai năm nay bà Hương già vẫn như thế. Ông Hương mất từ lâu rồi. Bà ở vậy với chú Long và khi chú lấy vợ thì cả hai vợ chồng vẫn ngủ chung với bà trên cái sàn gỗ rộng khoảng tám mét vuông. Vợ chồng chú Long không có con. Có lần tôi hỏi: “Cô Tuyết có thích trẻ con không?” Cô ấy cười bí hiểm. Bà Hương nghe rõ tôi hỏi mà chẳng bảo gì. Lát sau, ghé vào tai tôi thì thầm: “Bà mong có cháu bé lắm. Nó cũng muốn có con nhưng sợ bà nằm chật! Khốn nạn! Chật một tẹo có sao đâu! Rộng lòng còn hơn rộng nhà, rộng cửa!” Như vậy mà tôi vẫn thích leo lên nhà đó vào những đêm đông suốt mướt. Mưa lạnh canh gỗ lên tám tôn chia bên cửa sổ trông xuống bể tắm. Tôi lên. Gõ vào tấm ván trên đầu rồi gọi: vừng ơi mở cửa ra. Số là bà còn ba người con gái nữa. Cô Diệp, cô Hà và cô Huyền út ít. Gian phòng ấy không đủ chỗ ngủ cho năm mạng người! Cho sáu mạng người từ khi chú Long lấy vợ. Chiều cao của gian phòng không đủ làm cái gác xép. Ông Hương, ngày còn sống, đã đục xẻ hai bên tường, làm hai rãnh để đỡ những tấm ván tạo một gác lửng cơ động chỉ hình thành vào đêm. Mỗi khi người cuối cùng về muộn, muốn chui lên đấy, phải gõ vào một tấm ván và người bên trên tháo nó ra, rồi lại đóng nó lại, mới đủ chỗ cho người thứ ba.

Tôi chen giữa các cô. ép thân như nèn cá. Để đôi vú còn săn chắc của họ cọ vào lưng. Nghe bà Hương rì rầm nói vọng lên trong bóng tối. Rằng chúng mày cứ béo trương xác ra để chật chội nóng nực thế này! Rằng có chó nào nó lấy cho ế xứng ế xĩa! Tôi biết đấy là khi gian nhà bỗng nóng lên cả trong mùa đông và tôi vội tháo tấm ván chui xuống nằm bên bà, mong bà trở lại hiền hòa như ban ngày và lần mò trong đêm, dúi vào tay tôi miếng kẹo gừng cay cay giòn giòn rồi bà nói: “Tao đưa con Hương một thằng Trọng Thủy để mày ngậm kỉ tan, rồi xéo ngay

khỏi đây cho rộng chỗ!” Những khi ấy, tôi ôm riết bộ xương còm cõi của bà. Tôi biết, bà vì duyên có khác mà mắng yêu tôi. Bà hôn với vợ chồng chú Long. Trong đêm, cô Tuyết, vợ chú ngủ quá say, đã lăn sang đè đứt cả giây màn của bà. Muối vo ve bay vào cả đàn, đốt đỏ cổ chân bà. Tất nhiên là tôi không khóc khi vuốt ve chỗ muối đốt vào sớm hôm sau, lúc bà bôi dấm lên đám nốt đỏ đỏ li ti. Tôi cũng không giận cô ấy. Thậm chí cảm thấy thương khi bà Hương giận cô. Thật vậy, người ta có phải gia súc đâu mà không thấy khó chịu, cứ phải chen chúc giữa những chiếc màn sàn sạt!

Tháng mười một. Mẹ tôi ốm. Tội quá, mẹ tôi ở nhà không ra chợ, vẫn tham công tiếc việc, ngồi mạng lại đôi tất nâu cho cha tôi. Mưa dầm dứt không ngừng rơi và mặt trời lờ mờ ửng ửng giấu mình trong những đám mây xám nặng nề trôi ngang thành phố. Gánh bún ngan của mẹ tôi không dám ngừng hoạt động vì sợ mất khách. Cha tôi đành mượn cô Công từ làng Lũ ra trợ sức. Tất nhiên, mẹ tôi vẫn phải gượng dậy, tra tra, ném ném nổi xáo. Tất nhiên, không chỉ là nước dùng hay thịt mềm hay cứng. Còn cả kỹ nghệ chan rượu, làm nóng, xóc bún thế nào, ngâm ớt, ướp tỏi, đánh gừng và pha chế nước chấm ngay trên thực địa, tùy theo khẩu vị quen thuộc của từng mặt khách ra sao. Điều ấy chỉ có mẹ tôi là thuộc lòng. Tất nhiên, vì thế mà mới có hai ngày đã khối người bỏ đi hàng khác. Tôi phụ giúp cha tôi rửa bát và chỉ chỗ cho khách để xe máy. Việc đang tồi đi như thế thì may sao mẹ tôi gượng dậy, nhưng không bán muộn như trước.

Thứ bảy. Tám giờ tối. Tôi tới nhà con Vân Hàng Trống mượn vở ghi bài tập vật lý. Tôi rất thích ngôi nhà của Vân. Không phải nó rộng rãi, lại vừa lắp hai tấm kính sáng choang thay cánh cửa gỗ cũ kỹ. Sự thích thú của tôi từ hồi còn được bên cha nó. Nhìn người đàn ông có bộ râu đen pha bạc dài tới ngang ngực, bồi bồi, phết phết trong xưởng nhỏ sau nhà, in trên những mảnh giấy mịn, mỏng tang, nhiều bức tranh ngộ nghĩnh. Nơi đấy, từ khi cha nó mất, vắng lặng như nhà mồ. Hai đứa cười rúc rích và bật nhạc nghe choang choang cũng chả ảnh hưởng tới ai. Bảo yên tĩnh như nhà mồ cũng không quá lắm, vì chẳng ai nói tới đó, chúng tôi ngồi học giữa những đồng khuôn tranh không nói của cha nó để lại. Những bộ khuôn từ khi chủ mất đi không còn sơn mực, khô đi và dần phủ lớp bụi dày. Nhiều tấm dựng sát tường. Mỗi khi mất điện, âm bản khắc gỗ hắt lên màu và khối rất kỳ ảo, rập rờn trong ánh nến. Những người và thú như ở cõi nào chập chờn hiện về!

Hôm nay nhà Vân không vui. Ông anh nó đòi bán bộ cổ tập khác gỗ ấy để mua một con A Còng(4). Nhưng mẹ Vân dứt khoát không nghe. “Bây giờ còn có kẻ cần và người ta ở tận Pháp về xin chết mà mẹ không bán đi thì mất cơ hội đấy!” “Tao để đấy chả thôi được! Mà không muốn làm nghề cha mày thì cứ mặc xác nó đấy, cho cha mày yên lành dưới đó!” “Mẹ tưởng sau này, con cháu nó quay lại cái nghề cổ lỗ sĩ ấy à?” Yên lặng một lát, lại nghe: “Rồi chính phủ sẽ có ngày phải mang lọng tới rước những bộ ván này!” “Hực, hực!” Có tiếng cười gằn. “Rước vào mắt! Người ta bỏ cả vài tỉ ra trùng tu ngõ Cẩm Chỉ và biến thành Phố Cổ ẩm thực và khối kẻ vì thế mà có tiền. Hỏi ai đầu tư vài trăm triệu mua bộ ván mực này?” “Kệ đấy! Tao van mày! Mày cho tao và những tấm gỗ được yên!” “Mẹ bảo thủ lắm! Con không làm! Con con sẽ không làm! Cháu con sẽ không làm cái nghề chẳng bao giờ đủ ăn ấy của cha!” Con Vân tiến tới ra ngõ rơm rơm nước mắt. Nó bảo, sao cái đồng ván khắc ấy không biến mất đi sau một đêm? Năm nào cũng vài thằng chỉ trở mang vài lão tây tới hỏi đồng ván đen đúa xam xám ấy. Năm nào mẹ tao và anh ấy cũng cãi vã như vậy.

Buổi tối. Phố phường quanh khu tôi vẫn nhộn nhịp như ban ngày tới khuya. Tôi buồn. Tôi vòng qua phố Lương Văn Can, vòng qua hai ba cái phố nhỏ mà chẳng biết đi đâu. Thực chất, những phố phường của chúng tôi chẳng còn làng nghề, trừ phố Lò Rèn và Hàng Bạc. Thời gian đã, đang làm thay đổi bao điều theo nhịp sống mới. Đang suy nghĩ miên man tôi chợt thấy bóng cha tôi vội vã rẽ vào một ngách nhỏ. Tôi gọi giật giọng nhưng có thể tiếng tôi nhỏ nên

ông không nghe thấy. Không hiểu sao khi ấy tôi bước theo ông. Ngõ quanh quéo lăm lổ. Tại đây, không hề có ai quen biết của gia đình tôi. Vậy ông đi đâu? Tới cái ngõ cụt, những nóc nhà liên tiếp vẩy cá, mờ mờ trong sương khói bảng lảng. Tôi hồi hộp tiến vào sau cánh cửa, nơi ông vừa biến vào. Ai đã nói với tôi, đây có ba bốn phòng trọ? Tôi vừa định quay về thì từ cánh cửa sổ bên trái vọng ra tiếng nói quen thuộc của cha tôi. Tôi dừng lại. Cửa rất kín. Bên trái, trên cao có lỗ thông khí. Tôi tìm thấy chiếc ghế thấp bên hiên, kê dưới cái lỗ, bước lên kiễng chân nhìn. Tôi lờ mờ thấy chỉ hai nửa thân người trần truồng nhấp nhòm. Tôi thụt xuống tim đập nhanh. Sự tò mò lại thôi thúc tôi kiễng lên một lần nữa. Lần này, họ đã xoay đi hướng khác. Góc nhìn hẹp, chỉ thấy bốn bàn chân ngọ nguậy liên tục dưới ánh sáng cây đèn ngủ hắt trúng vào đó. Tôi cố mở to mắt. Trời ơi, đây là đôi chân mang đôi tất có vết mạng khác màu của cha tôi. Tôi cố kiễng lên. Không thể nhòm lẩn được! Chính xác đôi tất tự tay mẹ tôi đã mạng, bằng chỉ khác màu, hôm mẹ nằm ốm ở nhà. Tôi bỏ chạy. Tôi khóc nức nở suốt dọc đường về, tận khi leo tới gác, ngã vào lòng mẹ.

Sự việc thực khủng khiếp! Những hình tượng tử tế, vụng về, chân chất nhưng thân thuộc tới đẹp đẽ của cha tôi hoàn toàn đổ sụp. Tôi nức nở, đứt đoạn kể cho mẹ tôi toàn bộ những điều trông thấy. Thú thực, khi đó tôi không chỉ ghê tởm mà còn căm thù cha tôi. Lòng căm thù người này có thể xuất phát từ tình yêu đối với kẻ khác và đó là một điều giản đơn. Tôi được mẹ lau sạch mặt sau khi để tôi khóc no nê và khi tôi ngược lên, lại thấy khuôn mặt bà vô cảm, hóa đá! Câu chuyện có thể gây lên cú sốc rất lớn với người vợ khác và họ thường quác âm lên như ngỗng, giống cô Yên đánh ghen năm ngoái trong xóm tôi.

Bây giờ, tôi đã có thể hiểu được những lý do tạo nên khuôn mặt đá ấy. “Mẹ thương con gái lắm!” Ngoài ra, bà không có biểu hiện, một tẹo nào tỏ ra tự thương lấy bà. Giá như bà khóc! Đôi mắt đẹp của mẹ tôi chẳng hề một giọt lệ. Nó xa xôi, mơ hồ, mênh mông, khó hiểu. Dường như câu chuyện của tôi không mấy may làm bà cảm thấy đường đột. Có nghĩa là bà đã biết được tất cả chẳng? Tôi ngạc nhiên hơn nữa khi sau đó, bà lầm nhảm, rằng cha tôi còn rất yêu mẹ. Rằng, mẹ còn rất yêu... Tại sao như vậy? Tôi gặng. Mẹ tôi cứ xoa mái tóc của tôi suốt mà không hề nói rõ thêm một chút nào. Tôi đau đớn ngạc nhiên lau nước mắt ngược lên nhìn bà. Suýt nữa tôi chuyển sang căm thù cả trạng thái ấy của mẹ tôi nữa, nếu tôi không nghe và đếm từng tiếng chân quen thuộc của cha tôi, 13 bước, lên nhà. Ông vô tư oang oang cười, nói, tởn tấy như con chó nhà con Xim đầu ngách, nhảy lên chơi chơi, sửa vang, sau khi thỏa mãn no nê những miếng xương ngan mẹ tôi thấy cho. Chỉ khi thấy hai mẹ con yên lặng, nhìn ông lạ lẫm, ông mới tên tò nằm xẹp bên góc nhà để nhường chỗ mọi khi của hai chúng tôi.

Đêm ấy, khuya lắm, tôi chợt thức dậy khi nghe tiếng khóc. Sờ sang, thấy bên tôi trống trơn và nhận ra ảnh hình lờ mờ của mẹ tôi trong vòng tay của cha tôi sát mép tường bên kia. “Để con biết chuyện này, anh có lỗi!” Tiếng khóc bị lên giờ rức lên. Tôi hé mắt. Hình như cha tôi xiết chặt mẹ tôi hơn. “Anh càng thương em!” Giọng cha tôi nghiền nghệt. Yên lặng. Tôi cảm giác lơ mơ thân xác mẹ tôi rung lên trong tiếng nấc, trong vòng tay nhập nhoạng, những hình khối chuyển động rất chậm, cuồn cuộn của cha tôi. “Hãy tha thứ cho anh!” Tiếng cha tôi trầm nhẹ, thì thào. “Yên nào, kéo con lại thứ!” Khi ấy, rõ ràng mẹ quay mặt sang tôi. Tôi nhận ra, trong màn đen, nổi lên hai con mắt mở to, trắng, đen, thăm thẳm, loang loáng, có lẽ còn ngập tràn nước mắt, nhờ ánh sáng từ vòm trời đầy sao phản chiếu từ khe cửa. Tôi muốn khóc thành tiếng mà không thể được. Cổ họng tôi chèn cứng một cục đá và nước mắt tôi cứ chan hòa ướt đầm cả gối. Lát sau có tiếng rung nhẹ của sàn. Mẹ tôi bước qua tôi và nằm đứng ở vị trí như hồi tối. Bà vòng tay qua ôm người tôi. Tôi rất sợ bà sờ lên mặt tôi hay đụng vào gối đã ướt nhèm. Tôi trả vờ nói mơ và xoay mình tránh vòng tay của bà.

Đêm. Lặng. Có tiếng rinh rích của bầy chuột trên đoạn ống nước cụt. Bây giờ bật đèn, nhìn lên sẽ thấy cả đàn, cả họ chúng nó kéo ra. Chuột có hôn hít loạn si như con người không? Sớm hôm sau. Vẫn như một sớm bình thường. Mẹ tôi dậy từ bốn giờ và gánh bún ngan sang

bên ngõ khi bảy giờ. Cha tôi thức lúc sáu giờ thì phải. Một ngày bình thường của chúng tôi lại bắt đầu. Tôi đi học mà chẳng nghe được điều gì. Chiều về, tôi một mình lần mò trong phòng nhỏ. Tôi thấy nhói thương cho bọn chuột khi nhận ra có những con chuột thân hình vừa khít với cái ống nước nhỏ xíu. Tôi xuống cầu thang. Lần đầu tiên, tôi có cảm giác ghê sợ cái nhóp nhép của tay vịn, đã mười sáu năm nay chưa bao giờ, chưa khi nào có cảm giác ấy. Tôi nhìn, thấy ghê tởm thứ ánh sáng nhập nhòa, ngày không ra ngày, đêm chẳng ra đêm. Đi qua bể tắm, thẳng nhóc Tâm cười khoe choét như mọi lần và bắt đầu ra dáng chờ tôi. Tôi soi nó không chớp mắt. Tôi quay mặt đi, dù khi ấy nó còn mặc nguyên cả áo quần. “Tao ghê tởm cả mày và tao!” Tôi thốt lên và đi ra phố.

Tôi ra Bờ Hồ. Có thể tôi phải học thực giỏi hay đại loại kiếm một công việc nào đó nhiều tiền để rời xa ngôi nhà này? Phải rời xa nó thôi vì tôi không thể gia truyền bán bún ngan như mẹ tôi và cam nhẫn sống với một tình yêu khủng khiếp như vậy. Tôi vào thang máy lên tháp Cá Mập, gọi một li cà phê đắng ngắt. Có thể một người con gái Hà Nội bắt đầu sa đọa từ li nước đắng này hay không? Tôi muốn đập phá. Tôi muốn gào thét. Tôi muốn thứ nhạc thật loạn, điệu Ráp hay tiếng võ, nghiền, va đập nào đó có thể nghiền vụn, xé tan tất cả các mạch máu của tôi. Tôi khóc. Trời sắp có giông, từ tầng cao có tia sét chớp nháng, rọi sáng xanh cả trời và sấm. Gió mát nổi lên. Tự nhiên tôi nhớ tới bà Hương. Không! Tôi không thể sa đọa, phản bội thành phố này. Hình như bắt đầu từ đêm qua tôi nhìn rõ hơn về nó. Nhìn rõ hơn từ chính những điều quen thuộc, thân yêu nhất trong chính ngôi nhà của tôi. Tôi khóc âm lặng. Mây lại dần quang đi. Hồ Gươm hiện ra phẳng như một tấm gương khổng lồ dưới kia. Gió mơn man trên làn da con gái, già 16 tuổi của tôi. Sương tơ giăng, bắt đầu lan ra, trùm lên dáng liêu xiêu của trăm ngàn ngôi nhà. Từ trên cao, nhìn xuyên màn đêm mà tưởng thấy: con người lúc nhúc chuyển dịch trong nó bé như những con bọ. Nói thực, khi ấy tôi đã không vì hèn nhát mà khóc.

Cuối tháng sáu, bà Hương mất đột ngột. Chú Long bảo, hình như bà biết trước. “Không biết trước sao mẹ tôi sai con Huyền đun một nồi nước lá thơm. Tắm xong bà lên giường nằm rồi đi”. Tôi đã nghe lỏm khi chú kể vậy với mẹ tôi. Tôi nhìn vào chiếc quan tài bằng gỗ sơn đỏ chót, có những con rồng vàng nhe răng ngoặm lấy quả cầu đỏ. Nếu bà Hương sống lại? Tôi tưởng tượng thấy bà bước ra khỏi quan tài, sờ sẫm đi về góc nhà. Thấy bà hát, thấy móm mém cười và trao cho tôi chiếc bánh Mì Nương, cái kẹo đắng Trọng Thủy. Khi đấy, lũ con gái của bà, cô Diệp quá thì, Cô Hà già lú, kéo về đâu một đống những tay đàn nhị, kèn, sáo và họ ngồi chật ngoài rạp bắt đầu chơi thứ nhạc bắt chước tiếng khóc leo leo của cô Huyền út ít, thông minh và ngoan nhất nhà đang ngồi bên quan tài mẹ. Tiếng nhạc ma bay trượt lên quan tài, loang trên khắp mặt phố, cố cắt đứt những dòng suy nghĩ của tôi. “Sống đâu đên chết kèn trống cháu ạ!” Chú Long nói với tôi khi thấy tôi nhăn mặt. Tôi nhắm mắt lại, cố gắng hắt văng tiếng khóc trả vờ của kèn sáo kia...

Sớm đưa bà Hương, người ta không thể khênh quan tài xuống theo cái ngõ quá hẹp, lấm vòng gập. Quan tài được đưa qua cửa sổ, qua nóc nhà bên và từ đó hạ xuống mặt đất bằng ròng rọc. Tôi đứng dưới đường hồi hộp nhìn lên. Mặt trời sáng chói đúng vào hướng quan tài thả xuống. Không nhìn thấy giây ròng rọc buông quan tài vì ngược sáng. Chỉ thấy lơ lửng chiếc quan tài đỏ chói, vẽ con rồng ngậm cầu đỏ, chao xuống mặt đất như bay chậm. Quan tài bà hồng rực lên trong nắng, chầm chầm trôi xuống mặt phố, hết như con vật nào màu đỏ đang tiếp đất. Lúc hạ, hàng chục người dân phố vươn bao nhiêu cánh tay gầy guộc, gân guốc đỡ lấy con vật đỏ như vệt mọng ra mấy chục cái chân.

Tôi theo bà tới tận Bờ Hồ. Tiễn biệt, trời trở nên quang trắng long lanh, phất chuyển gió, xanh thẳm như bầu trời của mùa thu. Tôi nhớ bà có lần nói: “Bà tuổi rồng. Cháu tuổi rồng. Những con rồng Hương! Bà mong con rồng Hương nhỏ hạnh phúc!” Người ta có linh hồn không? Nếu có linh hồn thì linh hồn bà có phải đáng rồng mà bay đi không? Con rồng mang linh hồn bà liệu

không mù lòa như khi bà còn sống để được nhìn thành phố và phố cổ, nhìn lại một lần ngôi nhà của chúng tôi không? Còn thành phố, còn khu phố, còn ngôi nhà hình ống của chúng tôi, chúng có linh hồn không? Và nếu có, chúng mang hình hài nào trong mười hai con vật?

Tôi trở về nhà. Người ta cũng chỉ tranh thủ đưa tang bà để tiếp tục nhao ra phố, kịp đua tranh kiếm sống trên các đường phố luôn ù ù điên loạn như trong một cối xay gió khổng lồ. Chẳng còn ai ở nhà. Tôi lắng nghe. Không còn gì nữa! Tôi rờ tay lên mặt sàn đá nhẵn, nơi bố và mẹ tôi nằm. Tôi thấy mồ hôi nhà lan lạnh trên những ngón tay của tôi. Tôi chợt nhớ tới phiên bản bức tranh Phố Phái, định gửi cho cái thằng tóc chẻ ngôi giữa. Tôi lấy bút xóa đi dòng chữ hôm trước tôi ghi: Phố Cổ. Tôi yên lặng nửa giờ để cảm nhận lại toàn bộ mọi sự kiện. Tính tháng, tôi đã hơn mười sáu tuổi. Tôi nắn nót viết hai chữ rất đẹp Phố Cũ thay lên dòng chữ Phố Cổ. Chiều. Tôi ra bưu điện gửi bức tranh cho thằng bạn. Lòng nhẹ như vừa nhảy qua một con suối rộng. Tháng tám năm sau, mẹ tôi vui vẻ báo cho cả nhà, sẽ dọn tiền để mua một căn hộ nơi chung cư mới xây ở ngoại thành.

Tháng tám. Đêm ấy mẹ tôi thì thầm nói với cha tôi:

-Vợ chú Long vô sinh rồi. Lớn tuổi quá, chai dạ con, bây giờ muốn sinh một mụn con mà chẳng được!

Vết sẹo

Bạn hãy hình dung, có hai vòng tròn đặt bên nhau. Chỗ tiếp giáp chính là một lối thông cho khách đi chợ qua lại. Lối rộng chừng sáu chục mét, dài khoảng năm chục mét. Giữa lối có một vòm cây xòe tán. Mùa xuân, cây rộ hoa màu tím. Hương đưa thơm mát.

Chợ Teltow, thuộc Potsdam, một chợ phiên ngoài trời có hình dáng như vậy. Bãi rộng hình tròn lớn. tới phiên, có hơn bảy chục quầy bán hàng rong các loại hàng hóa. Một siêu thị tổng hợp nhỏ ngoài trời. Trên vòng tròn nhỏ hơn, chủ chợ bố trí nhiều quầy ăn uống. Cái sân khấu rộng, nơi trình diễn văn nghệ dân tộc, lọt giữa vô số bụi hoa Forsythia vàng rực.

Vợ chồng tôi hành nghề bán quần áo rong. Tiếng Đức gọi là Reisegewebe. Trước Tết một tháng, chợ mở phiên cả thứ bảy và chủ nhật. Chúng tôi được chủ chợ xếp chỗ đứng dưới tán cây nói trên. Vị trí ấy đón lộng khách đi lại giữa hai khu chợ, thuận lợi cho việc bán hàng. Nhưng vì cạnh đường đi lối lại, rất tấp nập, nên chủ chợ không cho chúng tôi đặt hai cái giá treo quần áo trước quầy hàng. Tôi phải ép chúng vào sát hai bên hông quầy hàng, rất khuất mắt. Buổi sáng ấy, như hằng năm, từ tờ mờ sáng tôi đánh xe vào vị trí triển khai quầy hàng. Bên phải tôi, năm trước có gã người Thổ chuyên đứng bán bóng bay. Những quả bóng to, nhỏ đủ màu sắc được thổi căng khí trợ bay lơ lửng, vui mắt trên một cái bàn nhỏ. Và vì thế tôi được gã cho lấn sân. Tôi thường bày chiếc giá bán quần áo nghênh ngang sát quầy gã. Năm nay, chỗ ấy, một cái xe Rơ-mooc, có thùng màu trắng toát đứng lù lù. Chiếc còng kéo xe sát phía phải quầy hàng tôi. Hãy hình dung, dưới cái tán cây đầy hoa báo xuân ấy, hai quầy hàng vuông góc với nhau.

Nhìn quanh quất, tôi bảo vợ dựng hai cái giá quần áo ở vị trí cạnh còng xe.

Trời sáng dần. Chúng tôi đã dựng xong cái ô 12 mét vuông. Hai cái bàn rộng, dài đã được bày đủ quần áo các loại. Vợ chồng tôi dỡ quần áo mẫu trên chiếc xe Bus, và bắt đầu ngoắc lên hai cái giá dài nói trên. Vừa khi đó cửa xe Mooc bật mở. Ánh sáng từ trong thùng xe òa ra chói mắt. Tôi nhìn ngược sáng, chỉ thấy một bóng người thấp đậm hiện ra trong ô cửa. Cái mũ cao bồi của gã làm tôi thoáng nghĩ tới những phim Mỹ.

- Chào buổi sáng! Tôi lên tiếng.

Người đàn ông thoát nhảy xuống mặt đất và đáp lại lời chào. Gã đi một vòng chung quang hai cái giá của tôi. Khi đó mặt trời hửng lên rất nhanh. Tôi nghĩ ngay đến việc gã không cho tôi để hai cái giá ở vị trí của gã. Tôi cảm thấy tiếc là đã không xin phép gã từ trước. Tôi im lặng chờ gã lên tiếng.

Người chủ xe Mooc ấy không phản ứng ngay như tôi nghĩ. Gã lấy từ đâu ra hai lá cờ Mỹ cắm lên hai cái ống hàn sẵn bên thành xe. Một cái bạt rộng được tung ra, treo bên trái cửa xe Mooc. Tôi nhận ra, không rõ ràng lắm, vô khối những huy hiệu, kỷ niệm chương đính trên miếng bạt rộng.

Bấy giờ gã đột ngột lên tiếng. Đại ý, gã không tán thành cho tôi để hai cái giá nơi càng xe, vị trí của gã đã mua của chủ chợ.

Sống ở châu Âu nhiều năm, nghe kiểu nói, tôi hiểu rằng, khó có thể xin xỏ điều gì, thay đổi ngay sự phản ứng của con người kia, dù cái giá của tôi không che lấp tấm bạt của gã. Với lại, mình trái lè. Tôi quay lại nói với vợ, di chuyển ngay hai cái giá ép sát bên quầy hàng chúng tôi.

Công việc chuẩn bị bán hàng của chúng tôi và bao quầy hàng khác vẫn tiếp tục và đến khoảng bảy tám giờ gì đó đã loáng thoáng có người mua hàng vào chợ.

Xong việc chuẩn bị hàng hóa, tôi đi mua hai ly cà-fê, về đã thấy chủ xe Mooc đứng trước quầy hàng của gã. Tôi cất giọng: "Anh đã dọn xong hàng rồi à?".

- Ổn rồi! - Gã trả lời.

Chúng tôi nói chuyện với nhau về thời tiết, về sự ế ẩm của vụ hè vừa qua v.v... Thì ra, gã cũng tỏ ra hay chuyện, không khó tính, lạnh lùng như một số người khác. Gã kể, gã thường bán hàng ở Tây Đức, đây là lần đầu tiên sang bên phía Đông bán hàng. Thực ra tôi nói tiếng Đức rất tồi. Nhưng cái tai tôi lại thính. Vả lại sống ở Đức mãi, tôi cũng phân biệt được giọng nói nào là giọng Đức chính cống. Gã nói tiếng Đức xuya. Nhưng âm ngữ chổng chảnh của gã làm tôi ngờ ngợ, gã không phải là người Đức. Như vậy có thể thay đổi tình thế về việc cái giá. Vì những người lang bạt kỳ hồ thường dễ thông cảm với nhau lắm! Tôi nghĩ vậy và đánh bạo hỏi: "Hình như anh không phải là người Đức?".

Gã dương đôi mắt màu tro nhìn tôi hơi ngạc nhiên rồi bảo: "Phải rồi! Tôi là người Mỹ!".

Tôi giật mình. Người Mỹ!

- Anh ở đâu tới? Korea, China? Gã hỏi.

- Tôi là người Việt Nam.

Việt Nam! Gã đột ngột nhắc lại từ ấy và tiến sát gần tôi. "Hue... Danang... Hue... Hue!". Gã nói nhanh mấy từ ngọng nghịu như vậy.

Phải nói rằng, khi ấy tôi chưa kịp phản ứng. Vài giây sau, tôi chợt hiểu ra và nhắc lại tên mấy địa danh ấy một cách đúng âm ngữ. Đà Nẵng, Huế... Ja ja! Huế, Đà Nẵng! - Gã cười thoải mái sau khi đọc đúng mấy từ định nói. "Tôi đã ở Việt Nam. Năm 1968. Bùng! Bùng! Chiến tranh!

Mày hiểu không?". Gã nói bằng tiếng Đức.

Tôi hoàn toàn bị bất ngờ. Bất ngờ vì gặp lại một người ngày xưa là kẻ thù của tôi. Sự gặp nhau trên đất Mỹ thì dễ hiểu. Đằng này, chúng tôi gặp nhau trên đất Đức, trong cảnh huống xử người, ở hoàn cảnh như thế!

Chúng tôi nói chuyện với nhau hơn hai chục phút. Thì ra người lính cũ này nhập ngũ năm 1967. Anh sang đóng quân tại Hamburg. 1968, anh bị điều thẳng từ đó qua Guam rồi sang Việt Nam. Anh đã từng ở Huế sáu, bảy tháng gì đó và sau đấy tham gia nhiều đợt tảo thanh, hành quân ở Đà Nẵng. Cuối 1968, anh bị tập kích ở ngay trong căn cứ, trước giờ đi tiền đồn. Một mảnh pháo lớn làm anh trọng thương. Trở về Mỹ, sau khi thoát chết, anh giải ngũ và quay lại Hamburg tìm lại người bạn gái Đức anh yêu khi đóng quân tại đó. Họ nên vợ nên chồng và có một con gái.

Tôi cũng làm anh ngạc nhiên khi tôi kể, tôi đã tham gia chống Mỹ từ năm 1965 tới tận khi chiến tranh kết thúc, 1976. Anh lắc đầu lè lưỡi khi tôi nói tới thời gian đằng đẵng trong chiến tranh của tôi. Ngay sau đó, anh tự kéo hai cái giá của vợ chồng tôi tới sát bên cạnh xe anh. Anh bảo: "Bọn Vici chúng mày khôn quá! Để cái giá ở đây ai cũng trông thấy!".

Tôi có tật hay quên tên người nước ngoài. Tên của anh lại khó đọc; vì vậy từ nay, chúng ta gọi anh là John. Tôi tin là bây giờ, nếu biết, anh cũng không nổi giận tôi; bởi từ chiều hôm ấy, tôi tự nghĩ ra một cái tên như thế để gọi nhau cho dễ. Lúc đầu anh cũng hơi ngạc nhiên. Sau, hiểu ra ý thích và sự đấng trí của tôi anh cũng chấp nhận.

Tôi cũng kể cho bạn biết, chợ Noel là phiên chợ kiếm ăn rất khá. Số lượng bán hàng và tỷ lệ lãi cũng cao nên cả hai chúng tôi phải làm việc quần quật từ sớm tới tám chín giờ tối. Trong mùa Noel ấy, tuy vất vả, tôi vẫn rất vui. Vui vì có tiền. John cũng bán được nhiều hàng. Người đi vào hàng anh rồi quay ra với các thất lưng to bản, cờ Mỹ, huy hiệu, bật lửa Zippo v.v... Và một điều vui nữa là chúng tôi mấy lần rủ nhau đi uống rượu vang khi vắng khách. John để người vợ gầy nhẳng, mỏng như cây tam cúc ở lại trông hàng. Tôi cười, dặn vợ ở lại quán. Chúng tôi có lần khoác tay nhau như hai người bạn cũ, trong muôn vàn bông tuyết bay lất phất, tới cái quán có con lợn quay vàng rộm trên dàn lửa phừng phừng reo, gọi hai cốc vang pha hương liệu nóng rẫy. Thứ rượu này chỉ có trong dịp Noel mới bán.

Có một lần chúng tôi uống khá say. Đó là một ngày sau một tháng quen biết và là thời điểm sắp tàn chợ. Có lẽ đấy là lần duy nhất chúng tôi nhắc tới chiến tranh một cách nghiêm túc. Vài lần trước đó, chúng tôi hay cợt nhả với nhau. Thậm chí còn xưng hô sàm sỡ. Thí dụ, có lần John bảo bọn Vici chúng mày lời lắm, bắn đoàng một cái rồi mất hút trong rừng. Tôi trả miếng, bảo, chúng mày có kém gì. Chúng mày khoác áo mưa vào làng. Bọn tao từ xa đếm, thấy tám thằng. Thực ra, là tám đứa công trên lưng tám thằng vào làng; rồi tám đứa quay ra, để lại tám thằng nằm phục chúng tao vào làng lấy gạo. Lại có lần, bên bàn rượu, trong câu chuyện về chiến tranh, John kéo áo, vạch lưng cho tôi nhìn kỹ một vết sẹo hoắm sâu chạy suốt từ cổ tới tận thất lưng anh. Tôi rùng mình. Tôi cũng chìa cổ tay trái của tôi nơi một vết sẹo đã chuyển thẫm màu bảo, John, chính mày bắn tao ở Tây Nguyên!

Lại nói về lần cuối cùng gặp ấy, chúng tôi đều tỏ ra buồn khi ý thức được rằng, chúng tôi sắp sửa chia tay nhau. Phải chờ đợi một năm! Đột nhiên, John bảo: "Đừng nghĩ về cuộc chiến nữa! Tôi và anh đều là những người không muốn chiến tranh. Hoàn cảnh bây giờ nó thế!". Không hiểu sao tôi bật nhanh ra câu nói: "Nhưng khi ấy tôi chiến đấu cho Tổ quốc tôi!". John trở mắt nhìn. John ơi! Anh không biết rằng, từ khi nhìn rõ vết sẹo hoắm sâu trên lưng anh, tôi thêm một sự ám ảnh khủng khiếp nữa. Tôi muốn nói cho anh ấy, tổ quốc tôi đã chịu bao đau khổ. Biết bao bạn bè của tôi đã chết. Biết bao bà mẹ đã mất những đứa con và chính bản thân tôi đây,

các anh đã bao lần nhằm bắn, tìm, tận diệt. Bao lần tôi thoát hiểm và bao năm rồi, mỗi khi trở trời, trái gió, tôi luôn đau đớn khắp thân xác. Nhưng khi đó, tôi không sao nói ra điều ấy cho John nghe!

Sau vụ chợ Noel năm ấy chúng tôi chia tay. Nhưng ấn tượng về cuộc gặp gỡ kia cứ làm tôi trăn trở. Tôi nhớ đến John, từ dáng điệu, khuôn mặt. Tôi nhớ bữa tuyết rơi trắng trời, John và người vợ gầy khô, đã chạy sang quầy tôi giúp vợ chồng tôi che chắn hàng hóa, chống ướt...

Suốt cả năm trời trôi qua, tôi mong chợ phiên Noel mau tới để gặp John. Rồi Noel cũng về, nhưng không thấy John quay trở lại. Anh ấy giờ bán hàng ở đâu? Anh ấy giờ lang thang nơi nào? Tôi cứ băn khoăn mãi như vậy.

Thời gian trôi đi bốn năm nữa. Tôi bắt đầu quay lại với văn chương, viết truyện và đột xuất trình làng tập thơ *Mảnh vỡ*. Khi công bố tập thơ ấy và truyện ngắn *Một người Đức cho bạn bè ở Đức* đọc, đạo diễn điện ảnh Đức, Stefan Schaefer tới, tìm hiểu và định làm phim về tôi. Trong câu chuyện với Stefan tôi có kể những suy nghĩ của tôi về người lính Mỹ John cho anh ấy nghe.

Tôi không ngờ rằng, Stefan kỹ tính thế. Anh đã đến chợ Teltow gặp chủ chợ để tìm tên thật và địa chỉ của John.

Ngày 25 tháng 10 năm 1998, hôm đó trời rất lạnh. Tôi nghỉ chợ và ở nhà đang sửa lại một chương trong cuốn tiểu thuyết viết dở của tôi thì Stefan gọi điện tới. Bây giờ tôi không còn nhớ chi tiết những gì Stefan đã nói hôm ấy. Tại tôi ù đi khi bạn tôi đột ngột báo tin John đã chết. "Ông có biết là John của ông mất rồi không!... Mất rất đột ngột!... Tôi đến chợ... Anh ta chết trẻ, hình như... hình như,...".

Tôi ngồi lặng hàng giờ trước bàn viết nghĩ về John. Hồi tưởng về người lính Mỹ năm xưa và người bạn hôm nay. Tôi khóc! Ở tuổi anh, John ơi! Ra đi vậy còn trẻ quá! Tôi hình dung khuôn mặt sạm sạm nắng gió của anh nhắc đến những cánh rừng nhiệt đới, những buổi hành quân, bom đạn, chết chóc... John đã ra đi rồi? Con bệnh ở anh bứt đi một cái lá còn xanh.

Tôi đặt bút sửa lại bài thơ *Vết sẹo* viết cho anh.

Ngoài trời tuyết càng về khuya càng dày. Dưới đèn, dãy phố dài trong đêm biến thành một dòng trắng xóa mênh mông lạnh, nhìn chẳng thấy đâu là khởi đầu, đâu là kết thúc.

Hà Nội và Berlin

Xuân, tháng hai Hà Nội

Trước tết, Hà Nội mưa rả rích. Rồi oi, nắng nóng. Không khí lộn chộn như tháng tư ở Đức. Có lẽ vậy nên đào nở sớm. Năm nay được mùa quất hay năm ngoái quất trúng nên dân làm hoa đầu tư nhiều cho quất? Quất vàng ươm đường phố. Người ta chuyên chở quất bông mọi thứ phương tiện. Những cây quất xum xuê quả mọng, được cắt tỉa công phu, gập tiết xuân nồng, rúa lên từ bọc vàng tán quả, loe xoe nõn tơ, lộc biếc. Một cây quất trồng sẵn trong chậu nhỏ cao tới ngang cổ, bông tròn vo, đẹp nõn cũng chỉ sấp xỉ trăm ngàn.

Tôi thả bộ trên chợ hoa quanh khu vườn hoa Hàng Đậu. Hoa đào năm nay không đẹp. Có lẽ bởi sự chất chường của thời tiết, bao cành đào hua hua trên tay người bán, rã rời bông nở toe hoe và héo mòn những nụ còn ngậm cái lạnh tới 8, 10 độ. Hai bố con tôi đi vòng khắp chợ mấy

lược mới tầm được cành nhỏ có hoa nụ chúm chim xuân đào. Cành hoa vừa vện cái gác xếp cha tôi, giá 50 ngàn.

Cái thú chơi hoa của người Hà Nội thay đổi như thời tiết. Năm ngoái, hoa đào cành. Năm nay, hoa đào bứng nguyên cây, đủ dáng kiêu trồng sẵn trong chậu hay còn tơ hơ những bông đất tươi màu phù sa. Thịnh thoảng gặp một người nông dân ngoại thành đi bán đất. Phù sa non bừa ra như miếng thần nạc, gói trong bao bố, quang sọt gánh rao khắp phố cung cấp cho những chậu cây, hoa. Một chậu đất giá năm ngàn. Năm ngàn được gần ba cân thóc. Trước cửa một ngôi nhà cũ kỹ bày hơn chục bát thủy tiên. Người thanh nhả chơi hoa bát thủy tiên! Dừng lại hỏi giá một bát hoa. 120 ngàn! Con gái tôi níu áo bố kéo đi nhanh. Nó bảo, trên chợ hoa đề Nhật Tân chỉ có dăm sáu chục ngàn. Tôi vẫn ngoái cổ lại. Những đọt hoa ngùn ngụt xanh nõn sức xuân như bay lên từ trong bát sứ trắng. Ngồi dăm búp nụ còn xanh trong. Chợt nhớ thửa còn thơ, tôi theo mẹ, sau tết trẩy hội chùa Hai Bà. Hội ấy người ta thường tổ chức thi hoa bát các loại. Hội Hai Bà có sạp dài dành cho các đấu sỹ trung bình tiên(1), có sỏi vật cạnh gốc đa vài chục người ôm, luôn chạt ních người, rộn rịp tiếng trống giục, có khoảng thi hoa trên sân gạch của chùa. Tôi leo đèo theo mẹ, tha thần chơi bên những bàn học trò bày kín bát hoa đủ màu sắc kiêu diễm. Có loài hoa ngâm trong bình thủy trong suốt. Những cánh hoa rõ trong, rõ trắng, trông như ngọc. Cha tôi bảo, thú chơi hoa bát gọi sự tinh khiết trong sáng của con người. Không biết hội chùa Hai Bà vào dịp giêng hai còn hội thi hoa bát không? Men theo Hàng Đào rồi ngang ngựa trong phố cổ, người xe như nước. Phố phường ngập đầy hàng hóa. Đồ chơi Tàu đủ loại, rẻ như bèo, treo toong teng lấm lấm màu sắc, kiêu dáng. Các cửa hàng giày đầy những đôi giày kiêu mốt mới như Châu Âu. Một đôi giày đẹp giá khoảng 250 tới 300 ngàn, dán mác Tây. Con gái tôi bĩu môi, đồ ta đắt bố ạ! Tôi nhìn, chắc công nghệ ngoại mới nhập, da trâu bò Việt. Đồ da Việt Nam hôm nay chẳng thua gì xứ người. Không biết có bền không. Sờ vào thấy da mềm ra phết! Một đôi giày như vậy từ Đức mang về, loại giày lười mốt, hay loại còn hợp thời trang của những hãng vô danh được bán một vài triệu (một trăm US D ăn một triệu tư tiền Việt Nam). Giày ấy, trong các siêu thị bên Châu Âu, trên dưới 100 Mark, vào dịp hạ giá chỉ 50 Mark.

Tôi và con gái lượn xe quanh Hồ Gươm. Gần trưa mà sát mặt hồ vẫn còn đám sương tơ bảng lảng. Không khí ẩm lạnh, xao xuyến. Tháp rùa đã dăng đèn kết hoa. Mấy năm trước, không hiểu người ta trùng tu thế nào mà nay một tai mái tháp đã rụng. Cái tháp nhỏ giữa hồ xưa mênh mông kỷ niệm, màu cũ rêu phong, nay phủ lớp vôi tro trên ngả màu xám. Trời ơi! người đi, đi cả bao năm trời, mơ ngẩng nó một ngày mà giờ đây thấy hình hài tháp đẽ vẹo. Buồn tới se lòng. Tôi chợt nhớ tới những quán xá ồn ào chạt ních người ăn nhậu tối ngày và những tòa nhà ngoại nhập ngất ngưỡng đang xâm lăng Hà Nội cổ. Cái tai mái tháp rụng kia, chi phí tái tạo mất bao nhiêu nhĩ, Hà Nội ơi!

Con gái tôi nói về sự kiện Formol trong bánh phở. Nó bảo, báo chí nói nhiều, có thể bây giờ người ta không dám làm bậy như vậy nữa, các quán phở dần đông trở lại. Nó rủ tôi lên quán phở bò Lý Quốc Sư nổi tiếng.

Ba chiếc bàn hẹp kê trong gian nhà ngang với phố. Hai ba thùng nước dùng to bọng, cẩu mỡ bay ngùn ngụt hơi nước thơm nức. Khách ăn phở xếp hàng chèn ra cả vỉa hè. Buổi sáng ăn phở phải đợi cả tiếng, con gái tôi giải thích. Thì ra người Hà Nội chỉ hơi sợ một chút rồi đầu vào đấy. Chờ đến hai chục phút mới lấy được hai bát phở ra chỗ bàn con gái tôi chiếm sẵn. 10 ngàn một bát phở. Nước dùng trong. Những lát thịt mỏng thơm. Bánh phở mềm dai đủ độ. Tôi ăn phở và lắng nghe tiếng tấc tấc của thực khách nào đó bên bàn kia. Người ta bắt đầu quay lại cách ăn uống của Hà Nội năm tháng thửa nào. Bát phở không đầy ngùn, to sụ, nhạt thếch. Bát phở hôm nay vừa bánh, vừa thịt, thơm đậm. Quanh tôi, người Hà Nội ăn phở chậm, nhẩn nha thưởng thức cái hương phở. Bên cạnh, ba bốn cháu gái xinh tươi vừa ăn vừa rúc rích cười vì chuyện nào đấy. Cô bé đối diện rón rén gấp những sợi phở trắng muốt đưa lên đôi môi hồng

tươi. Chợt nhớ đến tùy bút Phở ngày nào của cụ Nguyễn Tuân. Ông cụ hay đùa dai thiên hạ, viết về cách ăn phở như kiểu ăn giải cảm của đám thợ cày. Thế mà một dạo người ta cứ hoảng lên ca ngợi cái sự ăn của cụ Tuân đã viết. Có thể chỉ có mình ông Tuân ăn uống như thế! Ngày nào cha tôi nói vậy. Đám trí thức cũ của Hà Nội và những người dân thành thị không ai thường ngoạn phở như đánh vật!

Tôi và con gái lang thang suốt mấy ngày không chán mắt. Chợt nhớ mấy đứa bạn bên Đức, giờ vẫn lồm cộm đứng run trước quầy hàng. Đường phố giờ này bên ấy, ai biết đến cái tết âm lịch của ta! Mấy đứa gọi điện về bảo tuyết còn bay trắng xóa phố phường.

Đường phố trước tết Hà Nội hôm nay đâu đâu cũng chật chội, chen chúc. Không còn những ngõ vắng, phố hiu hơ mộng như những năm 60 về trước. Bù lại, dân Hà Nội bây giờ ăn mặc tươm tất ra trò. Đám con gái thì đẹp hẳn lên. Ngắm nhìn họ đi lại, giao tiếp trên đường phố, trong quầy hàng, dưới những tàn sấu xanh, mưa bụi và dòng người mê mẩn lòng. Giờ đây tôi được đứng đây, ngắm đây, hôn xác nơi đây, để mưa lạnh leo phèo vào cổ, vào mặt, vào mắt, cho bỏ những tháng ngày lang thang xứ người, thêm Hà Nội đến trào nước mắt ước, thương, yêu vọng.

Việt Nam bây giờ được nghỉ cả thứ bảy, chủ nhật. Đám anh em bên điện ảnh rủ tôi đi ăn thịt chó giải đen trước tết. Bấy nay tôi còn khái niệm đen, trắng gì đâu. Cuộc sống dạt trôi như con thuyền vô định, gặp bến thuận thì đỗ, gặp nơi nghịch thì dong buồm. Ai đen thì giải đen, còn tôi đi cho biết cái đề chó bây giờ ra sao_

Thứ bảy, hẹn nhau ở cửa hăng phim truyện. Năm giờ chiều, trời đ sấm. Mưa bụi lầy phây. Cả đoàn phóng xe máy rào rào lên mạn Quảng Bá. Ngày xưa, ừ ngày xưa rụng đề này vắng vẻ và đầy ỏi mọc bên trái đường. Mùa hè đi tắm hồ bơi Nghi Tàm, Quảng Bá đùa nghịch trong không khí quán qua quán quýt hương ổi chín ngọt.

Nhìn quanh chẳng còn rặng ổi xưa. Những ngôi nhà vi phạm xây lấn đề hồi nào bị chém ngang, cái đã tu sửa, cái còn nguyên nhất búa, vết cắt nham nhở. Ngồi trên xe mà lòng cứ tự hỏi, khi nào thì có một quy phạm luật lệ đất đai, nhà cửa, quy hoạch khả thi cho đất nước và người dân của quê hương. Khắp thành phố, người ta vẫn cứ xây cất có giấy và không giấy phép. Tôi có mảnh đất nhỏ mua từ đất canh tác trong Ngọc Hà mười năm rồi vẫn chưa xong giấy tờ. Hôm lên thăm, các vật đất xung quanh đã lên nhà, xây kín, quây chặt, cầm tù mảnh đất đầy cỏ dại của chúng tôi! Mảnh đất bị cớm vậy, bây giờ trồng trọt cái gì! Nhu cầu ở của thành phố chèn kín, đẩy bật các vùng trồng hoa ra ngoại thành, sang tận Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh. Nhớ ngày nào, người ta hãi hùng kêu cứu mấy vùng hoa quanh Hà Nội. Thế rồi, khi người yêu hoa vẫn còn thì các loài hoa quyết không chết. Buổi sớm, cứ lên cầu Long Biên, cầu Chương Dương mà xem, bên cạnh dòng sông hoa chảy từ Nhật Tân về có những dòng sông hoa trăm hồng, ngàn tía đổ ào ào về thủ đô từ những làng hoa mới. Cũng chẳng thua anh kém chị với mấy làng hoa truyền thống, thậm chí còn nhiều giống mới, lạ hơn nhờ sự can thiệp của công nghệ nhân giống, lai tạo từ gen.

Cứ nghĩ ngợi lung tung thế mà giật mình vì đã chạm phải dải đất nổi tiếng bởi các hàng thịt chó. Bên phải tôi, cạnh con đề rất nhiều nhà tre nửa dựng như nhà sàn, trên mái chưng tên quán lớn ngật ngưỡng. Cạnh đề, hàng dây xe máy sóng hàng, có người mời chào, bảo vệ. Thủ đô thịt chó dài tới bốn năm cây số nghi ngút khói. Không phải thứ lửa khói chiến tranh mà tôi đã trải qua. Lửa bập bùng cháy ở dàn nướng chả đặt sát đề, khi tỏ khi mờ. Khói cuộn cuộn theo gió, màn màn bay dọc đề, trong sương đêm bắt đầu trào lên từ phía Tây Hồ. Thứ khói lam thơm ngậy mùi chả, mùi thịt ướp hành, sả, giềng, thoảng người đã ứa hết nước miếng. Họa sỹ đạo cụ điện ảnh M đùa đùa, từ nay không cần tạo dựng khói lửa nữa, khi nào cần cảnh chiến tranh, khói lửa cứ điều máy quay để tiết kiệm, có tiền nhậu luôn thể!

Chúng tôi vào nhà sàn có tên hiệu là Tú Béo. Đây là quán ngon đệ nhất của quân khu thịt chó! Đạo diễn điện ảnh, diễn viên nổi tiếng các vai Anh bộ đội, T. L nói với tôi như vậy khi dẫn tôi

vượt đê leo lên mấy bậc thang vào sàn nhà. Có lẽ không có nhà hàng trên thế giới lại có cảnh như vậy. Những nhân viên nam, có thể họ từ các vùng quê lên làm thuê, đón chúng tôi từ cửa vào, phát ngay cho mỗi người một túi nilon. Thì ra thực khách vào sàn ăn phải tụt giày để khỏi bẩn dầy chiếu trải kín cái sàn ván rộng đến 100 m². Để khỏi mất giày, người ta cho giày của mình vào túi nilon rồi cấp theo. Đám chúng tôi ngồi sát hiên trông ra sau nhà. Tôi nhìn xuống dưới đất. Những luống hoa Violette, trong ánh điện hắt ra, tím sẫm. Mấy gốc đào mơn mớn nụ, hoa ở. Thế mới biết người Việt Nam cần cù và tiết kiệm. Giá mỗi mâm cho sáu, tám người, ăn uống ê hề, ba trăm ngàn. Vị chi mỗi mâm sau khi phục vụ thực khách, có thể lãi năm chục ngàn đã trừ mọi chi phí. Vậy mà khoảnh đất kia vẫn cứ trồng hoa suốt năm trời chăm đăm để có thêm nguồn thu vài chục ngàn. Và, năm nay, khi hoa rở bất ngờ thì tiền lãi còn đáng bao nhiêu!

Chúng tôi bắt đầu vào bữa tiệc. Rượu nếp cái đùng đục màu nước gạo, uống mềm, vị ngọt, rất đã. Lâu rồi mới được ăn món thịt đậm đà đặc biệt của loài hay sữa. Thịt chó rửa mặn ngày, sên sệt, quyền quyền mùi sả, giềng. Thịt nướng mềm thơm đôm đôm không có thứ thịt nào sánh nổi. Đặc biệt cái anh dồi thì hơi bị(2) được. Cái anh dồi chó phom nhỏ mầu mật được nhồi khéo, lõi bụi mềm nhưng vỏ lại ròn là nghệ thuật của dồi chó hôm nay. Ngày xưa cũng là dồi nướng đấy, chỗ vàng chỗ đen lam nham. Cái dồi bây giờ, ruột vẫn thế nhưng vỏ thì ròn ròn, đồng điệu màu mun! Thì ra cái sự ăn cũng tinh vi có thời của nó. Không gặp thời, ăn bậy bạ sao cốt no bụng, cốt có để ăn. Thời vận quay về tìm cái thú đến cùng của sự ăn cũng phải k. phu tới thành nghệ thuật. Nghệ thuật dồi chó là gì? Phải chăng là trong mềm ngoài ròn từng từng thế này đây!

Rượu vào thì lời ra. Chúng tôi nói chuyện với nhau về nền phim ảnh Việt Nam, về những thước phim tài liệu của bè bạn em trai tôi, về tác phẩm sắp hoàn thành (chưa xong phần tiếng) Mùa ôi của đạo diễn Đặng Nhật Minh. Kể bảo hay lắm, người bảo tiết tấu khí chậm. Hai ba tiếng trôi qua mà chẳng ai để ý tới thời gian. Người đi xa về, gặp lại bè bạn, có bao điều ở bên ấy muốn về nói cho bạn nghe Thế mà giờ đây tôi ngồi nghe bạn, nghe nuốt từng lời, kể như chưa từng bao giờ nghe bạn nói. Tôi không dám uống say sần theo thói quen ở Đức. Phải còn lái xe về nhà, mà bên ngoài trời vẫn mưa rỉ rả. Chuyến về này tôi còn nhiều cuộc vui như thế với bè bạn hồi quân ngũ, bè bạn văn chương. Có cuộc chơi tận bên làng Lệ Mật với đám bạn coi thịt rắn là thứ vô song, cực bổ. Có cuộc đi với họa sỹ Thành Chương và mấy nhà thơ lên tận Hòa Lạc ăn thịt thú rừng, nhớ thơ Quang Dũng, nhớ to chuyện bức tượng đồng của thi nhân phải đặt ở trường học cấp hai nơi có thi sỹ học xưa.

Những cuộc đi như vậy không gây ấn tượng mạnh về ẩm thực; bởi dường như, người ăn chơi, không chỉ tính ăn cái gì mà còn nghĩ đến ăn nó ra sao, lại còn ăn cảnh thế nào. Cái sự đô hội náo nhiệt tại mấy quán thịt chó, mấy quán lẩu trong thành có cái không khí như tất cả thực khách đang cùng nôm trong một nong tôm ăn rồi; mà điều ấy thiếu hẳn khi ăn chơi ở các quán xá xa xa, cho dù có món lạ miệng, nấu nướng cũng điệu vợ, cầu kỳ đi nữa vẫn làm tôi cảm thấy thiếu thiếu điều gì đó. Và có lẽ, cũng chỉ dân á Châu mới coi cái không khí ăn uống rào rào như hội đình, như việc đám, là thứ gia vị không hình dáng, gia giảm trong từng bối cảnh cần phải có khi bè bạn kéo nhau đi tụ vạ. Xem ra, mỗi dân tộc, mỗi vùng dân cư đều có một cách ăn chơi theo kiểu của mình, hợp với mình và có thể vì điều ấy mà đôi khi, lạc bước vào một quán ăn, dù sang trọng đến mấy ở Châu Âu, tôi chưa khi nào có được một bữa ăn được hưởng tất cả cái thú của sự ăn như ở quê hương. ừ, người ta ăn, nói đến ăn, nhiều khi đâu chỉ là đơn thuần bàn về cái ních căng bụng dạ! Với lại, tết sắp tới rồi, sự bận rộn trong gia đình đông con, lắm cháu như nhà tôi bắt đầu khởi động, choán hết cả tâm hồn và thời gian của kẻ xa mới về.

Mấy ngày giáp tết, cha tôi đổ trọng bệnh. Đêm đêm tôi quắp chăn nôm cạnh ông cùng nghe mấy băng ca trù của bà Hồ, bà Phúc. Cha con chúng tôi nói với nhau về nghệ thuật sơn mài của họa sỹ Thành Chương bạn tôi, về cái con đường lấp đầy nước mắt của văn chương và tôi hỏi người cho tỏ nghĩa mấy chữ Hán. Lại nói chuyện xem tập sách giới thiệu triển lãm mới nhất

về sơn mài hiện đại của bạn tôi, cha tôi thờ dài nói, thế hệ các anh bây giờ tài thật! Tài! Tài lắm! Các anh lao động rất nhiều. Chúng tôi ngày xưa không lao động nhiều được vậy. Phải rồi, cha tôi nói đúng. Suốt mấy chục năm qua, nhất là trong chiến tranh và những năm tháng bao cấp, những họa sỹ Đông Dương cũ vẽ ít. Họ chỉ cầm cọ, cầm bút khi nào cực hứng! Tôi nhớ dạo bác Hoàng Lập Ngôn vẽ một người đàn bà Thụy Điển. Bức tranh có tên là Mộng Mơ. Những bức chân dung tây đầm của bác Ngôn thường tặng không mấy vị khách ở trời xa ghé thăm nhanh và hiếm hoi được nhận một cái xe đạp Pháp gửi về, có đi có lại. Lần nhận xe ấy, bác Ngôn chạy xuống khoe với cha tôi, ríu rít như con trẻ. Sự ấy cũng hiếm. Xuân này, họa sỹ Hoàng Lập Ngôn 91 tuổi. Bữa nào ông già Tinh Tướng Họa ấy còn tới thăm người bạn kết nghĩa 73 năm. Từ dạo cùng học ở Boda, nhận nhau là bạn hữu, đến cái chơi ngông của chuyến xe ngựa Mê Li, rồi họ đã đi qua không biết bao giông tố lẫn hạnh phúc của đời nghệ sỹ. Hôm nay hai ông già ngồi bên nhau, quên hết sự trầm luân bụi trần. Lão tướng ngồi vẽ chân dung bạn và cha tôi chơi đàn, quay thành phim. Không biết bây giờ ông có biết người bạn ông đang trọng bệnh rồi không!

Một sáng, cha tôi nói, đêm qua mưa lớn, cậu nôm nghe mưa rơi trên mái tôn buồn quá. Tôi ngồi ngắm khuôn mặt của cha tôi, khuôn mặt vò võ, người nghệ sỹ già, người bạn lớn của tôi, mà không sao cầm nước mắt. Cha tôi năm nay đã 89 tuổi, cả cuộc đời ông là tình yêu cái đẹp. Người yêu đời, dù biết rõ mệnh hệ mình vẫn tha thiết với cuộc sống. Ông đã trải qua cuộc chiến tranh chống Pháp, qua cơn bĩ đĩ của cải cách ruộng đất và đánh tư sản, cải tạo trí thức cũ ở Hà Nội. Ông tìm cái đẹp trong hội họa, trong ca nhạc, trong cả những pho sách cổ, kể cả tử vi và tướng học. Cuối đời, ông dành nhiều thời gian nghiên cứu Phật học. Người sành nhạc nói tiếng đàn của ông trầm tĩnh, bình thản. Tôi không hiểu lắm về âm luật. Ấn tượng khác họa sâu đậm ghi lại trong tôi những tháng năm xa ông là hình ảnh cha tôi ngồi xếp bằng như tọa thiền, đôi mắt lim dim thả tiếng đàn vào đêm thanh vắng. Cuộc đời người ta thăng trầm cũng là thường, nhưng mấy ai tìm được cái đẹp mà làm chỗ nương tựa, dung thân. Tôi ngồi chìm trong bóng tối tưởng thấy những bức tranh ông vẽ; tưởng thấy tiếng đàn đày nhún nhảy đung đưa mỗi dịp xuân về, khi ông còn khỏe; tưởng thấy cây đàn đày và các loại đàn ông tự làm rất công phu sau bao năm tháng tích lũy về nhã nhạc. Lòng nhưng nhức mừng buồn.

Bên ngoài cửa nhà tôi là khu chợ Giời, nơi buôn bán sầm uất đủ thứ tạp phẩm trên đời. Khu chợ bùn dơ lép nhép cả tháng tết. Tôi mua một chút bún cho cha tôi của cô hàng sáo cạnh nhà. Tết nào về, tôi cũng gặp cô hàng bún mà dân chợ cứ gọi ới ới tên cô khi cần ăn món bún của cô: Cô Lúa ơi! ới cô lúa! Người thiếu phụ có cái tên rất quê mùa ấy thật ra không phải tên Lúa. Đây là cái tên dân chợ đặt cho bởi khuôn mặt rất nhẹ nhàng đồng quê của cô. Tên thật cô là Ngọc ánh. Cô ở xóm chùa Hai Bà và làm nghề hàng ăn đã hơn hai chục năm nay. Cô Lúa có hàm răng trắng đều như hạt na và móng tóc chùng dài lắm luôn vấn thành búi to sau gáy. Cái con người thon thả dù đã hai mặt con ấy luôn cả ngày tất bật. Sáp tết, buổi sáng cô bán bún riêu. Bún riêu cô rẻ, hạp túi tiền kẻ chợ, đến 10 giờ là cả gánh bún hết vèo. Cô quay về lấy nồi sôi chè bán cho hết chiều. Sang tháng ba, gió bắc, mưa dầm thì thũm, cô còn bán thêm chiều một gánh bánh trôi, bánh chay. Hỏi ra mới biết, người ta dậy từ ba giờ sáng, nấu nướng túi bụi rồi để lại cho anh chồng chuẩn bị nốt những gì còn lại. Cứ như vậy suốt hơn hai chục năm qua, chín mười giờ tối mới rửa chân ngồi vào bàn ăn với chồng. Dân chợ giời, lắm kẻ tứ xứ giang hồ, đều tỏ ra yêu quý người con gái đáng đáp hơi cổ này. Những cô Tấm, cô Lúa của con người Việt Nam, ở tổ quốc, ở Nga, ở Đức, đâu đâu cũng gặp. Khuôn mặt luôn bừng sáng chân thật của cô làm thực khách hài lòng. Sự sạch sẽ của

cô làm người ta tin cậy. Nghe nói, cô có mảnh đất hơn trăm mét và ngôi nhà hai tầng do bàn tay chắt chiu của vợ chồng cô mà nên. Cha tôi ăn được một phần tư bát bún nóng sốt của cô bụng đến. Bát bún với gạch cua nổi bông bênh bên những miếng cà chua hồng hồng, bốc thơm ngày ngày, ăn với rau sống lát nhỏ, ròn tươi làm mát cả lòng. Cha tôi bảo vậy.

Tôi pha nước trà cho ông mà nghĩ tới những khúc quanh của cuộc sống. Nhớ cái tết nào, đầu thập kỷ 80, dân làm ăn ở Hà Nội xáo xáo mấy vụ thu nhà. Bây giờ kinh tế thị trường cũng còn nhiều cái dở. Nhưng còn có cái được là con người ta dám mở mào mở mặt từ gánh bún mà có vườn nhà như cô Lúa kia. Nói đại, quay lại lịch sử hồi nào, chắc cô Tấm, cô Lúa chẳng đại gì mà xây nhà tầng trên cái xóm chùa còn vương chút điều hiu thôn quê, sót lại trong vùng đã ngườm ngượp phố xá. Tết Canh Thìn trôi qua nhanh nhanh với gia đình tôi. Đêm ba mươi, pháo hoa bắn rợp góc trời thành phố. ấy là nghe con gái kể thế chứ có biết pháo hoa Hà Nội xanh đỏ ra sao. Tôi nằm suốt đêm với bố, bồi hồi nghe tiếng ùng oàng từ hồ Gươm vọng về. Đất nước thanh bình mới có ngày hôm nay. Tôi thoáng nghĩ tới những ngày loạn lạc. Không biết đồng ngũ tôi khắp miền tổ quốc giờ họ ra sao?

Qua giao thừa, tôi bày ra đĩa mấy thứ bánh mềm, kẹo ngon từ Đức mang về mời cha mà ông cứ ngoắc đầu quây quây. Nhà có người ốm, tết nhất chẳng ai cầm lòng làm ngon. Mồng một dọn mâm cúng tổ tiên, con cái chầu chắt quây bên ông chúc tết. Cha tôi gượng cười giục các con cháu đi ăn cho nóng. Chúng tôi ăn trong im lặng. Nghe xuân vẫn đùng đùng rơi giọt giọt trên mái tôn nhựa. Thế là một năm mới đến rồi. Mâm cỗ Hà Nội những năm nay nhà nào cũng tươm tất. Cái thời thất lưng buộc bụng qua đi không để lại dấu vết trên những khuôn mặt thành phố. Ngoảnh đi ngoảnh lại, tôi xa nhà hơn chục năm. Các cháu đã lớn, mấy anh chị đã già. Nhớ cái ngày tết 1966 tôi chiến đấu ở trận địa cao xạ Châu Giang, cha tôi lọ mọ đạp xe tới thăm con. Mấy chục cây số mới tìm tới nơi thì đơn vị tôi lại nhổ trại ngược lên Hà Bắc. Cha con không gặp nhau, cha tôi nhìn đói quay về Hà Nội. Tôi nhận được gói bánh quy đã nát sàu vì đắm nước mưa. Bánh của mẹ tôi do mấy đứa anh nuôi đi sau bắt chọt cha tôi nhờ chuyển. Thế mà hơn ba chục năm rồi!

Thời gian vùn vụt trôi thêm tuần nữa. Đêm đêm, tôi khắc khoải đếm từng ngày sẽ phải lên đường. Tôi thành tâm tới mấy ngôi chùa cầu cho cha tôi mau lành bệnh. Tôi hoãn lại vé máy bay. Nhưng quy luật chung của tạo hóa không hơn được vì lời mời của hóa công đã viết rồi. Sáng Quý Mão, tháng Mậu Dần, tức ngày 15 tháng hai, cha tôi, sau khi được tôi lau rửa bông nước gừng ấm đã ngồi xếp bông, nhắm mắt, thiền mà ra đi. Xuân, tháng hai Hà Nội mưa đêm nặng hạt, ngày có trở mình nắng chút ít rồi lại ngày ngày mầu chì.

Sau tết vài ngày đường phố quay về không khí làm ăn trước tết. Cũng lưu lại chút ít cái vương vấn tháng giêng là tháng ăn chơi. Tôi từ chối những lời mời chùa Hương hay Yên Tử. Đứa cháu tôi làm việc cho một công ty nước ngoài đã lên đường từ chiều mồng một tết. Mồng năm tết, cháu đích tôn của nhà tôi cũng bắt đầu ngày làm việc cật sức cho một công ty tư nhân in ấn quảng cáo. Năm theo năm, Hà nội của tôi đang chuyển mình dần theo một quy luật mới, cái quy luật người làm nhiều hưởng nhiều sẽ dứt khoát chiến thắng sự quân bình chủ nghĩa. Đây là tương lai không chỉ cho một thế hệ.

Từ trên cao tít tầng không tôi cúi nhìn cố tìm lần nữa Hà Nội thương yêu của tôi. Cái ô cửa máy bay nhỏ xíu, không thể quan sát hết toàn cảnh thành phố. Nhưng tôi vẫn thấy những hình bóng quen thuộc trong tâm trí. Những con đường của quá khứ và hiện tại với nhiều cảm xúc vừa thật vừa hoang đường. Tôi nhìn thấy tháng hai luôn thay đổi từng năm trong hoa và cách ăn chơi của người Hà Nội; tôi nhìn thấy tháng hai sùi sụt trong đám tang của cha tôi, một nhân chứng nữa của một thế hệ đã vĩnh viễn ra đi vào năm đệm của thời điểm sắp bước tới thiên niên kỷ mới, nhường lại từ mùa xuân này cho một thế hệ mới, trẻ, đẹp, tài năng hứa hẹn. Đúng là như vậy, cho dù chúng tôi, lúa con, cháu, chắt ông còn nhiều trăn trở lo toan, tất bật vẫn cứ hy vọng vào một tương lai không xa. Như ông, cha tôi, ngày nào nói: Cuộc sống như một tiếng vỗ tay thôi mà. Phải biết hy vọng và biết yêu, biết sống! Máy bay bay vút bút lên cao. Tôi nhìn lại mảnh đất yêu dấu của tôi lần cuối. Lòng chẳng cầm lòng, đôi mắt rưng rưng như đứa trẻ mới xa nhà lần đầu.

Ảnh

Năm mười lăm tuổi, Tôn vẫn tịm ngóng nơi cửa bếp. Chỗ ấy là mảnh sân hẹp. Ngẩng đầu lên, thấy một mảnh tri hình tam giác. Ánh sáng chọc thẳng xuống nơi Tôn thường đứng tịm. Tôn có thói vừa tịm vừa ngêu ngao hát. Giọng hát cũng được, nhưng buồn. Một buổi vào cuối tuổi mười lăm ấy, hịm bỗng thốt nhiên hoảng hốt ngừng bật giọng hát khi chợt nhìn xuống. Và cũng từ ngày đó, Tôn không còn tịm ngóng như trước nữa.

Chỉ có người mẹ hịm nhận ra thay đổi ấy. Bà tằm tìm cơi. Một ngày bà mách với chồng: ``Thằng Tôn dạo này có vẻ người lớn rồi!``.

Bố hịm là họa sĩ. Ông là lớp nghệ sĩ cũ của những năm ba, bốn mươi. Ngoài gi dạy học trong trung, ông phải lo lịng nhiều cho cuộc sống, hơi đâu mà nghĩ tới việc vật. Nghe chuyện, ông chỉ ầm ừ cho qua.

Gần một năm sau, Tôn tốt nghiệp phổ thông. Đây là khi chiến tranh đã đến sát ngoại vi Hà nội. Dù chưa đủ tuổi, Tôn và nhiều thanh niên cùng lứa nộp đơn tình nguyện lên đưng nhập ngũ. Nhà nghèo, ngày lên đưng, mẹ Tôn khao con một nồi chè to bọng. Bí ngô nấu như vớ đậu xanh. Đó là món Tôn rất khoái và bữa đó hịm chén chí tử, cật bụng đến mức no quá phải xoa dầu vào rốn. Xong, Tôn khẽ ôm choàng lấy mẹ, vơ nhanh cái túi vải đưng toòng teng vài thứ vật vãnh.

Tôn đi trước. Ông bố già và người anh trai theo chân. Cái ngõ nhỏ nhà anh ở chẳng đông đúc như bây gi. Tôn bước trên hè gặp ai cũng chào. Tất nhiên, ai cũng tươi như hoa đáp lại. K cả một bà mẹ lạ mặt, bé con qua ngang ngõ cũng dừng chân và nâng bàn tay nhỏ xíu của đũa trẻ rung rinh chào Tôn trên đưng...

Tới trạm nhận quân, khi người ta gọi đến tên: Nguyễn Tôn, cũng là lúc anh kêu toáng lên:

- Tri ơi! Em quên mất cái bì thư rồi! Tối qua định cặp vào quyn sổ này.

Tôn rút ở túi sách ra quyn lưu bút học trò và nhìn anh trai cầu cứu. Thế là ông anh phải chạy thực mạng về nhà tìm bì thư nào đó cho cậu em.

Có quái gi đâu! Đây chỉ là cái phong bì đưng mấy t giấy ướp nước thơm bán đầy trong trin lăm Vân Hồ. Chỉ khác là trên mỗi t giấy thơm đưng dán thêm khéo léo, vài bông hoa sữa bé tẹo.

Món quà ấy của cô bạn học trò, ngồi cùng bàn, làm tặng Tôn đêm trước.

Bốn tháng sau khi nhập ngũ, người ta chính thức trao cho Tôn một khẩu tiu liên tự động AK.47 mới xanh nước thép và rất nhiều đạn vàng óng. Tôn nắn nì người phát quân trang đổi cho cái ba lô mới, thay vì chiếc ba lô cóc cũ đã thủng vài lỗ do ba tháng tập gùi gạch hành quân. Trong ba lô đưng toàn bộ hành trang chiến sĩ, như võng, tăng, màn, hai bộ áo quần Tô Châu cũ. Tôn nhồi vào ba túi cóc, gói muối mặn chát và dăm phong lương khô ăn tươi như bánh khảo. Quyn lưu bút học trò, cài ở tám lót lưng ba lô. ``Đ ở đây thật tiện khi muốn đợc`` - Tôn nghĩ vậy.

Người lính chẳng có thi gian về thăm gia đình. Ngay sau ngày phát quân trang, đơn vị đợc ngột phổ biến mệnh lệnh hành quân đi chiến đấu. Đơn vị của Tôn lên toa tàu hàng khi tri nhập nhạng tối.

Con tàu chở bộ đợi đi đêm ấy chạy qua Hà Nội. Khi con tàu chậm chậm, hỗn hn chui vào vòm cầu Long Biên, là lúc cậu bé vừa qua tuổi học trò cố len đến bên cái ô cửa nhỏ duy nhất mở trên toa bịt kín. Chen bật mấy đũa bạn đồng hương sang bên, Tôn kiếng chân nhìn qua ô cửa sịt bé xíu. Những khu nhà chen chúc cổ xưa, phong rêu. Những ngã ba, ngã tư có rào chịm quen thuộc, cả hàng sáu già hun hút đưng, mà gi đây có th còn sót lại vài chùm quả chín đỏ. Đặc biệt, tiếng leng keng của một chuyến xe điện nào đó chạy ở đâu đây...Tất cả, tất cả lần lượt trôi nhanh qua đôi mịt thềm khát, rực sáng của Tôn. Tôn Cố hít một hơi dài cho thật đẩy lồng ngực, thứ không khí vô cùng thân thương của mảnh đất đã nuôi đưng con người Tôn mười bảy năm tri. Chỉ tới khi con tàu vụt chuy, lao nhanh qua ga Giáp Bát, Tôn mới chợt nhận ra Hà Nội của mình thực sự xa tịp. Và cũng chỉ khi ấy, Tôn mới buông đôi bàn tay níu rất chịc vào ô cửa.

Suốt đêm tàu chạy không nghỉ. Suốt đêm Tôn không ngủ. Nằm xếp cá trên sàn toa tàu, Tôn như bị thôi miên bởi cái cửa sọt nhỏ xíu bí ẩn, nhỏ nhoi. Cái vuông tri huyền diệu đêm ấy chi chít sao giăng...vùn vụt trôi khỏi tầm mắt. Gần sáng, không hiu vì sao, Tôn không thìm nổi, đờ trong đôi mắt của mình, có hai dòng lệ thương nhớ cứ tuôn trào.

* * *

Bốn năm sau, Tôn may mắn vẫn thuộc quân số của đoàn quân ăn cơm Bịch đánh giặc Nam. Bốn năm liền, anh không nhớ là đã đi qua bao chặng đường hành quân, càng không nhớ đã bị bao phát đạn. Anh chẳng còn ngu ngơ như trận đầu tiên giáp mặt với tử thần. Khi nhào về hướng kẻ thù, lúc nhìn những viên đạn lửa chi chít tuôn tới, như chỉ nhằm vào riêng mình, Tôn đã bỏ mặc đồng đội, bỏ mặc những ai đó xông lên, ngã chúi xuống, mặt cố áp sát xuống cỏ, đôi bàn tay cào cấu không biết đau xuống mặt đất và bình đại ra súng cả quân mà không hề biết...Thế rồi, Tôn trở thành người đàn ông cứng cỏi sau trận mạc. Anh bình tĩnh đến lạnh lùng trong mọi tình huống, dù gay gắt thế nào. Kể cả khi chôn cất đồng đội đã hi sinh, anh cũng không còn nước mắt để khóc!

Tóm lại cậu Tôn năm nào, gì đã là Anh lính cụu, thiện chiến.

Song cho vậy, khuôn mặt Tôn chẳng thay đổi là bao. Gian nan, nguy hiểm và sốt rét rừng cũng không thịnh nổi cái sinh lực tuổi trẻ, thịnh nổi cái sinh lực hàng gì tràn trề trong từng lỗ chân lông của Tôn. Có thêm, khác chút ít là hàng ria mép. Hàng ria đen nhấy ấy làm ngứa mắt tay chính trị viên. Người ta vài lần nhọc nhỡ, nhưng Tôn quyết không cạo. Việc có dưới đó là vết sẹo! Có gì đâu, đấy không phải là vết thương trong chiến đấu! Tôn đi chọc ong rừng, lấy mật, bị ngã lộn mấy vòng mà có vết sẹo ấy. Song dù sao, Tôn cũng có cơ để né tránh tay chính trị viên khó tính.

Đôi khi, cuộc chiến tạm ngừng. Trong bốn năm có bốn mùa như thế. Đây là khi mùa mưa kéo về. Trong rừng, nước cứ tuôn ào ào như có kẻ đứng ở trên cao xối xuống. Những người lính như Tôn được bí mật nghỉ ngơi trong những cách rừng già. Họ đào nhiều hầm trú ẩn nhỏ, mọc cạnh hầm chiếc võng, cái táng. Quay quần bên nhau, họ tạm quên đi chiến tranh. Chỉ còn lại với họ, là bao chuyện của hậu phương.

Đối với Tôn, mọi chuyện đều không có gì hấp dẫn. Điều Tôn say mê nghe ngóng nhất từ cánh lính già, là những chuyện của tình yêu, kể cả những kẻ kín tâm tình của đi sống vợ chồng mà cánh già chẳng ngại ngần thông thốt tuôn ra. Có nhiều khi, không thiếu cả sự tục tĩu trong đó. Và, trong đêm, từ trong những mái táng, lẫn trong tiếng mưa lộp độp nặng hạt, vang lên tiếng lính trẻ rình rích cười, tiếng vỗ đùi đen đét của kẻ dẫn chuyện.

Phải nói rằng, những người lính quê mùa, không thạo văn chương, nhưng miêu tả ái tình bao giờ cũng chi tiết và sống động. Khi ấy, Tôn nằm yên trên cánh võng, nín thở để không sót một li.

Sau những đêm như vậy, Tôn nhớ nhà lắm. Trong yên tĩnh rừng khuya, nỗi nhớ cứ dâng trào, đầy ắp. Anh ta thầm mong chiến tranh chấm dứt, hoặc ước thầm có một đợt phép nào đó cho Tôn có thể trở về nhà, có thể được yêu, được nhớ thương ai đó như những người lính cụu đã kể. Bỗng chợt nhiều câu hỏi dờ dẩn bật ra sau niềm mong ước trên. Đại loại: ``Muốn cầm tay em thì phải làm gì? Yêu thì nói thế nào nhỉ? v..v``. Chà, mới nghĩ tới vậy mà Tôn đã thấy thẹn lờng. Tôn tưởng như có ai đọc được ý nghĩ của mình; tưởng ai nhìn rõ cảnh Tôn nằm xấp oằn mình trên cánh võng chông chênh.

Đêm từ từ khép lại, sau khi Tôn mủm mĩm cười.

Cuối hè năm sáu tám, một dịp may hiếm hoi đến. Người ta chỉ định Tôn vào tổ lấy đạn cho sư đoàn tại Vinh. Mới chỉ nói đến ``Vinh`` là Tôn đã sướng run lên rồi. Đại úy chỉ huy tổ lấy đạn, nghe đồn lão khó tính lắm. Khi chuẩn bị bao đồ, quàng túi gạo và hai hộp thịt lên ngựa ba lô, người bạn già hay vui đùa với Tôn trong trung đội, vỗ vai Tôn, cười:

- Chuyến này thì tha hồ mà em nhé!

Tôn nháy mắt đáp lại và tịnh không hé một li.

Đoàn xe lấy đạn chạy lẩn chiều, lẩn sớm. Đêm đầu, tổ lấy đạn dừng lại trong dải rừng thưa ở Hà Tĩnh. Tôn ngoái quanh chỉ thấy toàn cát là cát. Chập tối sau, xe mới tới Vinh.

Nhìn xa, thành phố nhỏ hồng rực như thắp đèn. Song lúc vượt qua phà Bến Thủy, Tốn mới nhận ra, thành phố nhỏ bé đã bị chiến tranh băm nát.

Bảy gi, tám gi tới gi đó. Mặt tri đã lặn rồi mà góc tri vẫn rực lên rắng đỏ sậm, trông thật ghê người! Tốn cảm giác mặt đất còn hầm hập. Nhìn ra, vô khối vệt lửa cháy ngoằn ngoèo trên nhiều trắng cỏ, triền đồi và ở đôi chỗ, vài bụi cỏ lau bắt chợt cháy thốc lên, tung vào không gian tro bụi hồng rực. Con đưng từ phà vào thành phố chỉ chít hố bom bi. Ngồi trên thùng xe, Tốn cảm thấy mình như bị xóc ộc. Không khí đặc quánh gió tây, mùi khét của vải, của nhựa đưng âm ỉ. Tốn còn ngửi thấy trong gió, mùi ngai ngái, hăng hực của vỏ cây, lá cây giập nát.

Trong im lặng, Anh cố tìm một dãy phố. Bốn bên, chỉ thấy những khu đất cháy thui, những ngôi nhà sập đổ, ngổn ngang gạch vỡ.

Tới ga Vinh, tổ lấy đạn mới rõ, toa hàng của bọn họ đã bị nổ tung trong đợt oanh kích lúc chiều. Người trưởng ga nói, có vẻ phân bua với đại úy quân giới già và ngay sau đấy anh ta đưa tổ tới bên cái lán tạm đưng trên nền kho cũ. Cái lán bốn bề trống hoác. Mái tôn cong cớn, đầy những vết thủng. Đại úy già ra lệnh:

- Ta nghỉ ở đây ch đạn về. Có tàu đạn đến, bốc khăn trương đ rút ngay về đơn vị. Không một ai đưng phép ri vị trí! Tàu đạn có th đưng nhà ga điều về bất kì.

- Có tri mà biết khi nào xe đạn mới đưng lùi về đây!- Tốn vừa mừng vừa lo.

Cả tổ trải ni-lon ra sàn xi măng. Họ phủ trên ni-lon tấm võng chuẩn bị ngủ. Đại úy quân giới cẩn thận sục xem quanh đó, có mấy cái hầm trú ẩn, rồi lại đi về phía nhà trưởng ga.

Khi đập mấy cái cho ba lô xẹp xuống làm gối, Tốn quay sang người lính trạc tuổi hị, nằm kế bên:

- Lát nữa yên yên, ta đi tìm em chứ? (Câu nói đưng như có vẻ thành thạo lịm!)

Gã lính kia khế suyt nhẹ rồi đưa mặt về phía tấm lưng khuất dần của đại úy.

- Sợ gì! Đ tí nữa tớ lừa hị cho cả hai đũa mình đi.

Tốn lại tuôn ra một câu chịch nịch.

Một hai phút trôi đi, đại úy trở về. Lúc này nhìn ông ta già hơn cả bố hị và đưng như thiên hạ đồn, cái mặt đâm lê cứ nhăn nhó làm sao! Tuy nhiên, lính đã nói là làm. Hị đánh bạo đến bên đại úy:

- Báo cáo thủ trưởng, cho em và Thành đi lấy nước!

Đại úy móc một điều thuốc, châm lửa và không thèm nhìn Tốn. ``Lão ta nghỉ ng đây`` - Hị nghĩ vậy và vẫn hy vọng.

May cho Tốn! Có ai đó nhòm dậy nói:

- Phải đấy! Tôi hết nước uống rồi. Sớm mai chưa đi thì phải có nước mà thổi cơm chứ!

Đại úy nhìn vào Tốn: ``Nhanh lên nhé! Tàu có th về bất kỳ đấy!``

- Rõ! Hai người lính trẻ đồng thanh đáp. Họ vợ vôi mấy cái bình tông và khúc khích cười khi chạy ngang qua đưng ray.

Nhà ga không có một nơi nào có nước. Hỏi ra mới biết, đã cả tuần rồi, mấy trận không tạc đã chặt gãy các đưng ống dẫn nước. Theo hướng chỉ của tốp công nhân đang hì hục đào xới trên ngã ray phụ. Tốn và người bạn quay ngược vào thành phố.

Tri tối như đổ mực. Nhưng lát sau, cạnh con đưng chạy thẳng từ trung tâm về ga, trên đống gạch gỗ ngổn ngang, bọn họ vẫn tìm thấy một ống nước cong vắn, nằm tơ hơ trên mặt đất. Rút cái nút rề rách ra, trong ống rỉ ra một dòng nước đưng đục. Khi đưa bình tông đầu tiên vào hứng nước, hị thoáng nghĩ: ``Ngày xưa ngày xưa, trên nền đất này đã từng có một nhà bán hàng mậu dịch và mấy cô xinh tươi như mộng đây!``

Bảy gi chưa khuya. Mặt đưng còn lác đác vài tốp người qua lại. Ai cũng tất tưởi. Không th phân biệt đưng đàn ông hay đàn bà! Bạn hị vừa vắn nút những bi đông vừa chửi đổng: ``Mẹ kiếp, chẳng có ma nào!``

Tốn ngẩng đầu lên phía bạn, đưng viên: ``Ch đấy! Tao dẫn đến chỗ kia, đầy em cho mà xem!``

Thằng bạn lính quá kh. Nó tin li Tốn, một kẻ chưa từng một lần ở đây.

- Thật à? Gã ngây thơ hỏi.

Phải hơn nửa gi sau, hơn mười cái bi đông mới đầy nước. Nước máy gì mà tanh thế? Hị tự hỏi

khi chiều một ngum, trước lúc lao vào trung tâm.

Hai đứa đi như chạy. Họ đi thẳng, rẽ phải, trái, ngang, dọc. Đứa bạn cùng hội, cùng thuyền mấy lần vấp ngã khi chúng băng qua một bãi đất rộng, hướng về ánh đèn le lói, sát mặt đất. Tới gần, cả hai nhận ra một khu nhà thấp lè tè.

Đây không phải là nhà. Những tấm liếp, miếng vải bện che chắn trùm trùm trên những khoảng hầm chìm sâu giữa lòng đất. Bọn chúng hăm hở vòng qua bụi gai và đến bên một cánh liếp khép hững. Hịn hịng giọng, đánh tiếng.

Từ trong nhà, vọng ra rõ ràng tiếng phụ nữ :

- Ai đó, vô trong ni!

Hai kẻ đi tìm ``tình yêu`` bấm tay nhau cũi. Hịn đẩy cửa liếp cho cả hai bước vào lều.

Ánh sáng ngọn đèn bão treo ở dọc nóc thõng xuống làm Tốn chói mặt vài giây. Hịn nhận ra cái vách hầm ken bằng vô số mảnh gỗ dập vỡ. Một tấm cửa kê ngang trên hàng gạch cũ và trên đó có một ngui phụ nữ. Hình như chị ta đang thay tã cho một đứa con nhỏ.

Hịn lên tiếng: ``Chào chị! Bọn tôi đi lấy nước. Ở đây có nơi nào bán thuốc không hả chị?``.

Ngui chủ nhà quay ra. Đây là ngui đàn bà có khuôn mặt khả ái. Đôi mắt to long lanh trong ánh đèn. Mái tóc đen, dày sóng sánh đổ trên b vai.

- Hai anh ngồi chơi! Ngui mẹ trẻ cất giọng và đứng dậy chỉ hai chiếc ghế đầu, kê bên một thùng tôn lộn ngược phủ ni-lon làm bàn.

- Em sơ tán về lấy đồ cho con, nỗ biết mô. Mằn rằn mà cửa hàng còn mở đến chừ!- Chị xăng xái kéo ghế: ``Vội chi, cũng uống miếng nước!``.

Cả hai ngui lính nhìn nhau. Khi đó không ch họ trả li, chủ nhà với cái phích đ ở bên tấm nệm.

Chị lại nhắc bộ ấm chén từ thùng gỗ sát vách đất và lọ chè, đặt lên thùng phi k trên. Tốn miễn cưỡng ngồi xuống và nhìn thấy bộ ấm bần thủ. Không có chén nào còn quai! Chừng hui ra cái nhìn ấy, chủ nhà phân trần: ``Chạy đông, chạy tây nên chừ, chi cũng gãy trọi. Hai anh thông cảm hí!``. Nói rồi, chị đổ trà và nghiêng phích rót nước. Nhưng chổng ngược lên mà phích chẳng còn một giọt nước. Chủ nhà lúng túng cũi và chạy nhanh ra ngoài lều rồi quay lại ngay:

- Chu cha! Cái lu b khi mô rồi!

Chị đứng như tri trồng giữa lều.

Bọn hịn vội nói: ``Không hề chi. Tụi tôi uống nước khi trước rồi``.

Bỗng nhiên, ở góc lều có tiếng khóc ré lên. Chị chủ nhà bươn nhanh bế con quay ra. Khi ấy cả hai ngui lính nhìn rõ trên tay ngui mẹ trẻ, một sinh vật còn đỏ hồng... Tốn hỏi cho có chuyện, khi đứa bạn nháp nhồm:

- Cháu mấy tháng rồi hở chị?

- Răng mà mấy tháng? Con chó của em ba tuần rồi đó - đôi mắt ngui mẹ chợt thoáng ánh lên - cha nó đi Nam rồi. Tội quá, nỗ biết mặt con! Có cha nó ở nhà, răng mà nỗ còn nước như chừ. Bữa mô hết Mỹ rồi, cha mày về, mày cứ khóc thả sức! -Chị nựng con, rung nó trên tay đều đều theo giọng mà đứa trẻ không chịu nín. Ngui mẹ xoay ngui, bật khuy áo. Hịn kịp nhìn thoáng, một bầu vú trắng tring. (Khi ấy, trong hịn, vừa cảm thấy có điều gì đó không phải, vừa lại vẫn ham muốn tò mò. Tâm trạng ấy, làm hịn, nửa muốn ngoảnh mặt đi, nửa muốn nhìn rõ hơn sự vật).

Song có th ở đó không có tí sữa nào nên thằng bé yên ịch một tí rồi lại nhè đầu vú ra mà khóc dữ hơn.

Cảnh tượng trên làm cho hịn chán nản lịm. Hịn và đứa bạn định quay ra cửa đi ngay, nhưng chợt nhớ ra điều gì hịn hỏi:

- Chị còn sữa pha cho cháu không?

Cả hai ngui lính đều nhìn nhau và bạn hịn cúi xuống lật ngược cái chậu men gả lồi ở đâu đó ra. Tốn hui ý bạn và đổ tất cả số nước của họ vào cái chậu men ấy. Cũng khi đó, đứa bạn nhìn quanh tìm thấy một cái bếp dầu, gả bật lửa cho bếp bùng cháy và hỏi: ``Có cái gì đun nước cho bé không hả chị?``

Ngui mẹ trẻ nhìn toàn bộ hành vi của hai ngui lính từ nãy, gi giặt mình, móc trên mái lều xuống một cái xoong nhỏ đưa cho họ.

Một vài phút sau, cả hai anh lính rời ngôi nhà hầm. Họ chợt khựng lại khi chị chủ nhà gọi: ``Ồi hai anh ơi!``. Tồn quay lại. Chị chủ nhà dúi vào tay Tồn một gói thuốc bộp bộp: ``Hai anh hút tạm. Cửa nhà em bỏ quên hôm lên đường``.

Tồn và đứa bạn đứng ở giữa bãi gai. Tồn móc vỏ thuốc Trưng Sơn chỉ còn vài điếu. Thực ra không nghiện thứ đing ngẹt khí gió ấy. Thế mà bỗng dưng Tồn lại mỗi một điếu cho bạn và một điếu cháy hồng đưa lên môi.

Có th, bọn họ sau vái giấy chán nản ấy lại bước vào cuộc sục tìm mới. Có th, họ bỏ cuộc và đi lấy nước. Có th... có gii mà biết được! Nếu như họ không bất thần nghe thấy một hồi còi rúc lên thất thần báo tàu vào ga. Thế là cả hai người lính, như tuân theo một mệnh lệnh nghiêm khic, một ý thức tiềm ẩn, chạy bán sống, bán chết về phía nhà ga. Đứa bạn vừa chạy, vừa hỗn hnh nhìn vào chiếc đồng hồ Ponjot có dạ quang. Nó nói gấp gấp trong hơi thở:

- Bỏ mẹ! Đã hơn hai tiếng trôi qua mà chẳng nước mẹ gì?

* * *

Tàu còn chưa tới (?). Tiếng còi khi nãy là của một đầu tàu nào đang dồn toa. Hjn sửng s khi thấy tiu đội lính vẫn còn nghỉ dài trên nền kho cũ. Có ai nhóm dậy hỏi đến nước. Hjn v càu nhàu:

- Tối đen thui thế này! Tìm đến rã chân cũng chẳng nơi nào có nước.

Bạn hjn phụ họa: ``Thôi! Đ đến rạng sáng. Tôi toạc hết cả chân ra rồi. Nhịn một bữa có hề gì!``.

Hai đứa len lén kéo võng, nằm xuống tấm ni - lon. Chúng bắt giác nhìn nhau lần cuối, bấm bụng cười.

Gió từ bin thổi về làm dịu dần cái nóng ngột ngạt của miền đất khô rang. Sức trẻ và mệt mỏi giúp họ ngủ đi mau chóng. May cho cả thành phố, cho tổ lấy đạn và đặc biệt cho riêng Tồn đêm ấy, không một lần máy bay địch mò vào. Nhưng cả miền đất hình như còn chưa hẳn lãng quên cho ngày mai. Đầu đó còn âm ì, ồn ào vọng về những tiếng động của con người, máy móc, xe cộ. Cả hai bên tham chiến có lẽ đang lo lịng cho một ngày mới, chuẩn bị một trận đánh mới, quyết liệt hơn, tàn nhẫn hơn.

Tồn ngủ ngon vài gi gi đó. Bỗng Tồn thấy kẻ nào bóp chặt lấy cổ. Những cái máy bay cứ to tròn dần và nhiều chấm đen xuất hiện trong mịt . Anh thấy người bạn đồng hương đã hy sinh ngày nào lại tươi cười đưa cho anh một băng đạn dính đầy máu mà anh không sao nhóm dậy đ nịm bịt. Anh lại thấy mình chạy trên con đường đầy ôi chín và nhìn rõ một hồ bơi lớn đầy người. Cả những người hy sinh lẫn bọn bạn Tồn ở lớp học ngày xưa. Hoảng sợ, Tồn ú ớ rồi bừng tỉnh. Thì ra Tồn mê sảng.

Anh tỉnh giấc. Có bàn tay ai đặt lên ngực Tồn.

Tồn giật mình, bàng hoàng. Tay anh đang nịm vào bàn tay của ai quàng lên. Một bàn tay nhỏ, mềm mại. Nó khác hẳn bàn tay thô ráp của chiến sĩ.

Tồn không tin vào chính mình. Nhè nhẹ nâng bàn tay nhỏ lên. Nhè nhẹ dướn cổ, đánh mịt sang bên trái và phải. Tri quá tối nhưng dù sao vẫn phân biệt được tốp lấy đạn ngủ bên trái, còn bên phải, cách người ôm Tồn độ vài chục phân, có một dãy người đến tự khi nào trong đêm, nằm đó.

Đàn bà! Hai từ ấy sáng bừng lên trong hjn đ hjn hoàn toàn tỉnh táo. Tồn cố giả v thờ nhẹ. Hjn cũng choàng tay sang người kia đúng như động tác của đối tượng. Ôi, đúng là đàn bà! Toàn thân hjn chợt run rẩy khi tay hjn chạm vào bộ ngực đầy lên qua làn áo mỏng.

Tồn cứ đ yên tay như vậy mãi đến một phút. Rồi cũng không th dừng lại như thế! Vậy là bàn tay Tồn bịt đầu lần tìm, vuốt ve.

Đêm tối giúp công việc hjn làm không bị ai quan sát. Đêm tối cũng cản trở, không cho đôi mịt rục rịch, thèm khát của hjn nhìn rõ người đối diện. Nhưng cảm giác của bàn tay mách bảo cho hjn rằng, hjn đang nằm cạnh một người đẹp và trẻ lịm. Cái b vai mềm như nhung. Mớ tóc dày có mùi thơm dễ chịu! Cái eo thật cho b mộng nở nang; và cuối cùng bộ ngực mới căng tròn và rịm chịch làm sao!

Bỗng người con gái tựa mình. Hắn khựng lại, nằm yên như chết.

Bấy giờ quả thực hắn hơi sợ một chút. Hắn thầm lạy trời, lạy đất, cho lão đại úy kia đừng biết và tốt nhất là không có gì xảy ra, phá cái điều hắn đang làm hắn mê mê, thêm khát.

Một lát sau, xung quanh vẫn yên tĩnh. Hắn tựa mình và nếm nhẹ bàn tay cô gái. Lần này hắn không ra. Hắn sợ nếm nhẹ thêm vài lần nữa. Không thấy kháng cự dù yếu ớt nào đó, hắn trở nên mạnh dạn hơn, choàng hẳn cánh tay rịn chích của hắn lên người cô gái. Vẫn yên lặng! Được thế, hắn càng lấn tới và bàn tay thô ráp, chai sạn vì đào hầm, cầm súng của hắn xoa nhẹ trên bộ ngực đầy căng.

Cô gái thức dậy thực sự. Có thể mọi cảm giác con người được kẻ khác giống đánh thức dậy đã đồng hòa chớp mắt hai tâm hồn xa lạ lúc ấy. Thay vì sự phản ứng, trong đêm tối m ảo, khuôn mặt cô hơi cười và ánh mắt loang loáng nhìn. Rồi như có phép màu giúp Tôn, cánh tay cô gái cũng choàng sang hắn, cho hắn một cái xiết nhẹ thần kỳ.

Như lửa đổ thêm dầu, Tôn trở thành người hùng trong khoảnh khắc. Chẳng hề biết sợ nữa, hắn luồn tay qua khuy áo cô gái.

Bất chợt có tiếng động mạnh rung chuyển một vài mái tôn. Lại có tiếng lanh canh như ai bốc đá ném lên. Hắn giật thót mình, co tay về. Hắn cảm giác như cô gái đang cười. Một giọng rất trẻ, rất nhỏ, rất nhẹ, chỉ đủ cho hắn nghe:

- Đừng sợ anh! Sỏi chạy đấy.

Tôn ngơ ngác nhìn lên mái tôn. Rồi đánh mắt sang vị trí của đại úy. Tất cả trở lại im lặng. Lần này chính tay cô gái vít người hắn xuống.

- Sỏi chạy là cái gì! Hắn thì thảo. Giọng hắn sát trên khuôn mặt cô gái thì phải.

- Ngốc ơi là ngốc! Sau tiếng nói như ru của cô gái là một nụ hôn kéo dài. Lúc ấy, trong óc hắn lóe lên: ``Gió chứ gì! Gió thổi tôn lay. Những viên bi và sỏi mà bom địch hất lên chiều nay phát lên tiếng lanh canh! Đúng không?``. Nhưng trăm năm nữa hắn không nói được ra câu trả lời ấy. Bởi khi, đôi bàn tay thô ráp của hắn đặt vào bầu ngực căng tròn, nóng rẫy của cô gái; bởi khi, đôi môi hắn, cặp ria hắn, chạm vào cặp môi nồng nàn của người con gái, hắn như được nạp vào cơ thể một luồng xung điện rất mạnh. Luồng điện mà đi Tôn chưa khi nào được biết, rùng rùng chuyển sang người hắn, dập tắt mọi ngôn từ của ý thức, cho hắn cảm giác kỳ diệu, mê mê, vô tận....

Vậy là, hai con người mà trước đó không hề quen thuộc. Thậm chí họ chưa từng mặt nhau trong đời, xoắn xuýt lấy nhau quên hết sự đi; quên hết, họ đang nằm trên mảnh đất nóng bỏng mà trước đó không lâu, sự sống, cái chết chỉ là gang tấc.

Có thể Tôn còn đi xa trong cuộc tình đêm ấy, nếu như anh có sự từng trải, giống như người lính già, đã k bao chuyện tình với anh. Song chẳng còn điều ấy nữa! Ấy là khi con người mắng tởm đè hẳn lên người cô gái, nguyên cả quần áo chiến trận; khi đôi tay rịn chích của hắn lồng vào cả thân hình cô gái, xiết mạnh, dưng như vừa muốn tan biến trong nhau, vừa muốn chiếm hữu đến ngột thở, là lúc hắn rung chuyển toàn thân. Một diễn biến mạnh mẽ chạy suốt trong từng dây thần kinh, mạch máu nhỏ nhất, làm hắn rung lên, run rẩy từng đợt. Hệt như cơn sốt rừng ập đến, làm hắn thờ đốc, người mềm nhũn, sau khi òa ra thứ nhựa cây đi ướt đẫm, món quà của tạo hóa chỉ ban riêng cho cánh đàn ông.

Cũng ngay khi ấy, có tiếng hú thất thanh của một đoàn tàu vào ga. Tiếng ken két rộn người của thép cọ thép. Và như có sự nổi lên cấp tập, đồng loạt theo một mệnh lệnh vô hình, sau tiếng còi tàu nói trên, tiếng gà gáy, tiếng người gọi nhau í ới vọng đến.

Anh vụt ri tâm thân cô gái. Vụt đứng dậy ra khỏi chỗ nằm, cả tốp lính cùng đồng thi nhồm dậy. Đại úy gọi như quát: ``Dậy, dậy thôi các đồng chí!``.

Tôn vợ vội đám bình tông rỗng ngổn ngang ở chân cột lán. Như tên bị, người lính khoảnh khắc trước đó còn mê mê, vọt ra đứng, hướng thẳng về đoạn ống nước cong vắn đêm qua.

Sự chuyển vận ở vùng nhiệt đới nhanh chóng quá mức. Khi Tôn chạy đi, trời còn tối lịm! Vậy mà lúc anh hứng xong cái bình tông cuối cùng thì chân trời phía đông đã rạng. Một dải hồng mong manh chỉ thấp lè tè sát đất, chớp mắt đã vén lên thành cả góc trời mênh mông hồng rực và từ đó những tia sáng vọt chiếu tung rõ mặt người.

Bấy giờ Tôn mới nhớ ra điều cần thiết là biết mặt cô gái. Anh chạy như điên trên đoạn đường đầy hố bom bị trở về. Thật là buồn! Trước mặt Tôn, cả tốp lấy đạn đã gói ghém xong bao đồ và bị đầu theo đại úy tiến ra giữa ga. Những xe lấy đạn cũng cuốn tung bụi, thành một hàng dọc bên đoàn tàu. Trên cái nền kho đêm qua, chỉ còn lại mùi cô gái thanh niên xung phong và Tôn không thể nhận ra: ai là em? Cả mùi cô gái, trong chạng vạng bình minh, đều giống nhau như đúc. Họ đang chải tóc, soạn hành trang lên đường.

Có cái gì đấy nhói vào tim người lính trẻ. Nhưng Tôn bắt lực vì từ xa đại úy đang vẫy. Rồi, những chiếc xe tải đã lùi đất sát vào đoàn tàu...

Một giờ sau, trên những hòm đạn ấm áp cả thùng xe, Tôn khẽ nhại mò hôi. Lúc đoàn xe vòng qua cái lán tôn, anh chợt thấy lòng tê tái và tiếc rẻ nhìn. Mảnh đất ấy chẳng còn một ai.

* * *

Chiến tranh có nhiều vô lý lắm!

Đến bến phà, người bạn trẻ nằm cạnh Tôn đêm qua nói (mà mặt họ ta vẫn nhìn đi nơi khác):

- Đêm qua sướng nhé!

Họ v cau mặt hỏi lại :

- Sướng cái gì?

- Tao không ngủ được. Mà thở mạnh đến mức ông nội tao cũng nghe thấy. Nhưng thôi mà... Tao chẳng được may mắn như mày!

Tôn trở mặt nhìn thẳng bạn. Cả hai đứa chẳng nói thêm li nào. Gió thổi tung mái đầu đen nhánh của bạn anh. Nghe rõ tiếng nước nước vỗ ò ò ở mạn phà. Tiếng ca nô nặng nhọc và làn khói đen xì bay lên lưng lơ ở đuôi tàu.

Ba giờ sau, đoàn xe tạm sơ tán. Họ nấp dưới tán rừng mỏng và quanh đó toàn cát. Ở đây, bữa cơm chỉ có nước thịt hộp nhạt toét và mấy ngọn rau lang già. Họ định nghỉ trưa thì máy bay ập tới, lướt qua nơi giấu đạn, bay thẳng vào Vinh.

Nằm trong gầm xe đạn nhìn về phía bắc, Tôn thấy những chấm đen chúi xuống thành phố. Từng cuộn khói như mây đen bốc lên từ mặt đất. Vọng về tiếng ùng ục, trầm trầm của bom khoan. Anh thấy những dải trắng chi chít các vết nổ của cao xạ. Đim trên nền xanh tri những bông hoa nhỏ m trắng. Rất gần, vạch lửa giăng lên từ một họng súng máy 14,5. Tôn nhìn thấy một chấm đen phụt khói và hạ thấp độ cao bay về phía đoàn xe đạn. Anh không cảm thấy cái gì nữa ngoài tiếng rít của máy bay bay thấp và sau đó là tiếng nổ chói tai. Số bom trút xuống bờ bãi của chiếc phản lực trọng thương đã đánh trúng đuôi đội hình giấu đạn.

Phải đến tám chín phút sau đấy, bọn Tôn mới xông đến nơi bom giội. Và nửa ngày sau, anh cùng đồng ngũ, trong một xóm nhỏ gần đường, mai táng cho chiến sĩ lái xe và anh bạn trẻ mới thân của Tôn. Khi hạ huyết, lâu lắm rồi Tôn mới khóc. Anh quý xuống, với một nắm cát trắng phau ném xuống nhịp quan tài.

* * *

Bảy năm nữa trôi qua, Tôn tham gia thêm nhiều chiến dịch. Cuộc chiến tranh triền miên giữ nước dẫn anh dọc suốt ba nước Đông Dương, rồi trụ lại ở Tây Nguyên và cuối cùng là giải phóng Sài Gòn.

Như có thần hộ mệnh, từ khi là chiến sĩ đến chỉ huy chuyên trực chiến đấu. Anh không hề bị thương. Đừng nói là anh thiếu lòng dũng cảm. Hai huân chương chiến công hạng ba của anh phủ nhận điều đó. Tôn là nhân chứng của nhiều trận đánh, của cả bao điều khổ ải lẫn vinh quang và khủng khiếp mà chiến tranh phải có. Những người như anh ở sư đoàn không thiếu. Nhưng ít ai có nỗi niềm riêng như anh là, suốt cả bảy năm ấy, anh luôn nhớ đến hình ảnh cô gái, tình cảm của đêm đặc biệt nói trên.

Thi gian đầu là những dư âm của cuộc tình bất chợt. Sau đó là hình ảnh mơ ảo của cô gái mà thi gian, trí tưởng tượng, lòng khao khát được yêu, cấu thành trong anh một con người có dáng dấp

hắn hỏi. Nếu có ai biết mà hỏi, chắc hẳn Tôn sẽ tả ra cụ thể và không ngại ngần khẳng định cô ấy đẹp nhất ở trên đời. Đã nhiều đêm, anh còn gặp lại trong mơ, một cô gái môi đỏ mọng như son, hàm răng trắng trong như ngọc, mái tóc dài sóng sánh xoắn bay trên vai, cuốn lượn trên bộ mặt phúc hậu có đôi mắt khát khao, trong sáng. Cô gái nói nhiều lần trong mơ với anh, li dị dàng rằng: “Em yêu anh!”.

Chuyện ấy có thật.

Một lần Tôn bị sốt ác tính. Muối Tây Nguyên trich vào anh thứ kỷ sinh trùng nguy hiểm. Lách Tôn sa xuống số bốn. Toàn thân đau đớn như dằm và cái đầu muốn vỡ toác. Suốt hai ngày anh sốt mê man hằm hập như có lửa. Người ta phải chọc vào ven Tôn liền hai mũi kỷ ninh dầu. Khi hồi phục, một chiến sĩ trẻ hỏi Tôn:

- Thủ trưởng có người yêu rồi à?

- Sao cậu hỏi vậy? - Tôn nở nụ cười trên đôi môi bạc phếch có viền tái đen.

- Ấy là em đoán vậy. Đêm qua thủ trưởng mê nhiều lắm. Có lúc lại ôm xiết lấy em. Người lính trẻ hồn nhiên k.

- Ừ, mình có người yêu rồi! Mặt Tôn nom sạm đi.

- Em đoán ra ngay mà! Chị ấy có xinh không hả thủ trưởng? Người chiến sĩ trẻ vẫn vô tư hỏi.

- Cô ấy hả? Tôn lặng yên một chút rồi tiếp: “Cô ấy rất đẹp!”. Sau câu khẳng định ấy, anh nhìn vào cõi vô định...

Đêm trong rừng mùa khô Trưng Sơn rất lạnh. Tôn ôm anh lính trẻ trong lòng mà chẳng hề chớp mắt. Câu chuyện với anh chiến sĩ dưới quyền lúc tối gọi lên nỗi nhớ da diết của anh về gia đình, về bạn bè, về cả cô bạn cũ cùng học đã tặng anh những tờ giấy thơm có dính nhiều bông hoa sữa nhỏ nhoi. Và, trong ảo giác chập chn, anh lại nhìn thấy cô gái ở sân ga Vinh đêm ấy. Một hình ảnh lúc tỏ, lúc mờ cứ bay lượn chấp chới ở đâu đây. Đôi lần Tôn giơ tay định nắm bặt mà không sao thực được, bởi mỗi lần như thế, cô gái lại tiến ra xa. Và, chỉ khi anh nhắm mắt, cô gái lại xích gần và hình như cô nói: “Sau chiến tranh, anh tìm em nhé!”...

1996

Người Hà Nội

Máy bay hạ độ cao. Anh nhìn xuống. Hai ngàn mét, một ngàn mét, anh đếm. Từ ô cửa sổ máy bay, anh nhìn rất rõ cầu Long Biên. Không còn cái ô thép năm xưa nữa. Những dầm cầu bị gãy đã được thay mới bằng những nhịp thép thẳng tuột. Bao lần đi về, sao anh vẫn giữ cảm xúc mãnh liệt của ngày ấy? Anh bất giác đưa tay lên dụi mắt. Bàn tay không ngăn nổi giọt lệ hiếm hoi tự nhiên tuôn ra. Anh khóc. Bất chợt kí ức một thời ủa về. Năm 1967. Không! 1968...

Bây giờ, anh không nhớ rõ, làm sao để không run rẩy khi bước lên cái ô vuông bằng thép trên đỉnh cầu cao tít. Gió sông Hồng lồng lộng thổi và bên dưới, sông Hồng cuộn trôi. Anh tưởng tượng, dòng nước dưới kia đục ngầu phù sa và kinh hãi nhận thấy sự vĩ đại của thăm đen.

Người ta trao cho anh ba lô và súng. Người ta huấn luyện cho anh ba bốn giờ gì đó ở trung đoàn bộ và người ta bỗng dựng gọi anh: Pháo thủ số ba. Số ba là lính nạp đạn. Tiểu đội trên cầu đang thiếu một pháo thủ và anh nhiệm nhiên trở thành số ba.

Tay pháo thủ số hai, người lính già hơn anh chút ít, lẳng nhin anh vài giây rồi chỉ cho anh chỗ gá súng: “Đây đồng chí để ba lô! Đây để súng”. Chỗ ngủ mới chông chênh làm sao! Anh bất giác ngó xuống lỗ hồng toang hoác chực như muốn lôi anh nhào xuống.

Gió đỉnh cầu khá mạnh. Cây cầu này, anh đã thuộc lòng trong bài tập đọc. Cha anh có lần nói, Long Biên làm từ những dầm thép thừa của Ep Phen. Người tiểu đội trưởng tỏ ra vồn vã hơn.

Anh ta chỉ tay, lôi anh đến ngay bên khẩu 12 ly 7 còn khen khét mùi thuốc đạn, bo: “Không có thời gian nhiều đâu. Đồng chí nhớ cho!” Anh tiện tay mở nắp thùng đạn. Những viên đạn óng ánh trong ánh sáng ri xuống từ chòm sao nhấp nháy trên vòm trời cao tít mùa hạ. Hình như buổi tối chưa tàn. Vọng đâu đây tiếng leng keng. Tàu điện giờ này còn chạy? Có tiếng rao xa

lác...Mùi thm m m thông từ bãi giữa đưa lên. Lại còn thế! Giờ này chắc mẹ mình đã đi nằm rồi. Liệu khi mùa thu về, chậu quỳnh của cha anh có hoa không? Anh man mác nghĩ.

Pháo thủ số một và số hai được đi ngủ. Tiểu đội trưởng và anh trực. Trực chiến là căng mắt mà đếm sao trời. Trông lên cao, những áng mây lững lờ trôi ngang. Tiểu đội trưởng chỉ cho anh xạ giới quan sát và bo: “Chúng nó cũng giỏi bay thấp cận trộm ra phết đấy! Xạ giới 4 và 14 kia, ấy là hướng cửa sông. Ngày hôm qua hai mươi nhăm lần máy bay cường kích”.

Anh không dám hỏi. Anh không dám nói. Anh bước tới cạnh lan can sắt lạnh lẽo. Anh đang cnh giới. Cậu bé mười by tuổi năm ấy có giọng hát khá hay. Mười lăm phút sau đó, không hiểu vì sao, anh cất giọng: “Đây hồ Gươm, Hồ Hoàng Hà, hồ Tây...đây lăng hồn núi sông ngàn năm. Đây Thăng Long, đây Đông Đô , đây Hà Nội...”.

Tiếng hát nhỏ, thương yêu vô vàn bay xa. Hình như tất c các chiến sĩ giữ cầu Long Biên đêm ấy đều nghe thấy tiếng hát của anh. Và những người lính trực ban đêm ấy cm thấy tình cm của chính họ được tan vào không gian, bay lên cao, vượn qua những tầng mây, lượn qua Bác Cổ, đọng trên những tàn sấu, dọc phố Huế rồi quay sang Tràng Tiền, hồ Gươm..

- Cậu là người Hà Nội? Người tiểu đội trưởng tới bên anh từ khi nào.

- Vâng! Em người ở đây mà!

- Gia đình cũng ở đây à ?

- Vâng ạ.

- Gia đình ta lên Hà nội lâu chưa ?

- Bố mẹ em người làng Ngọc Hà. Bây giờ ra phố ở. Ông nội em ở Hàng Hành. Em không s tán nên ở với cụ nội ở phố Hàng Chiếu.

- Cậu là người Hà Nội chính cống !

- Vâng ạ.

Khi ấy tự dưng anh nghi ngờ những câu ông ngoại bắt anh nhớ: Thăng Long phi chiến địa. Ai nói câu nói nổi tiếng ấy? Đó là m ước hay lời khẳng định? Là lời sấm, là tương lai? Còn ông nội từng bo: “Hà Nội hàng ngàn năm về trước, sau thời Lý là ni săn thú và bắn chim. Chỉ có rừng hoang mới có thú. Có chiến địa mới có đất hoang, rừng”. “Sử ký toàn thư ghi như vậy. Chúng nó hôm nay, hôm qua dọa biến Hà Nội thành thời đồ đá. Đá cái con tiều. Bố mày chết có con bố. Con bố sinh ra cháu, chắt...Để như si on thì thằng Tàu đã biến Thăng Long thành thời đại đồ vượn từ lâu rồi!” Đây là không phi anh nghĩ. Đây là lời ông nội nói với bố. Ông tranh luận với bố, ông bo: “ Hà Nội thừa chữ dưng. Thừa lòng dưng cm nên trong ca dao tục ngữ, chẳng có cụ nào dậy con cháu sự liên quan tới Uy tới Dưng. Chữ Tâm mình yếu lắm và vì thế, thời nào cũng nhan nhn lời dạy của cổ nhân chạy quanh chữ Tâm. Dân mình chẳng sợ tao loạn. Cứ tao loạn là muôn người như một, có ai giỏi giang phất cờ nghĩa là giặc ngoại xâm nào cũng thua. Nhưng giặc đi rồi thì lòng người thường li tán. Thế là chết. Kiều hùng đến thế mà không có một c đồ cho ra trò. Nhất Tâm trong c bình lẫn loạn thì đất Việt còn hn c thẳng Nhật”. Ông nghe thế, quay sang hỏi bố như gắt: “ Nghĩ kĩ chưa ?”

Anh chợt cắt dòng suy nghĩ miên man khi nghe giọng tiểu đội trưởng rõ ràng bên cạnh:

- Ngày mai trung đội ta ăn thè ở ô số hai. Cậu đại diện cho tiểu đội mình hạ quyết tâm nhé!

- Ấy chết, em ngượng lắm. Em chẳng quen thè thốt gì đâu. Anh cử các đồng chí khác.

Anh cúi xuống. Tay tiểu đội trưởng dụi tàn thuốc. Anh nhìn thấy vô vàn những đóm sáng bay. Sông Hồng đen ngòm cuộn chy...cm giác rì rào, rì rào.

- Các cậu lạ nhì. Thằng nào cũng hay hát. Tự do. Tráng ớn và chẳng thằng nào chịu thè một cách to rõ. Này, sớm mai đừng đại mà chui xuống gầm cầu đấy nhé! Đi lấy nước chỉ hai chục phút thôi. Quá hai mươi phút tớ sẽ báo động. Có người yêu chưa? Chưa h? Chưa thì đỡ trốn. Mà đừng trốn. Xin phép đảng hoàng để đi chi với em. Sao? Hello darling là này người yêu i có đúng không?

- Rõ! Anh tr lời đúng điều lệnh. Song thực tâm, anh vừa tức vừa buồn cười mà không dám nói ra. Sao thằng cha ló thế. Anh rửa thắm.

Tiểu đội trưởng thờ dài. Tiếng thờ trong tĩnh lặng, chỉ có gió là biết. Anh nghe thấy tiếng thờ dài ấy. Anh hỏi, anh quê ở đâu? Tớ h? Dân Thái Bình. Thái Bình là đất.. Nhưng tớ ra Hà Nội từ lúc

tám tuổi. Tớ học trường phổ thông An be sa ro. Cậu có biết, ngày xưa trường tớ toàn con Tây và con bọn nhà giàu đến học không? Tớ biết khá nhiều về Hà Nội đấy. Nhưng nhiều kẻ không nhận tớ là dân Hà Nội. Tại tớ nói nhiều từ địa phương mà. Bo thì nói rằng Bắu. Thìa nói là Đĩa. ..Người Hà nội tự kiêu lắm. Thế là chết đấy. Nhưng tớ không ác cm với cánh Hà Nội các cậu đâu, mặc dù các cậu ngang ngạnh lắm. Tiểu đội ta bỏ xung ba bốn đợt quân. Có đưa nào Hà Nội, tớ đều xin về c. Lính Hà Nội chiến đấu giỏi!

Anh quay sang nhìn người đồng chí của mình. Bảy giờ trăng thượng huyền. Song anh không thể nào nhìn rõ khuôn mặt của người tiểu đội trưởng. Cái mũ sắt trùm hụp và bóng cầu luôn xoay che lấp khuôn mặt. Nhìn, anh chỉ thấy một cặp mắt long lanh. Anh ta nói thật. Giọng rất thật. Tiểu đội trưởng cho anh nghỉ sớm nửa giờ: “Ngủ đi nhóc! Ngày mai đánh cho thật ra trò nhé!” Tiểu đội trưởng nói với anh như nói với một người đã thân.

Đó là một buổi sáng rất đẹp. Trời không một gợn mây. Xanh như ngọc. Gió rười rượi lùa tung mái tóc đen nhánh của anh. Kẻ thù dựng bọn họ từ t m, khi rạng đông. Hai mươi nhăm tốp máy bay ủa vào, bay cắt chéo cầu. Đấy là tốp nghi binh. Mười hai chiếc F 105 từ hướng Tam Đa nhào đến theo đội hình bàn tay xòe mới là tốp thực sự muốn cắt đôi cây cầu. Anh liên tục nhồi đạn vào thùng. Bàn tay rã rời như bông. Không có lẽ ăn thề. Không có hợp hành. Thời gian ngừng trôi trong một tiếng bốn nhăm phút. Bắ! Bắ! Bắ! Tiểu đội trưởng giọng khn đặc. Anh không nhìn thấy cây cầu nhiều lần chao đo. Không thấy từng đợt sóng trào lên, sủi bọt như thế đẩy gãy cây cầu. Nòng súng 12 ly 7 đỏ rực. Dội nước! Đái vào! Tiết kiệm cái cứt gì! Tiểu đội trưởng suýt xô bật anh khỏi lan can. Anh lồm cồm bò trong khói súng cay sè. Có tiếng rít chói tai. Pháo thủ số hai bị bứt khỏi đội hình khẩu đội. Cái mũ sắt của anh ta bị lột khỏi đầu, văng vào thành cầu, phát tiếng vỡ khô khốc. Anh chồm lên nhảy vào vị trí số hai. Tai ù ư ? Không! Hướng ba tư, xạ dài...dài.. Bắ ! Lần đầu tiên anh nhìn thấy con người bị trúng đạn. Pháo thủ số một bị mnh bom tiện ngang chân. Máu phun ra từ động mạch, phụt ra đỏ tươi, loang nhuộm đỏ c đám thép nhíp cầu. Bắ! Bắ! Tiểu đội trưởng ấn tiếp một thùng đạn. Anh xiết cổ. Cm giác như có sức đẩy làm anh hi nghiêng. Bắ! Hai chiếc F 4 nhào tới cắt bom. Bọn F105 điên cuồng tuôn lửa từ súng cực nhanh liên thanh sáu nòng. Anh không nghe thấy tiếng quát của tiểu đội trưởng nữa. Anh cm thấy mình bị xô mạnh. Rất mạnh. Và, anh bỗng bênh trôi trên những di đen tuyền mênh mông. Anh thấy một dòng sông đầy hoa chy vào Hà Nội. Anh nhìn thấy những cánh buồm nâu và hình như có mùi nước mắm thm phức, mùi dạ lan hưng ngào ngạt và cũng hình như không phi mùi dạ lan hưng. Hoa sữa, chỉ có hoa sữa mới thm tha thiết, da diết đến như thế...

Khi tỉnh dậy, anh thấy đầu mình nặng và nhức. Anh mở mắt và sau đó ráng sức vịn vào thanh sắt cong vắn để đứng dậy. Cầu Long Biên vẫn như buổi sáng hôm nào, vuren nổi hai bờ, chỉ khác là bây giờ cong vắn mấy nhíp. Có tiếng rã rắc chuyển rung trong gió. ánh sáng chớp lòa đầu đây. Nhập nhòe đèn hồ quang.. Và tiếng chân ai dồn chạy sầm sập trên cầu.

Anh loạng chạng bên khẩu 12 ly 7. Nòng súng còn nóng ảm và khen khét. Hình như người ta vừa thu dọn ở đây. Không còn vật dụng nào trong lòng cái ô sắt. Chiếc ba lô của anh và khẩu AK 47? Những quyển vở ghi chép của anh bị xé nát và gió ném đi, vưng lại dính ph phát vài tờ trên thành cây cầu. Anh nhìn vào vị trí của người tiểu đội trưởng. Anh ấy không còn tại đó nữa. Chỉ còn một vết loang sẫm màu mạn chín. Vết chy nhều xuống từng giọt bên mép thành cầu, khô đông. Anh như bị thôi miên bởi vết sẫm ấy. Mắt anh nhòa dần, anh cm giác, hình dung, đám màu sẫm chuyển động, từng giọt, từng giọt ảm nóng ri...ri... chy hòa vào Hồng Hà bất tận. Có tiếng còi rú lên đột ngột, cấp tập từ hát thành phố vọng tới. Anh hình dung thấy đường phố Hà Nội vắng ngắt. Hình như có tiếng lách cách phát ra từ đâu đây. Ông nội đã xuống hầm, mẹ anh chắc đang chui vào gầm cầu thang mà ngày xưa anh thường chui vào chi ú tim với đám trẻ con cùng lứa...

Một lực đẩy nào đó xuất hiện từ đâu lôi thốc người chiến sỹ đứng thẳng. Bên nòng súng 12 ly 7 đang ngóc lên như thách thức...Ai vô tình nhìn về hướng lô số ba năm ấy, ngày ấy, giờ ấy, liệu có nhận ra...Dưới vòm trời Hà Nội xanh ngắt, trong nắng dữ dội, bóng anh như tạc đúc bằng kim loại, dường như liền với những nhíp thép dầm cầu.

* * *

Hôm nay , ngày ấy đã xa xôi quá rồi. Người dân thành phố Hà Nội ai mà không biết cầu Long Biên? Nhưng trừ một số ít những nhà nghiên cứu chuyên nghiệp, không mấy ai chú ý tới cầu Long Biên của Hà Nội Anh có bao nhịp và bao nhịp đã gãy gục. Anh lặng người đi khi cô bé nhân viên hàng không xinh đẹp đã nhận cô ta là người Hà Nội xịn, lại tr lời anh rằng, Long Biên chưa khi nào có những lô vuông bằng sắt trên tít đỉnh cây cầu.

Máy bay nghiêng, chòng chành. Đề nghị anh thắt lại dây an toàn! Cô nhân viên hàng không nhắc anh và họ không tranh luận nữa. Anh nhào người ra phía ô cửa. Con sông lại hiện ra. Cây cầu có một di mây vắt chéo như choàng t. Anh không nhớ khuôn mặt của người năm xưa. Có một đêm sống bên nhau sao mà nhớ hết hình hài? Có một đêm thì nhớ cũng quên. Trách gì cô gái ấy. Thời gian phủ phàng đến vô tư. Bất giác anh căng mắt nhìn con sông.

Con sông kia. Trôi mãi trôi. Phù xa bao ngàn lớp.

Máy bay nghiêng, ánh mặt trời phn chiếu từ con không lóe sáng, dòng sông ánh lên màu hồng tui. Máu. Không phi, phù xa đây. Phù xa đang bồi cho cánh đồng Bắc Bộ. Cho cánh đồng Thanh Trì... Lúa, cá, hoa...nghe nói giờ ngập tràn trên các đường, ngõ, chợ thủ đô. Nghe nói, khi anh đi vắng, dân Hà Nội đã xây bao phố mới. Bọn hay về phép kể, Hà Nội sắp làm đường cao tốc. Hà Nội có thể nói ra tới Ba Vì, Vĩnh Phú...ừ , con sông i, trôi mãi mà. Phù xa bồi cho tất c. Lớp bùn non, mịn, óng ánh đã ngấm vào thịt da của anh, của bao con người hôm nay và tất nhiên riêng anh biết, nó chiết xuất từ bao dòng tím sẫm, của ông nội anh trên chợ Đồng Xuân, của...Và của người ấy, con người mà theo anh là người Hà Thành ấy, máu đã chảy, nhuộm cho màu cầu, dòng sông, Hà Nội...Tiểu đội trưởng của anh, anh không biết tên. Cần gì tên. Anh ta là người bo vệ cầu Long Biên. Anh ta sống, chết vì Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội... người Hà Nội, người Hà Nội...Tai anh nghe đột ngột vang động những âm hưởng trong trẻo ấy.

Tháng hai 1999.

Theo dấu chân Khoa ở Đức

Tùy ký

Bản tin Quê Hương (1) tháng bảy tại Đức chỉ vền vẹn dăm dòng, báo tin ngày nhà thơ Trần Đăng Khoa tới tham dự Hội Thơ của Câu lạc bộ thơ Việt Nam tổ chức Berlin – Germany, như chớp điện phóng tin làm bồn chồn bao người Việt Nam yêu mến cậu bé thơ thần đồng Trần Đăng Khoa một thuở. Nhưng để có dăm dòng tin ngắn ngủi ấy, Ban công tác cộng đồng người Việt tại Đức và Hội người Việt Nam Berlin đã âm thầm chuẩn bị suốt hơn năm tháng. Việc này, manh nha từ khi nghe tin Hội nhà văn Việt Nam bắt đầu từ mùa xuân Quý Mùi, nhân ngày tết Nguyên Tiêu, tổ chức hội thơ khắp nơi trong nước.

Mùa hè ở Châu Âu rất đẹp! Sau mùa đông và mùa xuân giá băng, rừng trụi lá bỗng xanh vụt kín và, nắng đổ chan hòa mười ba giờ một ngày, nhuộm hanh lên mặt đất đen buồn từ mùa đông - xuân trăm màu hoa lá, rồi cánh đồng xanh điểm những trắng hoa hướng dương vàng ôi ối, vô tận hai bên đường sắt, ven con đường đưa Khoa tới Bochum, mở màn cho chương trình tiếp xúc với đồng bào người Việt. Chuyến tàu nhanh ICE liên vận, êm như ru, trượt trên mặt ray, có khi tới 250 cây số giờ.

Thực ra ở sân ga, cùng với anh Phạm Vĩnh Thắng, trưởng Ban công tác cộng đồng Việt Nam, tháp tùng người bạn văn từ trong nước sang, tôi không khỏi lo lắng khi Khoa, nhiều khi ngơ ngác nhìn, dầu là anh cũng đã ở nước ngoài tới 7 năm.

Tại sân ga Ostbahnhof, Khoa cứ lơ ngơ như bò đội nón, chỗ nào cũng ngó, nghiêng, quan sát kiên nhẫn mọi chuyển động quanh anh. Năm ngoái anh đã đến đây theo lời mời của Cục báo

chí, bộ văn hóa Đức, cũng đôi khi trong chuyến đi ấy, anh cùng người phiên dịch, một bạn Đức, di chuyển bằng tàu hỏa. “Người Đức họ bố trí khít lắm các bố ạ. Kế hoạch chặt kín. Mà tàu hỏa ở đây khiếp quá. Cứ nhoáng nhoàng như những tia chớp. Tôi đã có lần cuống cuồng, bỏ quên cả túi xách nhỏ trên ghế chờ ở sân ga, trong đó có hàng chục cuộn băng ghi âm, hơn chục cuộn phim đã chụp và cả ngàn đô mang theo để phòng sự cơ nhở. Xềnh nhà ra thất nghiệp! Mọi điều đều có thể xảy ra. Thế mà họ vẫn tìm ra tôi để trả bố ạ. Đúng là truyện cổ tích! Chẳng có dấu vết gì! Họ dùng chó để hít à? Đây là xứ sở của chó Réch (2)! Này, cái bộ phim ấy chiếu ở ta nhiều người thích lắm bố ơi” Khoa thủng thỉnh nói với chúng tôi. Dường như với anh, nhiều việc ở đây cứ như truyện cổ tích hiện đại mà Grim chưa kịp viết. Bởi mọi việc đều diễn ra rất gấp gáp. Cái gấp gáp của một thời đại, thời đại mà cái gì cũng chuyển động rào rào, từ truyền tin, xe cộ, làm giàu lên rồi lại nghèo đi. Tất cả đều quay cuồng đến chóng mặt... “Tôi mà ở đây như bố thì khéo đến đứt giây thần kinh mất!”....

Đoàn tàu nào vào ga để lấy khách. Nước Đức, với lịch sử phát triển hệ thống giao thông đã hơn hai trăm năm, ngành đường sắt hôm nay cực kì phát triển. Trên đầu mỗi ga phía đông Berlin này, cứ chưa đầy một phút lại có một chuyến tàu vào, ra; mà, sau tích tắc, tốc độ tàu từ trạng thái tĩnh đã động vút tới hơn trăm cây số giờ. Nó lao như một viên đạn khổng lồ. Như vậy chỉ cần Khoa gần đoàn tàu quá mức an toàn, tôi sợ anh sẽ bị hút vào nó. Mà trông kia, chiếc xe đẩy mạ thép trắng với hai nhân viên mặc áo xanh trắng có viên đỏ thuộc công ty phục vụ đường sắt đưa từ đường ngầm lên một người Đức tàn tật. Khoa ngó nghiêng, sán lại, trở mắt nhìn. Tôi giải thích, ở đây bất kì người tàn tật nào cũng là thượng đế thực sự. Họ là đối tượng phục vụ ưu tiên số một ở xứ sở này, sau đó là người già và trẻ thơ, rồi kế tiếp là phụ nữ mang thai. Mọi chi phí phục vụ, ở cả tiền vé như người bình thường. Khoa ghé tôi thì thào như người buôn bạc giả: “Này ! thế nước Đức là xã hội chủ nghĩa hay là tư bản?” “ Nó là nước Đức!”. Sáu trăm cây số là tới Bochum, hơn ba giờ tàu chạy, nơi có vùng than Rua nổi tiếng, trung tâm công nghiệp tại phía tây nước Đức. Chúng tôi lao nhanh đến nhà anh chị Hạnh-Nhân phụ trách Hội lưu học sinh sinh viên Vifi ở đây. Cũng chỉ hơn một giờ vừa nghỉ ngơi vừa ăn trưa, chúng tôi lại lao tới hội quán của Vifi, nơi các em học sinh và sinh viên Việt Nam đang chờ đợi nhà thơ Trần Đăng Khoa tới.

Tôi cũng đã tham dự nhiều hội nghị văn hóa văn nghệ quần chúng Việt Nam tại Đức. Thế mà lần này, chúng tôi thực bất ngờ khi các em đón anh Khoa: một cái phòng nhỏ hơn sáu chục mét vuông, bất ngờ òa ra tiếng ghi ta, vút lên giọng hợp ca trong trẻo, khi bước chân đầu tiên của Khoa chạm vào cửa chính. “Mặt đất bao la hiền hòa, anh em ta về...gặp nhau trong bão lớn quay cuồng trời rộng...”

Ơ hơ! Tôi ngồi bên Khoa trước các cặp mắt thơ ngây, lay láy tin yêu của bọn trẻ không chớp ngắm anh Khoa. Hỏi ra, các em đã tranh thủ những giờ phút nghỉ ngơi hiếm có mấy tuần trước, chuẩn bị cho chương trình ngày đón anh Khoa. Các em đa phần vừa từ Việt Nam tới đây ăn học, người lâu nhất đã đến Đức hai năm; có cháu nước da còn nguyên cái nắng Sài Gòn, có em mũi mỗ hôi, quần áo chưa hết nồng hè Hà Nội. Tôi nhìn, gần chục kiêu bào lớn tuổi cũng tới đây chung vui. Có người tới đây từ vùng xa hơn sáu trăm cây, có chị đã mười bảy năm nay chưa về quê nhà; họ đâu có thể hình dung Việt Nam giờ đã ra sao; lưu trong cái trí nhớ cũ, xa xăm chỉ là thời đầy khó khăn sau chiến tranh khi họ rời tổ quốc ra đi. Cũ lắm, xưa rồi. Giờ đây ngỡ ngàng rưng rộ, khi trong câu chuyện của Khoa trả lời nhiều câu hỏi của họ. Họ hình dung thấy đất nước đâu còn nhiều vất vả, đã vượt lên chính mình, cả những mặc cảm, quan niệm cũ kỹ, đang hòa nhập với thế giới rộng lớn. Miền Tây nước Đức, đa phần là số người miền Nam di dân trước và sau bảy năm, khác với miền Đông Đức đa phần là thợ khách tới Đức từ miền Bắc. Tôi không thể nghĩ ra, rằng người nghệ sỹ, nhà thơ Trần Đăng Khoa đang làm công tác của một cán bộ quân đội giàu tính thuyết phục, từ thơ và mấy câu chuyện giản dị quê nhà... Ba tiếng chung vui cho tất cả chẳng phân biệt bạn là ai! Các em nhắc tới nhiều bài thơ của chú bé Khoa thần đồng ngày nào. Bao câu hỏi ríu rít bày chim vây lấy Khoa để nhận về nhiều câu chuyện dí dỏm tếu táo của anh Khoa đã bốn sáu tuổi hôm nay. Hơn ba tiếng trôi qua, những bài thơ và chuyện quê hương xứ sở xưa đi cái ngõ ngang của vài người lớn chưa một lần gặp

ông thi sỹ cộng sản, “ngó bộ cũng mần lãng mạn ra phết, bởi nom hiền khô , cũng yêu vụng dại như mình...”

Họ tiễn tôi chúng tôi trở về Berlin. Tôi quay lại nhìn. Rua, khu công nghiệp bây giờ thảng năm xanh muốt. Hình như Trần Đăng Khoa đã gieo thêm một mầm mới ở nơi đây. Tôi nghĩ thầm: Gã Chân quê... khôn như rận

Khi này đã tám giờ tối mà trời còn sáng trắng. Một giải nắng như tấm lụa màu hồng choàng bên trái nửa nóc nhà thơ cao vót bên kia. Mặt con sông nhánh của Elbe chảy qua Berlin chậm trôi trong ánh hoàng hôn, còn nhìn rõ từng bầy loang loáng thiên nga và vịt trời bơi lội.

Hơn ba trăm người sau một tuần kiếm sống khắp nơi, làm việc mười mấy tiếng mệt nhoài, quên cả ăn tối đã tới Nhà trung tâm văn hóa Berlin làm đêm thơ cộng đồng và đón anh Khoa từ Hà Nội vừa sang.

Tôi mệt nhoài trong tư cách ban tổ chức Hội Thơ toàn nước Đức sau hơn sáu tiếng đồng hồ, có hơn ba tiếng dành cho Khoa với công chúng. Cũng như thế, ở bao địa danh khác từ Bochum tới Potsdam, Berlin, Leipzig, Brandenburg, Margderburg, Schwerin v.v...đâu đâu trên nước Đức xa xôi này, người Việt cũng nhớ tới những bài thơ của Khoa làm từ hồi còn mang danh hiệu Thần Đồng. Cũng như bao thi sỹ của một thời bom đạn, thơ Khoa trở thành tài sản có thể không còn thuộc về Khoa nữa. Người ta hát, người ta ngâm, người ta tò mò hỏi tất cả những điều liên quan tới những bài thơ kỳ diệu ở tuổi thiếu niên của Khoa, chất vấn nhiều vấn đề liên quan tới các thần tượng văn chương của họ mà cuốn Chân dung và đối thoại Khoa đã đề cập. Cựu chiến binh Trần Văn Hạnh, anh thợ cắt may sửa quần áo tại Schwerin đến tìm Khoa tâm sự: “Tôi nhớ lắm, thầy tôi giảng văn dưới hầm. Bom Mỹ ném xuống thị xã, Phố Nối, Cẩm Giàng ì oàm vọng về Châu Sơn...Thầy Trần Gia Tập của tôi đọc những vần thơ Trần Đăng Khoa và bọn tôi thuộc ngay chẳng khó khăn gì. Chúng tôi mang thẳng ra mặt trận bao bài thơ của anh, cả biết bao bài thơ của các nhà thơ khác từ ghé nhà trường và trở về khi hòa bình. Có biết bao người đã hy sinh, chôn theo họ cả những trang thơ hồi ấy. Tôi sống sót trở về, lại ra xứ người mười sáu năm rồi, nhưng chưa khi nào tôi quên những bài thơ thầy tôi đã dạy. Thời buổi bây giờ thế nào ấy! Nay anh- Hạnh quay sang tôi - có phải thế không nhà văn? Ông Hữu Thịnh có câu: Còn một chút hoa giọng giềng cuối giậu/ Sợ một chiều sương muối đến mang đi.” Giọng Hạnh chùng xuống. Chiều đang dần tắt ở Schwerin. Tôi chợt nhận ra trong đôi mắt thăm thẳm kia, nơi đây dù đất người xa lạ, nhưng hình như gặp Khoa, người ta chợt thấy quê hương họ một thời cam go, một thời bom đạn với biết bao kỉ niệm quá đỗi yêu và thương.

Nhưng thực chất lắng nghe tất cả những câu hỏi của công chúng, tôi phát hiện ra rằng, cậu thần đồng Trần Đăng Khoa cũng như nhiều nhà thơ Việt Nam một thời đã xây được ngọn tháp văn chương tin yêu của một vài thế hệ. Với riêng Khoa, chính bằng những vần thơ đồng quê của cái làng nghèo.

Cuộc nói chuyện tay đôi giữa cựu phi công Mic 17, anh Trần Đình Ngân, bây giờ làm hội trưởng Hội người Việt Nam tại Zeulenrotda, bữa nay kéo cả nhà, vợ con, lặn lội qua cả nửa ngàn cây số lên với Khoa. Trần Đình Ngân nói: “Trời ơi. Tôi thuộc hết những bài thơ ngày xưa của anh. Còn bây giờ tôi không thể nào thuộc các bài thơ mới của Khoa...”

Người ta không biết, rằng họ như thế là đã chọc vào nỗi niềm sâu kín của khoa. Nhưng con người trả vờ chân quê này khôn như rận. Anh không hề phản ứng mà vẫn cười cười thông cảm với bạn đọc của mình. Tôi cãi hộ bạn, lấy bài thơ năm nào mới đây, bài Chiều Riazan và bài ở Nghĩa Trang Văn Điển, rồi luôn cả bài Gửi Bác Trần Nhuận Minh v...v..., hàm ý minh chứng: thơ Khoa bây giờ vẫn hay, thậm chí hay hơn nhiều so với cái thời chần trầu cắt cỏ của cậu. Nhưng thiên hạ không tin tôi, cái người cựu chiến binh kia không tin tôi. Anh nhất quyết, rằng như thế tại sao anh không thể nào thuộc thơ Khoa hôm nay.

Tôi nhìn người phi công cựu chiến binh tóc đã bạc trắng đầu. Bên ngoài cửa sổ, dòng sông vẫn cứ lững lờ trôi. Những con thiên nga trắng bồng bênh trên dăm vệt sóng nước, chỉ như những nốt nhạc đứng lặng giữa dòng trôi. Thời gian thực phũ phàng! Mỗi người có một thời trai trẻ. Nhiều thế hệ thích thơ Khoa từ khi họ còn thơ ngây, khi tâm hồn họ còn trong sáng, có thể

thắm thấu tất cả cái gì đẹp tươi của một thời. Cái gã nhà quê kia, thời ấy đó gieo vào lòng họ, công chúng, những bài thơ khi văn hóa gã mới chỉ cấp một, nhưng dòng máu thì ngấm tràn, đầy ứ phong nhã của một vùng dân ca, như linh hồn đồng quê Việt nam thắm đẫm trong anh mà làm nên Tiếng rơi rất mỏng của chiếc lá đa trên sân chùa vắng. Và điều ấy, có phải chẳng là điều đã làm nên một Thần Đồng trong tâm tưởng nhân dân, những thi sỹ Việt Nam một thời sống ở tâm tưởng của nhân dân, làm nên huyền thoại cho cả thế hệ con trẻ bây giờ tôi gặp lại các em từ Việt nam mới sang học tập tại Bochum. Còn họ, hôm nay, thế hệ đạo ấy, những người yêu quý thơ anh, thực chất cũng là yêu quý một thời xanh trong cửa họ; bây giờ thế hệ ấy già rồi, những bài thơ hay của thời xưa ở lại bên trong; còn những bài thơ mới của Khoa và biết bao thi sỹ khác ở Việt Nam, không chỉ riêng Khoa hôm nay, đã trượt lên những vết sẹo, vết chai của con người và của thời kì tân thị trường? Hay là con người ta, với sự xuất hiện của thời kỳ mới, tâm thức thường thức chuyển sang giai đoạn khác, đòi hỏi một sự chuyển đổi mà thơ ca chưa đáp ứng được một cách đầy đủ thỏa mãn? Và, họ, cả công chúng lẫn người nghệ sỹ, đành ngậm ngùi chấp nhận một thua xa xăm...

Đêm văn nghệ Hội Thơ ở Schwerin lại chào mừng anh Khoa, nhắc nhớ tới ngày thương binh liệt sỹ 27 tháng 7. Các cháu học sinh nét mặt rất mừng tở, con em đồng bào ta, những cựu quân nhân tập vội bắt hát Hạt gạo Làng Ta theo ý kiến cha mẹ chúng. Thành phố du lịch nhỏ có nhà thờ cổ hơn mười thế kỉ, trong đêm đẹp như một bức tranh tĩnh lặng, chợt choàng thức giấc khi tiếng hát trong vạt cửa của con trẻ Việt nam, thế hệ người Việt thứ hai ở đây. Tiếng hát bay trên những ngôi nhà cũ từ thời Đông Đức với sang đỉnh nhà thờ cao vút, nơi có tiếng chuông hồi nãy khi hoàng hôn đã ngân nga ngân nga bay xa mãi trên một vùng đất thanh bình. Đêm liên hoan kết thúc, khuya lắm rồi, bọn tôi về nhà anh chị Ngân Tinh nghỉ. Những độc giả của Khoa cứ bịn rịn trong hơi sương đã ùa ra khắp thành phố. Trên mặt đường đá bắt đầu nhem nhếp sương khuya, một người trạc tới hơn bốn chục tuổi cứ lắc lắc mãi tay Khoa:

-Em, chẳng biết gì về thơ đâu. Em biết ơn các nhà văn. Đã ngồi trong lều bạt bán quần áo, đọc liền một mạch cái cuốn sách Đảo Chìm anh viết đấy. Hôm ấy mưa to lắm. Anh làm em nhớ lại cái thời canh đảo của đọan vị hải quân chúng em. Em khóc anh ạ. Anh viết thật. Thật quá. Đúng với cái ý nghĩ của bọn em, những người lính phải xa nhà, xa đất. Tiểu đội em có con chó từ đất liền đưa ra. Nó hết như con lợn ở chuyện của anh. Nơi nào vắng vẻ quá, con người ta biết quý thương con vật như bầu bạn.

Phải rồi, bấy nay Khoa ít làm thơ và năng viết văn xuôi. Cuốn Đảo Chìm ấy tôi đọc năm ngoài trong những đêm không ngủ ở Teltow. Văn xuôi Khoa với Đảo Chìm dung dị, trong sáng, không điệu dàng. Trong sự hoang vắng nơi đảo xa, biết bao khó khăn của người lính canh đảo, với Đảo Chìm, Khoa đã biến con lợn thành nhân vật chạy dọc gần chục trang sách, thành như một người bạn lính biết sẻ chia với con người những chiến sỹ hải quân ngày đêm giữ vững biên giới biển cho đất nước... Thế mà một nhà văn tầm tiếng hải ngoại có lần xui Khoa: "Tôi chỉ phục Đảo chìm của anh, nhưng vào tay tôi sẽ đẩy tới cùng câu chuyện ấy". Vậy nên thế nào? Khoa cười hỏi. "Bằng cách cho người lính đảo ăn nằm(3) với lợn." Trời ơi. Văn chương cũng có ngách khốn nạn thế là cùng! Trong thâm mỹ riêng của mình, Trần Đăng Khoa biến lợn thành người, còn người ta lại đẩy tới cùng, muốn biến Người thành lợn. Biến người thành lợn, ấy là người ta muốn người chiến sỹ trong khó khăn nơi đảo xa quay về với bản năng thấp hèn hoang dã của loài thú?

* * *

Tôi nằm yên trong đêm nghe tiếng gió hè thì ào trên những ngọn cây bên cửa sổ. Có mùi hương hoa hồng buông cánh đang hết độ nức hương cho đêm hè. Thế là đã qua hơn hai mươi ngày chan hòa vàng nắng nơi đây với Khoa. Chỉ mai mốt chia tay nhau, Khoa trở về Việt Nam, quay về với đất mẹ. Tôi nhớ, buổi đầu đọc thơ ở Bochum, Khoa nghiêm chỉnh trong bộ comle. Tôi nhớ, sau đó, khi phát hiện Khoa mặc quần phục đẹp hơn mặc com lê, Khoa đã mặc thay đổi hai bộ quần phục người lính để đến với đồng bào của mình. Tôi hình dung lại cuốn phim quay chậm, nhà thơ Trần Đăng Khoa thần đồng với các bạn đọc yêu mến nhau đến thế của anh. Như biết bao thi sỹ khác của chúng ta, đã khắc những dòng thơ của họ lên tảng đá của

thời gian một thừa! Cái gì thuộc về nhân dân có lẽ sẽ là điều bất tử, có phải thế không Khoa? Tụ đọng trong đêm từ đâu, vang vang bài hợp ca của anh em lính cụu tại thành phố công nghiệp Leipzig, giữa Trung tâm bán buôn Bến Thành. Tiếng hát hôm ấy làm ấm áp lòng những ai đang xa cách cố hương mà vẫn đau đáu một thừa chưa nguôi. Tôi nhắm mắt. Vẫn tiếng ca ấy không tắt dội về:

“Mãi mãi là chúng ta...Ca bài ca người lính...”

Vâng, Khoa ạ, Mãi mãi là chúng ta, dẫu chúng tôi còn ở nơi đây xa lắm, ở xứ người.

Nước Đức hè 2003

1-Bản tin của đảng ủy đại sứ VN tại Đức

2- Bộ phim hình sự của Đức có nhân vật con chó tên Réch

3- Thực ra nguyên văn câu nó này tục hơn nhiều. Để khỏi bần trang văn, mắc lỗi với bạn đọc tôi dùng tạm từ nay hoá vị.